

Xuân Thu

Cơ Sở Ấn Loát và Phát Hành Đa Loại Sách, Tiểu Thuyết, Tự Điển Thông Dụng
Phục Vụ Cộng Đồng Người Việt Tại Hoa Kỳ và Hải Ngoại từ Năm 1976
P.O. Box 720065, Houston, Texas 77272 U.S.A. (713) 498-1474

CHỚP BÈ
MƯA NGUỒN

CHIỀU hôm ấy, tất cả làng Nghĩa-đô nháo lên, về câu chuyện bà Móm tự tử.

Đầu tiên cái tin hỏa tốc bùng đến tai họ rằng:

— Bà Móm tự tử.

— Ở đâu?

— Ngoài ao Giếng.

Người ta ào ào, kéo đi xem. Hóa ra không phải. Câu chuyện xoay nghiêng ra thế này: Chẳng biết có một điều gì bức dọc, bà Móm giận con trai và nàng dâu. Không giận vừa vừa, mà bà lại giận quá. Thế là con tức bưng bưng lên. Bà xắn hai mếp váy, xăm xăm chạy ra ngoài ao Giếng. Bà la vang cho bốn bên hàng xóm và cho vợ chồng thẳng cả Mí biết rằng bà đương đi đâm đầu xuống ao đây. Không có ai ra can bà. Vậy bà nhảy phóc xuống ao thực. Đánh úm một cái. Rồi bà bấu hai tay vào cái cọc cầu ao. Bà rúc đầu vào giữa bụi cây cúc tần, mọc lòa xòa xuống vệ nước. Mồm bà ngoác ra. Không phải vì sắc nước. Không phải để hắt hơi. Bà ngoác mồm ra để kêu thực to. Kêu như có nhà ai cháy ở trong xóm. « Ồi làng nước ơi! Ồi làng nước ơi!»

Làng nước chạy đến rầm rập. Ai cũng chưng hửng. Người ta hốt hoảng chạy đến, không cốt để xem bà lão tự tử cái kiểu khôi hài như thế. Tay bấu vào cái cọc, đầu ngóc lên ở trong bụi. Miệng la om sòm. Những người hay chế giễu cười hí hí. Những người khó tính văng ra mấy câu chửi. Họ chớ thây, điềm nhiên đứng xem bà lão kêu. Vợ chồng anh cả Mí tưởng là mẹ cãi nhau đôi vói ai ở ngoài đầu ngõ, rủ nhau đóng kín cửa lại. Ở dưới mặt nước, bà lão vẫn kêu ông ông. Hơi lọt qua những kẽ khe răng hèn, làm cho những tiếng vỡ ra phều phào. Ai cũng tưởng bà lão chỉ kêu được vài câu thì chối cò, phải lóp ngóp bò lên. Chẳng ngờ, hòng bà lão khỏe quá. Bà lão vẫn kêu rầm rầm. Mãi sau, có người, sốt ruột, xuống kéo bà lão lên, đưa hộ về nhà. Bà lão liền lên ngay. Ở dưới nước một lúc, đã thấy chán!

Bây giờ bà lão Móm ngồi đấy, ngay phía ngoài đầu hè. Váy áo vẫn còn ướt xúng. Cái màu nâu bệch, giúng thêm vào nước và bùn, thâm xỉn lại. Khuôn mặt xị xuống. Đôi vành mắt khép lại. Tất cả những nếp nhăn trên khuôn mặt cần đều chảy giạt xuống phía cằm. Chiếc cằm méo mó, thủng một hõm mòm. Cái mòm móm mém ấy, thế mà kêu to. Giá cứ yên lặng mãi, thoát nhìn, người ta tưởng đấy cũng là một đống rạ nát như những đống rạ nát ở xung quanh.

Chợt bà lão Móm nheo mắt, kêu ế một tiếng. Hai tay bà xóc váy lên. Ở dưới bụng chân, thũng lằng, lác

lư một con đĩa trâu. Nó to mòng mọng như một quả chuối bụt. Ra nó theo bà lão từ dưới ao lên. Máu bà lão, đựng vào trong bụng nó, làm cho cái bụng mẫm tròn xoe và to kềnh.

Bà lão Móm rút chú đĩa trâu ra. Máu cũng tuôn theo tay. Bà quăng con đĩa ra giữa sân. Một anh gà ở đầu chạy đến, xía thử một mỏ, rồi đứng hiếc một mắt lên trời mà ngẫm nghĩ. Một lát, chừng như đã ngẫm nghĩ xong, anh gà cung cúc tha chú đĩa ra đằng sau nhà.

Bà lão Móm đi lấy vôi khoan vào chỗ đĩa cần một vòng tròn. Rồi bà lão lại về ngồi chỗ cũ. Bà bắt đầu một cuộc chửi. Trước hết bà chửi con đĩa. Con đĩa nó hút máu bà. Thứ, bà chửi đứa con dâu. Thứ nữa, bà chửi đứa con trai. Rồi bà chửi đến những đứa nào lúc nãy kéo bà lên, không để cho bà được chết.

Hai vợ chồng cả Mí phải sang thời cơm nhờ bên hàng xóm. Và cũng ăn nhờ ngay ở nhà người ta.

Ngày tháng tám năm ngoái, thằng Mí lù lù dẫn ở đầu cái báo chương của nó về. Cái báo chương ấy là một con đàn bà. Nó gặp người ta ở một đám hát trống quân bên làng Phú-gia. Chắc là hai đứa chim nhau. Rồi con kia theo thằng này về nhà. Ở lý với nhau. Thành vợ thành chồng từ đấy.

Ôi thiên địa! Bà lão Móm ngạc nhiên không thể tưởng tượng được. Bà không thể tưởng tượng được

rằng ở trên đời lại có một con đàn bà đốn mặt như thế. Chẳng tưới xin gì hết, nó đường hoàng đến nằm vào nhà người ta. Bà cầu nhàu phản đối. Thịnh thoảng Mí lại bênh vợ — cũng là vợ ư? — mà cự bà kịch liệt. Nó cự bà cố chấp. Bà khoanh. Bà ác. Nó lại giải nghĩa rằng bà không có tiền lấy vợ cho nó, thì nó phải lấy như thế đấy. Cái thằng bất hiểu, mở miệng ra nói toàn những câu chối tai.

Bà khoanh gì. Bà ác gì. Bà không có tiền lấy vợ cho nó à? Đâu bà có muốn thế. Chẳng qua là cái ông Trời cay đắng kia chưa muốn cho bà khá. Thôi thôi vất đi ráo! Con gái theo trai, con trai lấy vợ hoạn, là vất đi ráo! Nhà bà không có cái giống ấy. Ngày xưa, bà đi lấy chồng, nghèo khổ lắm. Vậy mà hàng xóm cũng được nhai bồm bẻm miếng trầu. Làng nước cũng nhận được năm chục viên gạch thay tiền treo....

Trong nhà, sinh ra lắm sự ằng. Cũng may về, phần kinh tế, ai cũng độc lập cả. Nhưng ta chỉ ở trong một nhà, còn người ta ăn riêng của mình. Đồng tiền, phân bạc chia rẽ nhau ra. Bà mẹ đi khâu và mướn kiếm ăn. Hai vợ chồng người con cũng làm lấy nuôi miệng. Không ai phải nhờ lụy ai. Thành thử cả nhà cứ cãi nhau suông. Phần nhiều, chỉ vì những câu chuyện rất con con. Người ta cãi nhau cho vui nhà.

Cứ trông thấy mặt con vợ thằng Mí là bà lão Móm đã lộn ruột lên rồi. Bà ghét nó về cái gì? Đủ thứ. Ví dụ như bà ghét cái áo cánh của nó mặc. Áo

đầu mà áo hồ lơ xanh lè. Chỉ có nhà thổ, chỉ có nhà trò, mới hồ lơ chường mắt như thế. Con này đích là hai cái phường ấy. Áo đầu mà lại may chèn vào người, xung quanh gấu, may tròn xoe, không xẻ không triết. Thực là dơ đáng. Bà đây đã già đời cầm kéo, cầm kim, cũng chưa thấy ai mặc cái áo lỗ lảng như thế bao giờ. Lại chỉ hai cái phường trên kia chúng nó mặc. Bà lão nói bô bô tất cả những ý nghĩ của mình lên.

Con vợ nó tím mặt lại. Thằng chồng nó tái mặt lại. Chúng nó đối lại rằng bà hủ lậu. Cả đời, bà chưa bước chân ra cái đất Hà-nội, bà biết đâu những sự tân thời bây giờ. Bà chỉ nói vụ vợ. Bà chẳng biết cóc khô gì hết.

Tức quá, bà lão chửi tể lên một độ. Chúng nó im. Chỉ có chửi là chúng nó phải câm. Chúng nó sợ miệng bà. Cái miệng móm mém mà nói loe loe.

Một hôm. Đâu sau cái ngày bà Móm tự tử hụt được độ nửa tháng. Buổi chiều, vợ cả Mí đi làm về, bỗng kêu đau chân. Nguyên từ một phiên chợ nay chị à đi đường, dẫm phải cái vỏ hến vỡ. Nó cắm vào gan bàn chân. Máu loang ra. Chị ta nhờ cái vỏ hến, rồi nhét đất vào chỗ vết đau, để cho máu cầm lại. Cũng coi làm thường.

Chẳng ngờ, vết đau loét mãi ra. Hôm nay nó nhưc

nhối. Một thứ nước vàng lầy nhầy theo vết loét chảy ra. Chị à thấy kệnh kệnh dưới bàn chân. Đi đứng có vẻ khó khăn. Rồi chị không thể đi được nữa. Ấy là khi vết đau bắt đầu tấy. Nó sưng lên vù vù. Đầu tiên, cái gan bàn chân to như chiếc bát úp và đỏ lừng lừng. Cả đến cái bụng chân cũng béo ra. Mổ thấy cứng cứng như có tụ máu. Chị à nhả nhó ngồi ôm chân cả ngày. Rồi mổ, rồi máu tươi do chỗ đau cứ phòi lên. Người ta bảo rằng mụn sưng *bấp chuối*. Người ta bảo rằng mụn lên *đầu gối ông voi*. Mụn đánh nằm mà rên hừ hừ.

Sung sướng cho bà lão Móm! Bởi vì, nhân dịp này, bà lão có thể trả thù được con mụn. Nó nằm chổng đấy, không lách đi đâu được. Bà lão có thể bắc ghế lên mà chửi rửa, mà nhiếc móc nó. Nó không lảng đi đâu được. Nó phải nghe đầy hai lỗ tai.

Thế rồi, bà lão Móm làm như vậy thực. Mỗi buổi sáng, từ lúc trời dậy, bà nhiếc móc nó, cho tới khi bà cấp thúng đi khâu. Chiều về, bà ngồi ngang trước bậc cửa mà chửi. Bà chửi mãi tới lúc bà đi ngủ. Cô à nằm bệt trong giường. Không dám hé răng. Chắc cũng chói tai lắm. Nhưng mà đau quá, không thể nói được.

Bà lão tha hồ nói. Dù các câu nhảm nhí và đủ các kiểu chửi. Anh cả Mí cãi nhau với mẹ, không thể địch lại được. Bà lão thắng thế, càng chửi già. Người đau nằm kia, tiếng của bà lão bay vào chơi chói, nghe như đóng đinh vào lỗ tai, nghe nhức như vết nhức dưới chân.

Được nửa tháng, vết đau của nó bắt đầu dịu xuống. Nó chán phòng lên, thì nó tẹt xuống. Mụn đàn bà tin như thế, và mặc kệ. Cũng như mụn mặc kệ cho bà lão dở hơi muốn nói đông nói tây gì thì nói, tùy sở thích. Nhưng ở chính chỗ đau dưới bàn chân, lại nổi bờ lên cao vờ vờ. Những đường trắng trắng bờ ra xung quanh miệng. Cái miệng đỏ hoe, sâu vào, thành một cái lỗ tun hút. Lúc nào cũng nực lên một mùi thối lăm. Bây giờ nó hóa ra một vết sâu quảng. Bà lão Móm lại rửa cái vết sâu quảng của nó.

Nó tập tễnh đi ra cửa được. Nó đã chán tai nghe chửi, từ bữa nằm giường. Nghe lăm, như nghe hát hay. Không thấy cảm động và tức tối nữa. Nhưng thực nó đã chán cái cảnh nhà này rồi.

Bởi vậy, một bữa kia, nó khập khiễng tếch đi mất.

Khi anh chồng biết là vợ mình đi, chắc không bao giờ trở lại nữa, thì buồn iu mặt xuống. Bà lão mừng rơn. Bà bảo con:

— Cái ma, cái quái nó vào nhà mày đấy. Mày lại còn thương tiếc nỗi gì!

Sau ngày vợ đi được vài tháng, anh cả Mí cũng ra đi nốt. Không phải là đi tìm vợ. Mà anh đi làm ăn. Ở làng nước, vào hồi này, cơm gạo cũng khó kiếm lắm. Và lại, anh chán và sợ bà mẹ lắm điều quá. Vợ anh đi rồi, không có ai để cãi nhau, bà lão cứ hực hực với anh. Cả nhau đã thành nghiện!

Người ta đồn rằng anh cả Mí đi Sài-gòn. Và người lại đồn rằng vợ anh cả Mí đem cái chân đau vào nằm nhà thương, người ta چرا cụt ngoém chân đi rồi.

Bà lão Móm cũng chỉ được nghe làng nước đồn đại mơ hồ như thế. Bây giờ thì bà lão ở một mình. Một mình trong căn nhà rộng thênh thênh. Có những buổi chiều mùa hè, từng tầng mây trắng đùn lên ở phía chân trời tây. Không có cơn mưa. Nhưng có chớp dấy chớp nhọ ở trong những đám mây. Có ý ầm tiếng sấm ở đâu đâu. À, đấy là chớp bè, đấy là mưa nguồn.

Bà lão đứng trong cổng ngõ trông ra.

Chao ôi! chớp bè, mưa nguồn. Chắc ở bên Sài-gòn đương mưa to lắm.

Bà Móm ôm mặt, hu hu khóc.

« Ôi con ơi!... »

(1942)

4

LÁ THƯ TÌNH
ĐẦU TIÊN

CÔ MÌ mười tám tuổi. Đến tuổi ấy, từ mùa xuân trở đi, đôi mắt người con gái trong thâm và đen lay láy. Cô nhìn sang hai bên, con mắt lừ đừ đưa nghiêng nghiêng. Ôi chao là say sưa. Miệng hoa múm mím. Mỗi khi mỉm một nụ cười nhỏ, đôi má hây khê gọn lúm xuống hai nét vòng yêu.

Mì là cô gái đẹp nhất làng. Tất cả những người con trai đều công nhận thế. Và anh nào cũng ngấp nghé muốn phải lòng. Nàng chẳng kiêu kỳ chi đâu, nhưng yêu được nàng cũng không phải là dễ. Bởi vì nàng nhan sắc. Bởi vì nàng lại biết chữ nữa. Sự biết chữ của một người con gái ở làng Nghĩa-đô quả là một tài hoa hiếm có. Nàng viết thư hộ những người hàng xóm. Nàng đọc truyện *Hoàng-Trừu* vanh vách. Nàng thông thạo về đường « tiểu thuyết » lắm. Bởi vậy, đã xảy ra một chuyện tức cười về chữ nghĩa khó khăn ấy.

Có một người con trai khác xóm yêu Mì. Một bữa kia, chẳng biết làm thế nào, anh chàng đưa đến tay Mì một bức thư. Mì đọc. Rồi Mì đi nói với các chị em bạn rằng:

— Nó không biết chữ, nhờ ai viết cho cái thư, người ta lại thêm, đi chép ở trong truyện ra. Truyện ấy tôi xem rồi. Đã đốt đặc cán mai, lại còn ti toe, chài sao nòi mình!

Và nàng chép miệng:

— Không biết chữ, nhục thế đấy!

Những lời nói, chẳng hay cho người con trai nợ lọt ra ngoài và lan đi khắp ngã ba, ngã bảy.

Anh Cuông cũng rõ câu chuyện như mọi người. Nhưng anh còn biết rõ thêm hơn nhiều. Bởi Cuông có cô Nghiên, cô em con nhà chú, là bạn thân của Mi. Một lần Cuông đã được nghe Nghiên đọc những lời thư kia. Nó đọc từ đầu đến đuôi. Nhưng Cuông chỉ nhớ lôm bôm thôi; thư hay lắm. Đại khái có những câu rằng: *Mơ yêu quý của tôi ơi! Cánh hồng bay bổng, chim xanh tuyệt vời. Mảnh tương lất phất. Gió đàn lung lay. Nỗi niềm ngậm đắng nuốt cay; ai ơi có bao lòng này cho không.*

Những nghe, mà cảm động. Tim - thoảng, Cuông đọc lầm bầm trong miệng những lời văn chương ấy.

Cũng bởi rằng anh Cuông đã yêu cô Mi. Cuông là một gã trai mới lớn. Tơ tình đương phơi phới nhẹ nhàng. Thường anh vẫn được trông thấy Mi, mỗi buổi chiều, dù hai người ở cách hai xóm. Chiều chiều, Mi sang chơi nhà Nghiên. Cũng chiều chiều, lúc hoàng hôn đã đỏ sạm, mọi người đều rời khung cửa, Cuông ra đứng ngẩn ngơ trước ngõ. Hễ thoảng thấy cái thắt lưng lụa bạch của Mi phất phơ đằng đầu xóm, chàng đã đỏ bừng.

mặt, chân tay tự đứng lúu rúu lại. Và khi Mi đi sắp đến nơi thì Cuông ngượng nghịu lảng lảng thụt dần vào trong cuối ngõ. Đề đến lúc Mi đã đi khỏi, Cuông mới nhô đầu ra cúi khom khom nhòm theo, nét mặt ra chiều dờ dẩn. Giá bấy giờ có ai chợt đi đến trông thấy Cuông thì Cuông vội đứng ngay ngắn, hai tay chấp ra đằng sau, mặt ngẩng lên trời, giả như đương đứng tơ mơ nghe tiếng diều sáo vo vo trên cao.

Ấy, buổi chiều nào cũng tương tự như buổi chiều nào. Nếu không có một sự gì mới mẻ khác chẳng biết cuộc « tình duyên một vẻ » này còn kéo dài đến tận bao giờ!

Cuộc đời thay vào sau những đêm có hát chèo bên làng Thượng. Một hôm, Nghiên nói chuyện với anh Cuông:

— Cái hôm hát trò *Lục-Vân-Tiên* ấy mà. Em đi xem với chị Mi.

—Ừ, lúc bấy giờ tao lên qua chỗ cửa đình chứ gì?

— Vâng. Lúc chị Mi thấy anh đi qua, lại bảo em thế này chứ: « Anh ấy hay nhỉ? »

Cuông bưng người, thấy như đương rung từng đốt xương sống một. Anh hấp tấp hỏi dồn:

— Sao? Sao thế?

— Em cũng hỏi lại. Chị ấy cười, bảo: « Anh có vẻ hay phạm. Chiều nào cũng đứng ngoài ngõ. Trông thấy em lại đi vào. »

Anh Cuông ngơ ngác, lăm bầm chối bằng quơ:

— Quái nhỉ? Quái nhỉ? Tao có đứng ngơ đâu!

Nhưng trong lòng anh nghĩ khác. Trong lòng anh có hoa đương nở. Và anh đã tương tư cô Mi lên gấp trước mười lần rồi. Bởi vì như thế là cô Mi có chú ý đến anh lắm. Đêm hôm đó và mấy đêm sau, anh Cuồng nằm trằn trọc không ngủ được mấy. Chính anh cũng chẳng muốn chợp mắt. Đôi chốc, anh mỉm cười vớ vẩn. Anh nghĩ lập lý rằng:

— Thế là cần rồi. Bây giờ chỉ thả một cái thư là ăn thua ngay đấy. Nhưng chết một cái, mình lại cóc biết chữ. Nó mà hỏi đến, mình mít đặc như cái anh cu kia thì bỏ xừ.

Cuồng thờ dài ở đoạn này. Anh nghĩ lơ mơ, lơ mơ.

— Có lẽ mình cũng đến phải đi học chữ quốc ngữ!

Một ngày phiên chợ Bưởi, Cuồng xách một con gà mái lên chợ bán. Con gà hư quá, ăn bún rất nhiều, mà đẻ trứng lại đẻ cách nhật, nên Cuồng đem bán tổng nó đi. Nó to xù xù, há mỏ ra kêu cục te cục tác cùng đường.

Bán gà xong, anh đến một hàng xén. Anh có ý tránh những hàng có cô gái ngồi bán. Anh vào hàng một ông cụ già kèm nhèm mắt. Và anh mua một quyển «*Lên sáu*» năm xu. Anh thu gọn lỏn ngay quyển sách vào bụng áo, chẳng một ai nhìn thấy. Rồi anh ung dung về làng.

Cuồng học chữ quốc ngữ liền từ tối hôm ấy. Thằng Tể là cháu anh, học trò lớp tư ngoài trường làng, dạy

anh. Mỗi phiên, anh trả công thằng bé một xu, nó bằng lòng ngay.

Bắt đầu anh nhầm nhầm những chữ cái to thô lỗ — gọi là chữ cái có khác — một cách nhọc nhằn và hơi chán nản. Nhưng anh chỉ gắng, chịu khó vài bữa, đã học sang, đến nửa văn bằng *ba be be* bi rồi.

Tối đến, dẹt củi đầu hôm xong, Cuồng mang đèn ra ngoài hiên. Thằng Tể đã đợi sẵn ở đấy. Anh ngồi xòm, chăm chú chỉ từng chữ, theo ngón tay trỏ của thằng bé. Học đuổi nhau như vậy một lát, anh đã thuộc. Thằng bé đi ngủ, để anh ngồi gật gù lầm nhảm một mình. Khi đã thuộc kỹ, có thể gấp sách lại mà vẫn đọc được, anh mở vở ra. Anh nằm nhoài xuống, cong hai chân lên. Bút và mực đã sẵn đấy. Anh nhắm mắt, nheo mắt, nghiêng đầu tô từng *cái gậy* một. Hết hàng *gậy* này xuống hàng *gậy* khác. Cầm thì cầm úp ngòi bút xuống, chấm mực vừa phải và vạch cho khô. Nhiều khi tức ề ề cả bụng, cả ngực mà anh vẫn chịu khó nằm thẳng đuối ra. Viết xong một trang, anh mới bò dậy, thờ phèo một cái rồ mạnh, rồi gấp sách lại, đi ngủ.

Bao giờ trước khi ngủ, anh cũng nghĩ đến những chữ nghĩa lủng củng lồi thồi anh vừa học: «*Nào t-a-ta, t-ã-tá, nào n-g-a-nga, lại n-g-h-e nghe...*» Và thế nào anh cũng tưởng tượng lan man đến một hôm nào đó, cái Nghiên đưa tờ thư của anh cho Mi. Cô nàng mở ra, vừa đọc vừa chớp đôi hàng mi. Anh không tư lự gì hơn nữa.

Anh Cuông rất chịu khó học. Nhưng anh giấu giếm cẩn thận việc học của anh. Bạn bè không ai biết. Anh lại càng kín đáo hơn, đối với cái Nghiên. Bởi vì to đầu mà còn học, anh rất sợ xấu hổ, và nhất là nếu sự bí mật đến tai Mì, thì hỏng hết cả.

Mùa đông đã sang những ngày cuối. Cuông ngồi học phải quàng chăn lên tận cổ. Nhưng anh cũng sắp thành công rồi. Bởi anh đã có thể chum ngoạo mồm đi mà âm ực đánh vần đến *u-i-cờ-lét-a-uya*, đến *u-i-cờ-lét-ue-c-h-uech*, rồi

Trong giấc ngủ, lẫn với bóng dáng hình ảnh cô Mì yêu quý, lòng anh xốn xang hy vọng.

Thế rồi, đến một đêm đầu mùa xuân. Cái không khí đầm ấm, cái phong thái nhàn nhã hãy còn phảng phất trong mọi gia đình.

Cuông khuôn sách vở, bút ra ngoài hiên. Nhưng tối nay không có cụ Tể. Anh ngồi gầy ở trên, ngả nghiêng cái đầu, mắt nhìn đắm đắm vào ngọn đèn. Thoáng mơ màng một vẻ nghĩ ngợi rất xa xôi. Phải, anh Cuông đương có điều nghĩ ngợi. Anh xếp bằng tròn hai chân ngồi nghiêm như ông phật, qua hàng giờ im lặng.

Rồi anh xé ở cuối vở, ra một trang giấy. Anh đặt lên trên bìa sách, vuốt hai mép cho thực phẳng. Chàng từ từ nằm bò xuống. Cái bút chấm vào lọ mực tím chàng cứ hí hoáy đưa ngòi bút. Chiếc ngòi bút sắt, bên ánh đèn, lấp loáng màu mực, đưa đi theo dòng kẻ, như ngựa chạy reo lên còn cột vì được gặp mặt tờ giấy

trắng. Một chữ viết, lại ngừng. Một chữ viết, lại rụt rè xóa. Song Cuông đưa bút rất nắn nót, tề chỉnh. Có khi cố gắng và đam mê công việc quá, Cuông ngoạo cổ, trợn lồi mắt lên, méo lệch mồm để đầy nét chữ o cho được thực tròn trặn.

Mặt giấy đầy dần dần được gấp ba giòng, rồi bốn giòng, đến bốn giòng rưỡi thì anh buông bút xuống, bâng khuâng ngó ra ngoài vườn. Bấy giờ đã khuya lắm. Vườn tre và vườn dừa láng một chút ánh trăng xế dịu dàng.

Cuông cúi xuống, hai tay nâng tờ giấy, trầm ngâm nhìn mười hàng chữ nằm ngồn ngang, trong những đường kẻ xanh. Nhưng khi anh lấp bấp đọc lại nhỏ nhỏ, thì mắt anh sáng lên. Những tiếng chữ lẫn với tiếng *ư* a bật ra miệng và cả ở đôi mắt, một cách rất khó nhọc, nhưng rất kính cẩn, thiêng liêng. Thành thử, những hàng chữ xấu xí và bề bộn cũng lấy được ít nhiều khí sống mạnh mẽ, trở nên quý giá và đẹp đẽ lắm.

Anh Cuông đã đọc lại xong. Ồ, đó là một bức thư ngắn — mà dài cho người viết — để gửi cho người yêu. Thư của Cuông gửi cho em Mì.

Thư rằng:

Em Mì ơi! bấy lâu nay tôi vẫn trộm nhớ thầm mong em lắm. Chẳng biết em có biết cho không. Tôi viết thư này là chính của tôi viết cho em đấy. Em Mì ơi! gió đưa tờ giấy lên mây; gió đưa thư này bay đến nhà em. Em mà bắt được em nên trả lời. Trăm năm xin quyết cùng nhau chung một lời vàng đá.

NGUYỄN-VĂN-CUÔNG viết thư.

Thực là một công trình ghê gớm của Cuông. Anh đọc lại một lần nữa, rồi hơ giấy lên ngọn đèn cho chóng khô mực. Bấy giờ anh mới cẩn thận gấp lại làm tư, đề vào trong quyền vớ, đem nhét xuống gối đầu giường.

Đã vào canh một, gà gáy lên te te. Vầng trăng đã khuất hẳn.

* * *

Thế là Cuông cầm cuối học từ ngày vào mùa đông đến ngoài tết Nguyên-đán, thì viết trọn được lá thư đưa cho Mi.

* * *

Nhưng lá thư tình đầu tiên ấy, không bao giờ được gửi cho ai. Bởi vì, ngày đầu mùa xuân đó, cô Mi đi lấy chồng. Cô lấy chồng người bên làng khác. Tất nhiên là Cuông không hay biết gì trước. Cho đến khi cái Nghiên lại nói chuyện với anh thì đã muộn hẳn rồi. Anh không thể dám oán ai được. Bởi anh chưa có ai để mà oán hận.

Lá thư tình vô duyên nằm buồn thiu trong mép bím anh được mấy hôm. Những nếp gấp đã lên nước mờ hôi mà đen xin lại. Một đêm, anh châm đèn lên, kẻ tờ giấy vào ngọn lửa mà đốt đi. Đôi mí mắt nặng sụp xuống.

Rồi mọi người xung quanh đều biết rằng tự nhiên mà Cuông thông thạo đọc và viết nhoang nhoáng được chữ quốc ngữ.

Nhưng anh buồn lắm. Cả ngày anh chỉ giải khuây

mỗi hận kín đáo bằng cách đọc truyện *Kim-Vân-Kiều*.

Một hôm, anh nói với cô em :

— Truyện *Kiều* hay lắm. Trong ấy có nhiều câu buồn ghê !

Nghiên cười :

— Độ còn chị Mi ở nhà, chị ấy cũng thích đọc truyện *Kiều*. Hoài của, giá ngày trước em làm mối cho anh nhỉ !

(1942)

4

VÀNG PHAI

*Có lá lốt tình phụ sương sông ;
Có chùa bên Bắc, bỏ miếu bên Đông tới tàn.
Có bát sứ tình phụ bát đàn ;*

.....

(Ca dao)

HẸN phải lòng Mây từ một ngày giữa năm ngoái.

Chàng trai ấy chẳng bạo dạn một chút nào ! Đến bây giờ, Hẹn chỉ mới dám nhìn Mây mà tủm tỉm cười nụ. Mỗi khi gặp Hẹn, hai má Mây cũng bừng đỏ, và Mây đi rào bước, nghiêng nón về một phía.

Lòng Hẹn càng thêm nao nao. Chẳng lẽ đã « thăm yêu » những bảy, tám tháng ròng rồi mà lại « cứ vậy » mãi. Biết đến bao giờ Hẹn mới dám nói với Mây một lời ? Không thể thế này được. Phải khác và phải hơn nữa.

Vốn Hẹn đã quen Mây. Nhưng chỉ sơ sơ thôi. Ra lối ấy, nói đến yêu mới lại là sự khó. Bởi đã quen biết nhau mà ngổ ý tán tỉnh, người ta bằng lòng đã đành, ngộ chẳng may nếu không, cái mặt mình sẽ ra thế nào ? Chao ôi, khó khăn thay là bước đầu của việc ái tình.

Năm hôm có một ngày phiên chợ hàng lụa, thì cứ năm hôm lại một lần Hẹn gặp Mây. Mây đi bán lụa.

Mây ở xóm Giếng, Hẹn ở xóm Giữa. Cả đôi đều ở người làng Nghĩa-đô. Nhà Mây làm lúa. Nhà Hẹn cũng sinh nhai nghề ấy. Mây mười tám tuổi, mà Hẹn vừa hai mươi.

Từ xóm Giếng vào xóm Giữa, phải đi một độ ngoặt và mấy đường bờ ao nhỏ mấp mô. Hẹn mà quen Mây là bởi có ngày trước hai đứa cùng học với nhau một trường.

Cũng như các trẻ khác ở trong làng, những năm còn nhỏ xiu, chưa đầy mười tuổi, Hẹn và Mây được thầy me cho học trường Nghĩa-đô. Học cho biết đọc, biết viết. Bởi thế, học được chừng hai ba năm, khi chúng đã kể được truyện *Hoàng Trừu*, viết chữ tạc toạch, và làm nổi cái tính cộng, thì thầy me chúng nghĩ rằng: « Thế là đủ. Học ngần ấy cũng nhiều rồi. Ngày xưa, thời các cụ ta, nhà nước phải cho đánh trống gõ mõ, bắt dân gian đi học, ai đến trường lại được thưởng giấy bút mà cũng chẳng mảnh đại nào đến. Bây giờ thời buổi này, học được bấy nhiêu đã là tốt lắm. »

Họ bắt con cái ở nhà, Hẹn nổi nghề tồ là tập việc dệt lụa. Còn Mây thì tập quay tơ, làm hồ và đi chợ. Buổi mua rau.

Chỉ chừng ít lâu, bao nhiêu chữ nghĩa gần gũi ông thầy ráo! Hẹn và Mây đều chả cần. Bởi vì thế cũng thừa đủ chữ để đọc *Kim-Vân-Kiều tân truyện*.

Vậy sự giao tình của đôi bên khởi từ cái thừa đồng môn ấy.

Một hôm đương dệt cửi, Hẹn bỗng nhớ ra một điều:

— À phải rồi, phải rồi. Nếu cứ rình rình nói được một đôi câu với Mây thì chắc hẳn lâu lắm. Mà cái tính mình lại cả thẹn, chưa chắc đã dám nói. Mình viết một bức thư, ở tả một bức thư để đưa cho Mây. Hà! Hà! *Bút huê tay thảo thư đào*, có thể mời ra con người lịch thiệp được!

Hẹn bèn hí hục viết thư. Chàng phải nhấm mãi đầu bút chì mới nghĩ được một câu. Viết xong, Hẹn ư ử đọc lại mỗi câu. Rồi xóa, rồi viết, mất mấy đêm liền mới đoạn được cái công trình kỳ khu ấy. Nay đây là những lời thư:

Thưa em Mây,

*Bút huê tay thảo thư đào,
Sự tình mấy chữ gửi chào tình nhân.
Thấy em là gái má hồng,
Hãy còn nghiêm cấm trong phòng đợi xuân.
Cho nên trong dạ ước ao,
Chỉ hiềm một nỗi ra vào chưa quen.
Thường khi tôi vẫn gặp nàng,
Cũng toan ước hỏi, nhưng tình còn e.
Ước gì như sợi chỉ se
Muốn đi lại lắm, còn e ông bà.
Tôi thấy nàng thật thà tử tế,
Muốn tạc gương chi để soi chung.
Nên ra nàng quyết cho xong,
Cho phụ lòng khách bỏ công đợi chờ.*

Cái tác phẩm tuyệt cú đây viết trên một tờ giấy trắng mới nguyên, mua ở hàng xén và được gấp nếp làm tám, bỏ cẩn thận trong xó cùng cái dạ cá của Hẹn đeo ở trước thắt lưng.

* *

Một ngày phiên chợ lụa, Hẹn đưa được cho cô nàng Mây cái bức thư đào đỏ. Hẹn run run đưa. Mây chúm chím cười, cầm lấy. Ồ, làm sao mà dễ dàng. Chàng nghĩ ngợi khó khăn nhưng trên trời dưới đất, mà chỉ phải hành động có một cái giờ tay, đã làm được việc.

Mây bỏ thư vào túi. Và Mây nói:

— Vẽ! Lại còn phải thư với từ....

Hẹn cảm động run cả người. Chả biết chàng ấp úng nói những gì. Thế là cái sự bắt đầu khó khăn trong cuộc yêu đương qua rồi.

Mấy hôm sau, Hẹn cũng được Mây gửi cho một mảnh giấy. Đó là tờ thư trả lời của Mây.

Thư rằng:

Anh Hẹn ơi!

Quê trên trăng, hạnh trên trời,

Nghĩ chi cho nát dạ người như tương.

Hắc huyền phó giả con hương,

Làm chi mượn ấp cầu hôn bận lòng.

Nhớ nhàng nước đục chưa trong,

Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

Sông dù cạn, núi dù lay,

Dẫu mòn bia đá, dăm sai lòng vàng.

Ngồi một mình lại nghĩ một mình,

Than thân chẳng dám bạc tình với ai.

Ngồi canh trúc tựa canh mai,

Đồng đào tây liễu lấy ai bạn cùng.

Bức thư hồng phong tờ giấy đỏ,

Gửi lời thăm hai họ bình an.

HẸN nhận thư.

Hẹn đọc đi, đọc lại bài thơ không biết bao nhiêu lần. Anh sung sướng đến nỗi hoang mang, bối rối, như chưa bao giờ có cảm giác ấy. Anh học thuộc lòng nó như cháo.

Những đêm dột cửi khuya, dưới ánh đèn dầu hiu hiu, anh Hẹn cao giọng hát ngân từng câu một. Tiếng vang ngân ngur lẫn với tiếng con thoi chạy thậm thọt qua mặt lụa kêu lách cách.

* * *

Đã đến lúc hai người gặp nhau kín đáo ở một nơi hẹn hò.

Chỗ đó là một khoảng vườn tre phía ngoài đầu xóm Giếng. Qua bờ giếng khơi, tiếp mấy căn ruộng trồng, rồi đến vườn đó, ngoài kia lại là đồng ruộng mênh mông.

Vườn ấy người ta bỏ hoang. Bên những gốc tre sần sùi, mọc ken bề bộn những thứ cây dại, không có lối đi. Tha hồ các giống cỏ được trở tự do, cao đến lưng ống chân. Ở bên góc vườn có một cái cổng tán, bởi lâu

ngày không người mở tới, những dây bím-bím hoa tím được bỏ, ngủ đây ở trên nóc làm cho cái cán tre gãy mục, đồ quy cả tấm thân công xuống.

Một buổi trưa, Hẹn và Mây đứng với nhau ở đây.

Anh chàng lúng túng trong cuộc hẹn lần đầu. Anh chẳng biết nói gì cả, còn Mây thì Mây cứ cười tít đi. Mây hay cười quá. Đôi má phúng phính lúm lại và đỏ hây lên. Cặp mắt long lanh giữa đôi mí húp húp. Cái thứ mắt mới tinh tứ làm sao! Mây cười cả má, cả mắt.

— Anh Hẹn, anh làm thơ hay quá.

— Em nói khen dối.

— Không, em bảo thật mà.

— Em cũng thế. Em lại còn làm giỏi hơn tôi.

Những lời vụn vặt ấy trao đổi nhau. Và đôi tình nhân ấy đứng với nhau rất khờ khạo. Hẹn đứng cách xa Mây tới một xoạc chân dài. (Còn thú vị chi nữa!) Có khi chính Hẹn cũng muốn men chân lại gần xít xít một chút. Nhưng chỉ muốn thôi chứ không dám.

Rồi Hẹn cũng đâm ra bạo. Bởi vì nếu chẳng liệu một tí thì biết bao giờ mới dám cầm tay người bạn tình. Hẹn bèn hỏi rằng:

— Cái thắt lưng lụa bạch này Mây chuội nhà hả? Mây nói:

— Vâng, em chuội lấy. Trông được đấy chứ?

Mây nhắc mạnh thắt lưng lên. Hẹn cầm lấy ngắm và nhân tiện nắm ngay bàn tay Mây. Mây yên lặng.

— Mây ơi! Mây có yêu tôi không hả?

— Em chả biết.

— Ồ, tôi hỏi thật đấy.

Mây tóm lại đôi bàn tay Hẹn vào trong lòng tay nóng hổi của mình mà nói:

— Yêu lắm chứ!

Hẹn khoan khoái:

— Thế hử?

Rồi anh ta bần thần nhìn người yêu. Tay Hẹn cứ nắn vuốt tỉ mỉ từng ngón tay của Mây. Mặt Mây đỏ hồng, đôi môi ngon và mòng mòng như hai múi quýt ngọt. Tấm ngực hơi đầy đầy trong cái yếm trắng bong. Nhưng Hẹn chỉ ngắm các thứ ấy và thở mạnh ra đằng mũi một hơi dài.

— Mây ơi! Thế nào tôi cũng lấy Mây.

Mây núng nính người, nói ngoay ngoáy:

— Em chả lấy.

Rồi Mây giờ tay tát yêu vào má Hẹn một cái nhẹ.

— Chừa nói nhảm nhé!

— Tôi nói nhảm đâu.

Hẹn nhìn Mây, rất đù đờ, rồi im lặng. Gió nổi giạt giào trong ngàn lá tre, nghe quen quen như một thứ tiếng lúc nào cũng có. Những mảnh nắng nhỏ in hoa trên vai áo, trên tóc hai người. Bỗng Mây nói:

— Em về anh ạ. Đứng đây lâu ai biết thì chết.

Hẹn ngần ngại buông tay Mây:

— Ừ, Mây về. Bạn khác nhá!

Mây về. Cái bóng người cao cao mặc áo tặc trắng

nổi trên nền cỏ, và cây xanh xanh đi thoăn thoắt về ngã bờ giếng.

Hẹn đứng tần ngần. Anh chàng tưởng như nói thể hãy còn thiếu, còn thêm và còn đương lúc dở dang câu chuyện nhiều lắm. Hẹn nhìn băng quơ lên trời, mủm mỉm. Anh nghĩ: «Ồi dào! Còn khối. Ngày rộng tháng dài, lo gì!» Và Hẹn đi về xóm Giữa, bước những bước nhẹ lằng lằng.

Bây giờ. Hẹn đâm ra sinh làm thơ quá. Cả ngày chỉ vừa co cò dệt cửi, vừa đăm chiêu về thơ. Vì anh cho rằng cái môn nói chuyện hẳn mình kém. Chỉ có tả thơ thì chắc Mây phải phục và yêu mình.

Nên có đầu năm bữa sau, Hẹn lại gò xong một bài thơ để gửi cho Mây như sau này:

Bút huê thảo tình thư nhất bức,
 Tâm thư này tí thức nên chăng?
 Lăn lăn ngày gió đêm trăng,
 Thời anh mượn gió cát dâng đưa duyên.
 Gửi lời đưa khách thuyền duyên,
 Việc nhà mắc bận mà nên phụ tình.
 Anh nay vội việc cửi canh,
 Khi nào thông thả chỉ dành làm thơ.
 Những là bối rối lòng tơ,
 Nào ai ăn ở hững hờ với ai.
 Nay xin thảo bức thư mai,
 Chiều nàng, tôi nghĩ một bài rõ hay.

Bỗng một buổi chiều, có tiếng giầy tây nện cồm cộp trên con đường gạch đi vào lối xóm Giếng làng Nghĩa-đô. Cái tiếng động lạ ấy làm cho bao nhiêu chó và trẻ con trong xóm chạy nhào cả ra xem. Những người đàn bà đứng ngấp nghé sau những bờ rào đâm bụi và cúc tần. Bởi vì ở trong cái xóm tĩnh mịch ấy, cả năm cũng chả một lần có cái âm thanh kỳ quái như vậy.

Kẻ đi đôi giầy hùng dũng đó là một người lính tập. Người ta ngó bác lính rồi nói với nhau rằng:

— Tường ai, bác Vực. Trông bác ta bây giờ oai phạm.

Những người đàn ông đang mãi dệt cửi cũng ngừng thoi lại, ngó đầu ra ngoài cửa sò, nói lớn:

— Kia bác Quyền Vực về chơi.

Đáp lại những người hỏi thăm, bác Quyền Vực ngó cái mũ vàng ra chào theo kiểu tây.

Bác ta đi. Mỗi một tiếng giầy cộp trên nền gạch một người tặc lưỡi: «Hừ! Cái tiếng giầy mới khiếp chứ!»

Có đầy người hàng xóm tới nhà bác Vực để hỏi thăm. Bà mẹ bác ta phải đun nước, tằm trầu, tíu tíu mời, mọi người.

Nhà bác Vực ở gần nhà cô Mây. Cách có mấy ngõ.

Từ cái chiều mà Vực về, hôm nào bác cũng sang chơi bên nhà Mây. Sang chơi để nói chuyện kể chợ với thầy me Mây. Bao nhiêu là chuyện tân kỳ ở cái kinh thành phù hoa ấy. Gớm, sao con người mới uống nước

máy chảy ngược bằng vôi có vài, ba tháng mà đã nó được cái giồng đặc phổ. Những câu chuyện kể thực có duyên.

Thành ra cô Mây cũng phải chú ý và nghĩ ngợi.

Thoạt tiên, Mây thấy bác Quyền cũng thường, chỉ hơi lạ một chút. Bởi mới năm ngoái, năm kia bác ở nhà Mây chẳng đề ý gì đến. Nhưng rồi mây thấy bác ta nói chuyện giỏi lắm và bác ta lại rất hay nhìn Mây. Đôi mắt mới hữu tình chứ! Mắt đàn ông mà say, mà sắc hơn mắt đàn bà. Mỗi khi gặp bác ta, Mây cố lấy dáng tự nhiên, mà vẫn thể nào ấy.

Thình thoảng bác Quyền cũng nói chuyện với Mây. Bác bảo:

— Cứ như cô Mây, chỉ ra kẻ chợ mà ăn mặc theo kiểu tân thời vào, thì đến con gái Hà-nội chính tông cũng phải thua đứt đuôi.

Mây cười:

— Bác cứ nói xấu con gái làng làm gì thế; *chương*, *khánh* còn *chẳng* ăn ai, nữa là *mảnh chính*, *mảnh chai* ngoài đồng.

— Chẳng tin bữa nào cô cứ ra Hà-nội với tôi.

Bác Quyền liếc nhanh mắt sang mắt Mây mà nói câu ấy. Mây hỏi:

— Hôm nào bác ra tỉnh?

— Tôi được quan cho nghỉ một tuần chủ nhật nữa.

Rồi có một bận, lúc chập choạng tối, bác Quyền

gặp Mây ở bên bờ giếng. Đường ngõ vắng lạnh. Bác liền mời Mây đứng lại nói chuyện, Mây chẳng chẳng, nhưng rồi Mây cũng đứng. Ngoài đồng trời mờ mờ. Trăng đầu tháng nhô lên một mảnh lưỡi liềm vàng hoe ở cuối đồng xa. Chiều hoàn toàn. Bác Quyền nói nhỏ nhỏ:

— Thưa cô, tôi yêu cô lắm.

— Em xin bác, chỗ hàng xóm ta

— Cô đề tôi nói nào.... Suốt cả tỉnh Hà-nội, chả ai đẹp như cô, tôi biết. Tôi chỉ muốn yêu cô.

Sự tăng bốc ấy khiến Mây đứng lặng, cúi đầu, vuốt mái tóc. Quyền Vực ta đến sát tận nơi, giờ hai tay quàng chặt vai cô ả. Mây vùng vằng. Bác Quyền thủ thỉ:

— Minh ơi! Tôi yêu mình quá. Minh đừng nguây nguây thế. Tôi bảo mẹ tôi cho tôi lấy mình. Chúng ta lên Hà-nội ở với nhau, sướng lắm.

Mây rùng rục cả người bởi sự đụng chạm của một thân trai lạ và bởi những câu nói êm dịu, ngọt như đường. Mọi khi Mây hay lí láu lẫm, mà bây giờ chỉ nói được mỗi một câu gắt khế: « Buông ra nào; có người kia kia. » Rồi im.

— Thôi vậy. Minh bằng lòng chứ? Tôi cứ phải hỏi trước thế cho cần thận đấy. Minh về nhé!

Quyền Vực buông Mây ra. Song bác cũng không quên cái lối từ biệt nhau của các cặp nhân tình Hà-nội là phải hôn cái đá. Quyền ta bèn cúi xuống hôn đánh choét một cái vào má Mây. Cái má phính ngon lành và nóng rừ.

Mây chạy ùng ùng về nhà. Nằm đến quá nửa phần đêm mà Mây vẫn chưa ngủ được vì nghĩ đến những lời ân ái du dương và cái hôn ấm áp — như hây còn hân hót trên má — của bác Quyền Vực giỏi trai và lịch sự «mốt» mới.

Thôi thế là cái mảnh tình nhẹ bỗng của anh cu Hện què mùa bay lên trời!

Quyền Vực bảo với mẹ:

— Mấy chục bạc tôi đem về thì mẹ tính chuyện cô Mây cho tôi. Tôi nghĩ ra có vợ bây giờ lợi lắm. Ở đã không phải ở nhà thuê mà lại thêm cả tiền lương vợ, mẹ ạ.

Bà lão khắp khối sang nói với thầy me Mây. Làm gì mà ông bà này lại không bằng lòng. Đến phải điếm chỉ cả hai mươi ngón tay cũng được. Có con gả cho bác Quyền, đâu phải chuyện chơi. Danh giá lắm.

Cái đám cưới cô Mây lấy bác Quyền Vực thực linh đình. Hối xong, người ta xin cưới ngay. Làng xóm kéo đến ăn cỗ rất đông đảo. Giết ba con lợn thì vừa đủ cỗ chén hai hôm. Tong ơ đi mấy chục bạc. Nhưng bác Quyền Vực và mẹ rất thích được cái hân hạnh tiêu tốn với làng xóm như thế.

Công việc cứ xuôi nhẹ như nước sông Lịch chảy

Đến hôm hết nghỉ phép, bác Quyền Vực đã ra tỉnh cả với bác gái.

Cô Quyền Vực vận cái áo vải rộng mới, màu tro như màu đen thẫm, đeo trên vai cái tay nải to tướng, miệng nhai trầu mủm mím, đi ve vầy nhẹ nhàng bên cạnh chồng — người chồng bảnh bao có đôi giày to, mỗi chiếc vừa bằng con lợn con, bước nghe cồm cộp đến vui tay.

Chao ôi! Ai đo được nỗi khổ lòng của anh chàng Hện bây giờ. Khi cái việc tầy đình kia đến tai thì anh ta choáng váng cả người. Biết bao nhiêu điều mơ ước đã đặt vào người con gái ấy. Thơ của anh ta làm hay đến thế mà cô ta chóng quên thật. Người đâu lại có người vô tâm và phụ tình nhanh chóng vậy, hử trời? Tình của chàng coi như nặng đá đeo, mà ở người lại chỉ thoáng bằng một cơn gió may về sớm.

Nhưng nghĩ đến anh Quyền Vực thì Hện thôi không tư lự gì nữa. Hện biết rồi. Bởi vì Hện không sộp. Khi Hện không sộp và mạnh bạo, và «mốt» mới như cái người đã ra thị thành ấy, thì vài câu thơ thần lời thôi, còn có nghĩa chi chi nữa!

Những lời thơ của con người ấy vẫn còn đây. Anh Hện vẫn gấp nếp mảnh giấy cẩn thận nhét vào một bên cái thắt lưng da cũ. Giữ lấy chút hương thừa vậy.

Từ đó những khi châm đèn dệt củi khuya, Hện

thôi không hát ầm nhà lên như xưa.

Song thính thoảng, buồn miệng quá, anh cũng hát.
Nhưng anh bỏ cả mấy cái bài tình tứ trước đi. Anh
chỉ rền rĩ có mỗi một câu rằng:

Tham vàng bỏ ngãi ai ơi!

Vàng thò ần hết, ngãi tôi hầy còn.

Ỗ giả Hẹn ta hát kháy đời.

(1942)

4

ĐI TẮM ĐÊM

VĂN bắt đầu kể chuyện ấy như sau này :

Nghỉ hè năm ấy, Hiếu rủ tôi và Cấn, Bích, Hiền về quê anh ta nghỉ mát. Nhân thế vừa thi trượt xong, chán không buồn ở Hà-nội nữa, tôi nhận lời ngay. Quê Hiếu ở làng Dục-thủy, ngay trên bờ sông Đuống, cách núi Thiên-thai (Bắc-ninh) độ hơn một cây số.

Đang ở Hà-nội đông-đúc được thả về nhà quê mát mẻ, tôi thấy người khỏe hẳn lên, quên khuấy ngay cả cái buồn hồng thi. Lại thêm được một lũ bạn đùa như qui sứ làm cho tôi giá có khóc cũng phải cười.

Làng Dục-thủy có một phong cảnh khá nên thơ. Chiều chiều roperties nắng, chúng tôi thường thuê thuyền đi dạo mát trên sông Đuống. Dòng sông đào lò dò chảy giữa hai bên bờ chen nhau mọc những hàng dâu mát rượi, những rặng tre lá ngọn quét trên mặt nước. Đàng xa, nổi lên nền lá xanh một dấp cầu tre mảnh khảnh. Cảnh trí như hết một bức tranh thủy-mặc tàu.

Nhà Hiếu ở gần một bến nước. Người vùng ấy gọi là Bến Đá vì ở đấy có mấy phiến đá rất lớn. Bến Đá là chỗ rửa ráy, giặt giũ của xóm An-lạc — xóm Hiếu ở. Bởi thế chúng tôi thường được ngắm những cô gái

làng Dục-thủy ra bến quây nước. Gái Dục-thủy xinh chẳng kém gì gái Lim lại thêm được cái tính chua ngoa thì không đâu bằng! Tụi Cấn, Bích — hai kiện tướng trong làng; «môi mép» ở Hà-thành — cũng phải chịu thua. Họ ví rất khéo đến nỗi không mở mồm nói vào đâu được nữa. Thế nào cũng bị chặn cứng lưỡi. Một là các cô giỏi biện bác, hai là giọng ví của các cô rất hay. Chúng tôi đành đứng ngẩn ra cả lũ nghe các cô ví. Họ xỏ xiên rất cay độc mà chúng tôi cũng đành khóa miệng. Nhưng sự thất bại của chúng tôi một phần lớn tại Hiếu. Vì Hiếu là người hiền lành, rất sợ các cô. Anh thường ngăn cản chúng tôi trong các cuộc đấu khẩu. Mà chúng tôi cũng vì nể Hiếu, nên lắm phen phải nín thít. Ở xóm có độ bốn, năm cô chúng tôi phải kiêng mặt.

Độ ấy vào khoảng trung tuần tháng năm, một đêm sáng trăng. Trừ Hiếu có tính hay ngủ sớm, còn chúng tôi bắc ghế ra sân ngồi chơi. Bỗng lắng nghe có tiếng cười đùa từ phía bờ sông vẳng lại. Cấn tò mò ra cửa nghe ngóng. Một lát Cấn hốt hải chạy về, rủ chúng tôi đi chơi. Tôi hỏi đi đâu? Anh đề ngón tay lên ngang miệng làm dấu bí mật và dẫn chúng tôi ra khỏi ngõ, đi về phía bờ sông, chỗ có tiếng cười ban nãy.

Anh bắt ai nấy phải yên lặng và theo mệnh lệnh của anh, vì anh tuyên bố sẽ có một cuộc vui rất lý thú. Chúng tôi ngậm miệng, kẻ trước người sau đi nường vào bóng những cây trúc mọc sát vệ đường, tiến về phía bờ sông. Không biết là trò quỷ quái gì, nhưng chúng

tôi cũng cứ đi. Chừng hơn trăm thước đã trông thấy Bến Đá.

Một dịp cười giòn tan từ dưới nước hắt lên. Chúng tôi tiến mấy bước nữa, rồi dừng lại. Trời ơi! có anh nào đoán được chúng tôi trông thấy gì không? Bích, Hiền và tôi đứng ngây người. Cấn có vẻ ranh mãnh leo tót ngay lên một cây khế to để dòm xuống cho dễ: Trên mặt sông bốn cô gái đang tắm. Các cô trần truồng đùa với sóng. Cho đến hôm nay, trông mặt hồ Tây này, tôi còn nhớ cảnh ấy như mới hôm qua.

Bên cái thân hình trắng nõn, tóc buông lòa xòa trên mặt nước, gợn thành những vòng vàng vì ánh trăng. Tôi tưởng như gặp một lũ yêu tinh nào, trong những truyện thần kỳ, hay ít nhất cảnh này cũng phải ở trong mộng. Nhưng nghe tiếng nói thì tôi lại nhớ là gái làng Dục-thủy, và đây là sự thực, sự thực như tôi và các anh!

Các cô đùa nghịch rất tự nhiên vì không biết có ai dòm trộm. Cô nọ té cô kia, đuổi nhau ý ới cả một góc sông. Đến khi các cô rục rịch sắp lên, chúng tôi lùi về hết, chỉ còn Cấn nấp trên cây khế! Các cô kéo về qua cửa nhà Hiếu, chúng tôi nhận được mặt tất cả bốn cô đều là «cửa» ngoa ngoắt nhất ở đầu xóm.

Cấn thao thức suốt đêm không ngủ. Thịnh thoảng đang nằm chúng tôi lại bị hấn dựng dậy. Hấn vừa lay, vừa nói rít lên:

— Các anh ơi! chúng nó đẹp quá, đẹp như tiên sa....

Rồi hần vùng chạy ra sân. Trăng sáng trong im lặng. Căn chấp tay sau lưng, ngửa mặt nhìn trăng, nhìn trời, rồi thở dài quay vào. Suốt đêm cứ lúng củng thế! Có lẽ anh chàng bị « cảm » nặng quá!

Ngày hôm sau, Căn chơi gì cũng chán, chỉ mong chóng đến tối. Câu chuyện đêm qua, Căn yêu cầu chúng tôi đừng nói gì cho Hiếu biết, vì nếu Hiếu biết thì thế nào hần cũng gàn.

Đến đêm, khi nghe tiếng cười ở phía sông, chúng tôi không anh nào muốn đi... xem cả. Vì chúng tôi sợ người trong xóm họ biết thì ẽ mặt. Duy Căn không bỏ, luôn năm, sáu đêm liền, đêm nào hần cũng mò mẫm.

Nhưng một đêm chúng tôi còn thức cả, chỉ có Hiếu đã ngủ. — Căn vừa đi... xem được chừng hai mươi phút thì nghe có tiếng huỳnh huých từ phía sông chạy lại, và vắng vắng có tiếng cười rít lên.

Chúng tôi còn đang ngờ ngác, chợt cánh cửa mở tung: Căn ướt lướt thướt chạy vào. Anh vừa thở vừa bảo Hiên ra đóng cửa. Chúng tôi nhìn Căn, không nhận được cười: đầu tóc, quần áo anh chỗ nào cũng ướt như chuột lội. Chặn anh tụt cả guốc. Đứng chỗ ánh trăng trông Căn nhột nhột như một cái thầy ma.

Hiên, Bích xúm lại hỏi. Căn không trả lời và đứng im, chỉ tay ra ngõ. Một lát sau, có tiếng cười của các cô đi tắm về. Nhưng lần này nó dữ dội và ồ ạt như muốn ném vào trong này. Căn tái mặt vào thay quần áo. Một câu hát nổi lên giữa những tiếng cười:

*Lạ chi mà phải đi dòm,
Đề người quân tử lặn tòm xuống sông!....*

Căn tức ngậy người. Anh rủ rì kể chuyện: Ồ! thì ra cái anh chàng ma quái ấy ngồi ở thân cây khế nom chưa rõ mới trèo lên tận ngọn đề thỏa lòng nhìn hoa. Chẳng ngờ cành khế giòn. Đang leo... leo... bỗng cành khế gãy, ném anh chàng xuống nước.

« Người quân tử lặn tòm xuống sông » vội lội vào bờ, quàng chân lên cò, chạy một mạch về.

Căn cay đến tím ruột. Mấy đêm sau, tuy các cô vẫn đi tắm như thường mà Căn không đi... xem nữa. Chúng tôi nói pha, anh chỉ mỉm cười. Từ buổi ấy anh đi ngủ rất sớm. Có lẽ để tránh những tiếng cười, câu ví như ném muối vào mặt mỗi khi các cô đi tắm về.

Và chừng như anh suy nghĩ lung lăm thì phải!

Bằng đi một dạo, vì trời tối không có trăng, các cô không đi tắm đêm. Căn đã nguôi nguôi, lại vui vẻ như thường. Và đi ngược lại tâm tính lúc trước, Căn có phần nộ giỡn hơn xưa. Quá nửa là anh chàng vẫn mong đến tuần trăng đề lại đi... xem. Chúng tôi thường nói pha:

— Thế mà vẫn chưa chữa?

Anh chỉ mỉm cười vờ vờ, nói một câu mà anh thường nói:

— Tôi cóc cần!

Đến tuần trăng. Các cô, đêm khuya, sau những buổi giã gạo hay dệt vải, lại bắt đầu ra Bến Đá tắm.

Một buổi tối, Căn bỗng nhiên nói luôn mồm:

— Sương quá! thì ... tôi nghĩ ra rồi.

Khiến cho Hiếu cũng phải lấy làm lạ, bèn hỏi chúng tôi. Tôi không biết hơn Hiếu, cả Bích, Hiền cũng vậy. Đêm ấy Căn không đi ngủ sớm với Hiếu. Chúng tôi hỏi:

— Thức để đi xem chắc?

Căn cười mũi:

— Mấy chẳng đi. Đã bảo tôi cóc cần mà!

Bích hó háy:

— À ra thế kia đấy.

Hiền lấy giọng hát nhại:

Lạ chi mà phải đi đêm,

Đề người quân tử lặn tòm xuống sông!....

Căn phá lên cười:

— Đề rồi các anh xem tôi hay chúng nó, đũa nào lặn tòm xuống sông.

Tôi nói kháy:

— Thách anh đấy!

— Không phải thách. Tối nay, chúng nó sẽ biết tay tôi!

Chúng tôi đợi xem tối nay chúng nó biết tay anh Căn!

Đêm ấy trăng sáng quá! Vì sáng quá, chỗ nào cũng trắng những ánh trăng, nên phong cảnh nhuốm một vẻ rờn rợn.

Bấy giờ vào khoảng 12 giờ khuya. Vừa nghe tiếng

âm i ngoài sông, Căn đã lúi lúi ra đi. Chúng tôi nhìn nhau cười. Nhưng rồi Căn về ngay, lấy đi một cái áo dài trắng. Chúng tôi càng lạ nữa! Không hiểu anh ta làm trò gì, coi bộ bí mật lắm!

Thế rồi chỉ 15 phút sau, Căn lại lúi lúi dẫn về; lần này về với một bọc to tướng. Chúng tôi ồ ra xem. Trời ơi! Đó là một đồng những khăn, những áo, những quần và những thắt lưng. Chúng tôi cười đến vỡ bụng và chúng tôi đã hiểu cái thâm ý của anh.

Thì ra anh chàng chơi khăm: khi các cô nàng đang mãi đùa nhau tít tít ở dưới nước, không ngờ rằng ở trên này có kẻ ma mãnh đã nhẹ tay đỡ mất tất cả quần áo. Thật là không ai ngờ. Mà ngờ thế nào được!

Đây cũng gần giống như những chuyện chú tiều ăn cắp cánh tiên; nhưng đằng này nó không được nhã và «sự thực» mất một tí.

Căn lật đật dắt chúng tôi ra treo lên một cây nhãn to ngay trước cổng để khoe cuộc chiến thắng bằng một bữa «no mắt».

Quên, tôi chưa nói các anh biết qua địa thế Bến Đá. Đường từ trong xóm đi ra là một con đường cụt, đến bến là hết, không rẽ về đâu cả.

Từ nhà Hiếu ra bến, hai bên đường có mấy nếp nhà nhỏ và mấy vườn rau. Không hơn một con đường. Thế mới rầy rà. Các cô bị ép vào địa điểm tối nguy hiểm.

Nấp trong cây nhãn bùm tùm, không ai ngó thấy

mà chúng tôi có thể nhìn xa ra đến bến được. Tuy anh nào cũng phàn nàn về lối chơi ác nhưng ai cũng ngầm biểu đồng tình vì sự « trả thù » đích đáng ấy.

Trăng sáng vàng vạc như ban ngày. Các cô vẫn còn đùa ỳ òm dưới nước, chưa cô nào biết! Lúc sau, một cô lên trước bỗng kêu thất thanh, rồi nhảy tùm ngay xuống. Rồi bốn cái thân hình trắng nhẽ trắng nhại tha thướt chạy lên.

Các anh ạ! đó là hiện thân của các vị tiên nữ ở một chốn xa vời nào chứ không phải là người. Như những nàng tiên tìm cánh, các cô lẳng lặng đi hết gốc cây này qua bụi cỏ khác. Sau chừng hiểu chắc là có kẻ nào nghịch ác, các cô đứng lặng nhìn nhau.

Trời lúc bấy giờ trong xanh không một gợn mây. Ánh sáng tha hồ tỏ mờ soi. Các cô thẹn thẹn, khép nép, nhưng khép nép một cách vô hiệu quả. Các anh hãy tưởng tượng một cách giản dị như thế này, trên một phiến đá lớn kề ngang mặt nước, trong trăng sáng, nước dưới ánh trăng cũng sáng, bốn thiếu nữ khỏa thân, trắng như ngà, tóc xõa sau lưng đến chấm chân, loay hoay cô nọ dựa cô kia. Các cô muốn tránh ánh trăng, nhưng cái ánh trăng hóm hỉnh, chỗ nào cũng có!

Chợt một cô chỉ tay về phía cồn, chỗ cây nhãn của chúng tôi, rồi bốn cái mặt đều ngó về phía ấy. Bỗng mấy tiếng rú nổi lên, các cô ôm mặt, nhảy đại cả xuống sông.

Tôi tưởng các cô trông thấy chúng tôi. Nhưng Căn

đã ôm bụng, mắt môi cố nhịn cười và chỉ tay xuống dưới bờ giậu phía sau lưng: cái áo trắng dài cắm vào một cái cọc giậu dưới bóng cây, ban đêm trông hết hình người.

Các cô từ đấy cứ bị bỡm ở dưới sông, không dám lộ mặt lên nữa. Tôi nghĩ thương hại bảo Căn cắt áo đi. Căn cười:

— Mấy khi được dịp thế này. Mà giá bây giờ tôi có cắt cái áo đi, dù thỉnh các cô cũng chẳng dám lên để dẫn xác về nhà.

Văn ngừng kể. Cả bọn cười rũ rượi.

Thịnh hấp tấp:

— Thế sao nữa hở anh?

Văn:

— Chúng tôi cũng không biết ra sao nữa. Vì bấy giờ đã khuya quá, khuya hơn thế này nhiều. Đến gần hai giờ sáng rồi. Chúng tôi thì buồn ngủ đến díp cả mắt lại mà trông xuống sông vẫn thấy bốn cái bóng trắng đứng lù lù.

— Tôi nghiệp, dễ thường các cô phải ở đến sáng?

Hải trợn mắt:

— Ở đến sáng? Đến sáng thì chết. Sao nữa?

— Rồi chúng tôi về đi ngủ, lấy cả cái áo dài trắng về nữa. Đòi nào các cô dám ở đến sáng, vì nếu mặt trời mọc lên, các cô vẫn tô hô. Nó lại ác một cái, trừ con đường độc đạo qua nhà Hiếu — mà cố nhiên các cô không dám đi qua — muốn vào trong xóm, không còn lối nào

khác nữa. Tôi đoán có lẽ sau các cô lội theo dọc sông, xé rào ở một vườn rau nào đó, chui lên rồi lặn vào đầu xóm trên. Vì tôi thấy chó trong xóm cứ cắn đồ xô cả về một phía. Và hôm sau mụ chủ vườn nheo nhéo chửi mãi đứa nào chui vào vườn dẫm nát hết mấy luống rau.

Trúc đoán:

— Có lẽ các cô bò?

Văn reo lên:

— Chính thị. Các cô vì sợ đi cao lênh khênh thì trượt trên quá!

Hôm sau chúng tôi ra xem: mấy luống cà, luống cải nát như có cả vết chân lặn vết tay. Và từ đấy các cô kệt không dám đi tắm đêm, chừa không dám trêu ghẹo, ví von với chúng tôi nữa. Hễ gặp chúng tôi đâu là mặt các cô đỏ như quả cà chưa chín rồi lặn mất.

(1942)

4

MÙA ĂN CHƠI

ĐÃ có mưa bụi. Về buổi sáng, từng cơn mưa nhỏ rải bụi nước bay vân vân, phủ một mờ trong cánh đồng. Cỏ xanh rờn rờn. Cây lên ngút ngàn. Mùa xuân mới đã sang rồi.

Bấy giờ đã ngoài rằm tháng giêng. Những đám bà già lũ lượt đi các hội chùa đã vắng. Bắt đầu vào các hội đình. Một buổi sớm đầu tháng hai, một toán khách lạ đi vào trong làng. Có đến bảy tám người. Ai cũng chít khăn lượt, bận áo the dài. Trong nền ào, lờ xòe túm thắt lưng lụa đỏ, hoặc thắt lưng nải vàng khè. Mấy ông đứng tuổi đi trước, cánh tay khoác lông thõng cái ô. Những bác con trai, bác nào cũng đeo trên lưng một cái khăn gói nhỏ. Khách có dáng ở nơi xa tới. Đi đến cửa đình thì mọi người đứng lại. Một ông trong bọn đón một người đàn bà đi chợ qua đó, hỏi thăm :

— Bác cho tôi hỏi thăm nhà ông lang Thái.

— Nhà ông lang Thái ? Các ông cứ đi hết đường gạch này, đến chỗ bờ ao có bụi cúc tần, thì trông thấy cái cổng tán áo với ba cây xoan. Nhà ông lang Thái đấy.

Bọn khách đã đi khỏi, mục đàn bà đứng ngó theo. Những kẻ lạ đi vào xóm, bao giờ những người làng cũng

nhìn, ngấm tò mò như thế. Và không biết ở ngõ nào đã có mấy đứa trẻ con cống em ngật ngưỡng lóc cóc chạy ra. Chúng hỏi :

— Người ta vào nhà ai thế, hả bác Niệm ?

— Nhà ông lang Thái.

Rất vu vơ, chúng reo :

— Anh em ơi ! Vào nhà ông lang Thái.

Có những đứa trẻ leo đèo theo sau bốn khách, họp thành một cái đuôi lòi thoi rách rưới. Cũng có những đứa nhanh nhẩu đã ton-ton chạy đến cổng nhà ông lang Thái đề gọi họ.

Trong những hàng rào dâm bụt sau nhà, người ta đứng ngó bốn khách lạ. Chỗ thì nhau sửa soạn làng. Một người, vẻ thông thạo, đoán :

— À, người đến đấu võ hội tháng hai làng ta đây mà.

Năm ấy, làng Nghĩa-đô vào đấu tháng hai. Đám cũng là đám lệ. Làng mổ một con lợn, một con bò, cắt phân việc cho bốn giáp. Cửa đình mở từ sáng sớm hôm mừng mười. Bên vệ sông Lịch, một lá cờ kỳ được kéo lên đầu cột. Trong đám lá đa xanh đậm, màu cờ nhuộm một sắc đỏ chói lói. Giữa sân bầy một chiếc long đình. Đồi bên cắm hai hàng cờ đuôi nheo. Phấp phới, hỗn độn những màu xanh đỏ tím vàng vẩy nhau trong gió. Gần đấy, đặt nghiêng một chiếc trống cái. Trẻ con, dạn cứng, thả sức nện trống suốt ngày. Bên góc sân, phía

gốc đa, đã dựng lên một rạp chèo. Bốn cái cọc tre, đỡ một nền sàn bằng ván gỗ vuông vắn, trên phủ một lá cót, che mưa nắng. Đêm đêm, có hát chèo. Ngày mười một, các cụ trong làng phúng sắc vào một cái long đình, gõ chuông công công, rước loanh quanh thôn này qua thôn khác. Đám rước lệ, lèo tèo có vài cụ đi guốc, khoác áo thụng bạc phếch, và một lũ rất nhiều trẻ con. Trẻ con trong làng đồ theo cái long đình, mấy bà lão bám phía sau, sao mà lắm quá ! Nhiều như từng đàn kiến. Ba hôm việc làng, rước xách, trong các xóm, khung cửi nào cũng nghỉ dệt. Người ta nghỉ ngơi, ăn uống và tối đến, lũ lượt ra cửa đình xem hát chèo.

Nhưng đám tháng hai năm nay hơi khác mọi năm. Rước xách vẫn nhạt nhẽo như vậy. Đêm đến, cũng phường Bắc hát chèo. Năm nào, phường Bắc cũng nhớ ngày tới xin đám. Song đám năm nay khác, đám lớn hơn thường. Chèo hát ồn ã liên những tám đêm. Ban ngày, ngoài cuộc thường niên kia, lại có nhiều cuộc vui khác. Đánh cờ bãi, chơi gà bên bãi Cơm Thi. Diễn võ trên rạp chèo. Leo cầu nổi, bắt vịt dưới ao làng. Đám hội năm nay, ngoài sự lấy lệ, còn có tính cách một hội khánh thành. Bởi làng Nghĩa-đô vừa xây xong một cái cầu gạch bắc qua sông Lịch sang bãi Cơm Thi, hồi cuối năm ngoái. Hàng họ đương độ khá khẩm, dân làm hội khánh thành cầu mới. Chiếc cầu một nhịp ngang con sông nhỏ cạn gần hết nước, quét vôi trắng xóa. Bởi thế, người ta gọi là hội Cầu. Hội cầu làng Nghĩa-đô.

Suốt buổi có đánh cờ bỏi. Với đàn trẻ trò này nhợt quá. Đâu chỉ có mười ông râu dài đứng ngằn ngo bên những rào nứa cắm lỗ. Đánh gà chọi cũng thú. Hai con gà, da thịt đỏ gay, nhảy lên đá nhau bịch bịch. Nhưng khoái nhất là xem đấu võ.

Ai cũng thích võ. Người lớn ham xem. Ông già lại càng ham nữa. Thời xưa, kẻ nào xoàng hạng bát cũng có thể võ đui một cái, nhảy qua được một bờ rào xương rồng. Cái ngày dụng võ của thuở những ông cụ tám mươi ấy, còn in dấu vết nhiều trong đầu mọi người. «Ngày xưa làng ta có ông cụ tám Lũ hết một tiếng, vượt vút qua nóc nhà.... Trước, bác cả Chứng làng ta, chân tay không mà đánh ngã được mười tên cướp.... Cái độ cò-Đen, bà Khảm lừa mẻo chặt cụt tay một thằng giặc khách...» Câu chuyện ngày xưa, cái hồi giặc Cờ Đen sang ta... được kể trong những đêm gia đình tụ họp dưới ánh đèn. Chao ôi, ngày xưa ấy, người ta giỏi võ quá. Ai cũng ưa xem võ. Từ hôm các đoàn võ sĩ lục tục kéo đến làng Nghĩa-đô thì cả làng rộn rịch, nháo cả lên. Các nhà võ thì ăn chực nằm chờ, đợi ngày đấu. Người ta ngong ngóng đi xem.

— Hôm nào nhỉ?

— Mai.

— Nhớ rú tờ nhé!

Đến đàn bà, con gái cũng náo nức:

— Mai chị rú em đi xem đấu võ nhé?

Hôm đó, từ buổi sớm, sân đình đã đông ngộn, ghê người lên. Người đứng chen nhau, đen ngòm như ruồi. Không một chỗ hở đủ cho đưa được một bước chân. Nghệt quá, không thở được trẻ con khóc inh ỏi như một đàn lợn bị chọc tiết. Rồi chúng trèo tường đình, chúng leo lên gốc đa. Bám theo đánh như con nhái bén. Một chân bông bông, một chân bấu rế đa, đầu nghếch dòm vào trong rạp chèo. Cứ kiêu lạ ấy mà chúng chịu khó đứng được mãi.

Trên sân khấu cao, chưa thấy bóng một nhà võ nào. Nhưng các đồ võ đã bày la liệt. Một cái giá bằng tre, cắm ôi thứ đánh nhau, mà người ta bảo là những mười tám thứ khí giới. Một thanh siêu dài, lưỡi xám xịt, đầu khoằm cong, cao cùng hàng với chiếc côn, cái thương và thanh kích mũi sắt. Hàng dưới, đều một giây, hai con cá gỗ đuôi nhọn, gọi là song sĩ, hai quả chùy to thô lỗ như hai quả dừa. Một lá chắn đan bằng mây để đánh lăn khiên. Lại thanh mã tấu lưỡi vạt sắc lém. Hai cái thiết linh có xúc xích loăng quăng. Tất cả, bày giàn một hàng dài cho mọi người ngắm nghía. Ngay bên cạnh giá khí giới, kê một chiếc trống cái lớn. Một bác trai tuấn, áo the dài, khăn lượt chít, một tay chống nạnh mạng sườn, cúi khom khom, nghiêm trang dợt từng hồi trống ngũ liên.

Tùng tùng tùng.... Tùng tùng tùng....

Ba tiếng một, ba tiếng một. Những hồi trống ngũ liên rền rĩ vang lên nghe như nước cuộn cuộn chảy,

như khói lửa nhuộm lên, nghe như xô đẩy, thúc giục, kêu gọi ráo riết. Đây là những tiếng trống thăm thiết của những ngày nước lớn, những khi có lửa cháy trong xóm. Với những người khổ đơn, nghe mấy tiếng trống đòi nợ này, ai cũng giật mình, nghĩ đến tháng năm của mùa hè. Nhờ trời, đây chỉ là những tiếng trống oai hùng thúc giục người ta đấu võ cho khỏe, và làm nao nức những người đứng xem.

Tùng tùng tùng.... Tùng tùng tùng....

Tiếng trống liên miên càng thúc người ta xô đến nhiều nữa. Đứng trên rạp chèo trông ra, đầu người lộ xô, man mác. Người ta ganh nhau, cố nhô được mũi lên để thở. Đông quá, ai cũng nhăn nhó. Bọn con gái trong làng đứng họp một tốp lớn trên thềm đình cũng càng ngày càng nghèn cao cổ lên, mới trông được thấy rạp. Lăn lăn, người ta len đến nhiều quá. Những anh con trai lúc nãy hay lượn qua lượn lại chỗ ấy, bây giờ cũng chịu đứng im, hết lượn. Không còn chỗ mà lách được nửa bàn chân! Đông ghê gớm. Nhưng ai cũng vẫn chịu khó ngóng đợi. Sắp đấu võ đến nơi rồi. Trẻ con hét lên như thế. Rồi một tiếng đồn lán rộng trong đám đông, bao nhiêu người thét rầm rì:

— Đã ra kia. Đã ra đấy, anh em ơi!

Các đoàn võ sĩ đã ra. Một bọn, mấy người áo the khăn lượt đi guốc mộc, là những võ sĩ trên vùng Bắc.

Các ông đi giữa, nhai trầu bồm bồm, mặc đồ gay và trông mắt cũng đỏ lịm. Đây, đoàn võ sĩ bên Phú-gia. Đi sau cùng là các tay võ của làng Nghĩa-đô và những nhà võ bên Bắc. Tất cả mọi người đều lên đứng dàn phía sau rạp trò. Bên trên treo ràn rạn mấy thứ giải cuộc đấu. Hai cái gương tranh vẽ con diều hâu mỏ khoằm, đậu trên một hốc cây cụt, giương đôi cánh lớn. Hình ảnh hùng độc lập. Phất phới mấy vuông nhiều điều thăm tơi. Lại có treo lủng lẳng hai bánh pháo.

Bây giờ bác trai tuần đã dừng tay thúc trống. Người ta đốt một bánh pháo để khai cuộc diễn võ. Tiếng pháo nổ xi toạch. Khói pháo bay mịt mù, phủ vào trong đám đông. Đến lúc khói pháo tan lên ngàn cây sên, khẩu rạp trò đã mở ra cảnh múa võ.

Ông Thái là một tay võ làng này. Ông ăn mặc thực ra kiêu nhà võ. Đầu ông bịt một vòng khăn, bỏ lỏng một múi bên tai. Áo đen khuy tết may rộng thùng thình hai cánh tay, như áo chú khách bán thuốc ẽ. Quần cũng màu đen. Hai đầu ống bó lại, nhét trong bít-tắt đen, quần vòng ngoài một chiếc nịt cao-su đỏ. Chân ông cũng dận một đôi giày đen. Khắp người ông toàn một màu đen tối xỉn lại. Chỉ trừ một dải lưng lụa bạch, thắt bỏ dài thông hai múi xuống. Dải lưng trắng xóa, nổi bật trên nền đen tuyền. Ông Thái cầm dùi trống, gõ chậm chậm từng tiếng. Ông đứng cầm trịch. Trước hết, người ta biểu diễn qua tất cả các môn võ với những khí cụ cầm trên giá. Lăn lượt, các võ sĩ trèo lên sân.

khẩu. Mỗi người đi một bài. Một ông chụp hai tay lên miệng làm loa, quay xuống đám đông, hô thực to:

— Võ sĩ Nành ở Phú-gia đi bài «quý châu!»

Võ sĩ Nành trèo lên sân khấu. Võ sĩ Nành cởi trần, mặc quần nâu lửng. Đứng giữa rạp, võ sĩ thóp bụng lại, khoạng hai chân, xuống tấn trung bình, huych một cái. Hai tay cong lên, lấy gân. Rồi mắt, rồi mũi, rồi má, tròn trĩnh tròn trạc, võ sĩ loay hoay đâm đá, gạt đỡ linh tinh ra bốn phía. Tiếng trống thúc đều đều.... Một lúc, võ sĩ Nành khom lưng, xuống chào mã vòng khuỷu một tay, một tay xòe trước mặt, vêu cái cậm, tròn mắt nhìn ra mọi người. A, bài tồ. Hết bài rồi. Trẻ con vừa cười vừa kêu. Ngoài kia, tiếng võ tay rầm lên như sấm động. Cái ông làm loa ban nãy, lại hô:

— Võ sĩ Định ở bên Bắc đi bài «hầu quyền!»

Võ sĩ Định lên đài, múa nhoay nhoáy một bài hầu quyền. Rồi khum người, bài tồ, rồi xuống. Ông «loa» lại quát:

— Võ sĩ Đại ở Phú-gia đánh bài «côn!»

Tiếp đến đánh côn, đánh song si, lẫn khiên, múa chùy. Đủ cả. Mỗi võ sĩ lên múa một thứ, ông «loa» lại nói cho mọi người được rõ. Tiếng võ tay rền lên. Người xem thích quá mê tít, không biết mỏi chân, mỏi mắt. Mãi đến quá trưa, mới vào những cuộc đấu. Trước hết, ông «loa» mời những người đứng xem ở dưới, ai có giỏi thì lên đấu quyền. Không ai giỏi, nên chẳng mảnh nào dám lên. Rồi ông «loa» lại mời những người đứng

dưới, ai cũng có giỏi thì lên đấu kiếm, hoặc đấu một thứ khí giới nào cũng được. Không ai nhúc nhích. Lũ trẻ con bám ngoài cọc rạp thì há miệng, tưởng tượng. Tưởng tượng giá ta biết võ mà được lên đài bây giờ, ắt đấu nhau phải hăng khiếp lắm. Kề ra, mời mọc như thế, cũng chỉ là mời lấy lệ. Bởi ai người ta cũng chỉ cốt đi xem. Ai có võ, đã đứng ra đăng sau rạp rồi.

Thường lệ, không mấy ai đấu quyền. Đấu quyền nguy hiểm. Nếu cố ý, có thể thổi những quả ngăm chết được người. Bởi vậy, sau mấy cặp đấu quyền biểu diễn, người ta vào cuộc đánh độc kiếm.

Một nhà võ nhảy lên đài. Đầu húa ngắn, mặc áo nịt ngắn và quần cộc đen, tay xách chiếc kiếm nhọn bằng song. Một nhà võ nữa cũng kiếm cặp sau lưng, trèo lên sân khấu. Tiếng trống khua đều đều.... Mỗi nhà võ đi một bài kiếm, trước khi đấu. Đường kiếm bắn ra xung quanh vun vút. Khi lên khi xuống, ngọn song lia vù vù, thấp thoáng ẩn hiện.

— Võ sĩ Vị đấu với võ sĩ Tộ.

Bây giờ hai người đứng đối mặt nhau. Hai thanh kiếm so lại, dứ, rồi bắt đầu đánh. Tiếng song đập chan chát. Chàng này xô thì chàng kia lùi. Một người đâm, một người đỡ. Những cái gạt xoèn xoẹt biến chuyển cùng với hai cánh tay rắn chắc, thịt nổi lên như những thớ đá. Tiếng trống thúc đồ rền rền..., cuộc đấu càng ngày càng hăng và dữ dội. Người xem hồi hộp theo từng nhát kiếm vút.

Bỗng xọt một tiếng mạnh. Một thanh kiếm văng lên, rơi ra ngoài rìa ván gỗ. Võ sĩ Tộ, mặt tái mét, run run giơ cánh tay phải. Một dòng máu đỏ tươi, từ trong khe ngón nhuộm xuống lòng bàn tay. Kiếm của Tộ đã ăn một đòn mạnh quá của Vị, văng đi mất. Tộ bị toạc hở khâu, chảy máu. Tiếng vỗ tay dội lên. Nghe như thác ngàn đổ xối vào hốc đá. Võ sĩ Vị thắng cuộc.

Và cuộc đấu kiếm, cứ đôi một, kéo dài mãi. Mọi người xem mê mải. Cho tới quá trưa, đám võ mới thôi. Nhưng hôm nay mới là cuộc đấu loại. Ngày mai vẫn còn đấu loại. Ngày kia mới đấu thực để ăn giải. Ai cũng đoán:

— Năm nay giải kiếm về bên Bắc mất.

* *

Ba hôm sau, hết hội làng. Mọi khung cửi lại sắp bắt đầu dệt. Những cây hoa giấy xanh đỏ trồng trong các ngõ xóm đã rách tướp và rụng tả lả. Trẻ con buồn, tiếc ngần ngợ. Ngày vui thực là chóng tàn.

Các đoàn võ sĩ cũng giải tán, đầu về đấy. Những khăn gói lại đeo lên vai. Đoàn võ sĩ bên Bắc vẫn tám người đầy đủ. Mấy ông áo the chùng, khăn lượt chít, cánh tay khoác ô đi trước. Vài bác con trai đi sau, tay nải nằm trên lưng. Có bác vác một cái gì như một chiếc mâm gỗ vuông, ngoài phủ vuông lụa đỏ. Nom tựa mâm đồ đi đám cưới. Không, không phải. Đó là cái giải kiếm, chiếc gương lớn vẽ hình anh hùng độc lập. Kết quả của

sự tài giỏi và những ngày ăn chực nằm chờ khó nhọc. Về tới nhà, lại tốn kém, chết mấy chú gà, vịt để ăn mừng. Họ góp tiền túi ra. Và không bao giờ ai hề bận nghĩ đến chuyện tốn kém. Ba tháng xuân hội hè, người ta ăn chơi.

Đoàn võ sĩ vác giải về tận bên Bắc. Thôi đường cánh đồng xa thăm thẳm, đi hàng nửa ngày. Nhưng mọi người bước những bước vui vẻ. Bấy giờ trời đất vẫn còn cái u ám mát rượi của mùa xuân dịu dàng. Gió bay phàn phật những dải thắt lưng lụa đỏ thướt, những dải thắt lưng nải vàng khè. Mưa nhỏ sa phời phới.

(1943)

**HẾT MỘT
BUỔI CHIỀU**

MỘT tiếng động mạnh. Hình như tiếng đàn bà nói léo xéo gì ngoài cửa sổ. Tiếng gay, rứt lên, khiến gã bưng thức. Hai mắt gã mờ bệnh, thao láo. Tiếng động kia chỉ làm cho gã thoát hẳn giấc ngủ chập chờn, thực ra, gã không ngủ nữa, đã từ lâu. Con ngủ trưa hơi nặng. Gã thấy hai lồng ngực tức tức, ê ê. Những đầu xương ống chân, ống tay mỗi dần dần, như nghe được có tiếng một đực cọt cọt. Gã nghiêng má, nhìn ra cửa sổ.

Cánh cửa hơi he hé, xò ra một vệt trắng. Ánh nắng, theo cái vạch trắng của một nền trời không có mây đó, chảy xuôi xuống, đọng ở trên nếp cửa. Cái thành cửa màu đỏ kèn ketch nhuộm vào nắng, đỏ lồng lên. Gã nằm đấy, đoán mà cũng biết được rằng lát nữa, theo với chiều mặt trời nghiêng xuống, nắng sẽ xể dài vào phía trong. Nắng sẽ chảy lên trên mặt cái bàn viết của gã. Những chấm bụi li ti nhảy múa ở trong vạch nắng. Rồi thì những quyển sách, những lọ mực, những cái cán viết đều sáng rực cả lên.

Gã thấy trọn người. Những ý nghĩ vu vơ lẫn lộn

ấy vừa chạm vào những dụng cụ của mọi việc hàng ngày. Cái cán viết, cái lọ mực. Những thứ lồi thoi nó dựng được gã dậy, và đem được gã ra khỏi cái ghế bố quăn rủ. Bởi vì gã cần phải viết cho xong một cái truyện ngắn mà gã vừa dựng được cốt. Ngay chiều nay, đề sớm mai gửi đi. Sớm mai gửi đi, nhanh lắm cũng phải mất ba hôm nữa, ở ngoài tòa soạn người ta mới nhận được bài. Người ta sẽ kêu lên rằng dạo này gã lười quá. Gã không dám lười. Gã sẽ viết bây giờ, ngay bây giờ mà.

Gã vuôn vai, cử động chân tay mấy cái thực mạnh cho bao nhiêu những cái gì còn là uế oải, oằn oại trong mình, phải thoát ra hết. Gã nhìn đồng hồ. Đồng hồ nghỉ chạy. Hai cái kim dúm vào nhau, chết đứng ở trên con số mười hai đã từ lúc nào!

Gã đã sửa soạn đủ cả. Bây giờ thì gã trịnh trọng ngồi vào bàn viết. Bàn tay xếp đặt qua loa cho mấy chồng sách trước mặt được gọn mắt. Rồi gã cầm bút, chấm vào lọ mực, cúi đầu xuống.

Bỗng gã thấy như cái cổ của gã mỏi quá. Dường nó muốn triu nặng và muốn dìm cái đầu bù xuống mặt bàn. Hai bên ngực thì đau ran ran. Một bên khuỷu tay tỳ xuống, khiến cái xương vai gồ lên, có thể sai vẹo xương sườn đi được.

Gã tắc lưỡi, nghĩ:

«A, xảy ra sự rắc rối này là do nơi cái bàn». Và gã thấy ngoẹo đầu, triu cổ, đau xương ngực, xương vai đã từ mấy bữa, chứ không phải vừa mới hôm nay. Cái đau đã thành lệ. Bây giờ, vừa ngồi vào bàn, nó đã đau râm lên rồi. Gã buông bút, đứng lên. Hai tay khoanh trước ngực, gã ngẫm cái bàn. Cái bàn thấp lè tè, mà cái ghế thì cao lênh nghênh. Cặp vợ chồng chẳng đẹp đôi chút nào. Nếu ngồi hàng giờ ở một cái ghế như thế và tỳ tay lên một cái bàn như thế, để viết, người ta có thể lệch vai dễ như bỡn. Ấy là chưa kể đến bệnh đau ngực và bệnh ho lao. Gã đã dốt nát quá, mà nhẩn nại ngồi ở bộ bàn ghế lệch lạc đó được tới năm sáu bữa nay rồi.

Muốn tỏ ra rằng mình không đến nỗi dốt nát lắm, gã kỳ cục đi kê lại cái bàn. Chiếc ghế đã sẵn cao bây giờ gã chỉ việc tìm cách làm cho cái bàn cũng được cao nốt lên. Ấy thế thì thấy đôi lứa xứng đôi. Khổ công lắm, mới kiếm được ba viên gạch bằng nhau. Còn một hòn, chẳng thể bới đâu ra được. Sau rốt, gã phải chịu khó, lấy con dao, đẽo một hòn gạch thực to cho nó bé vừa bằng ba viên kia. Kỳ cách sửa xong được viên gạch, mồ hôi đã ra râm rấp trong lưng áo. Gã nheo mắt, bệ từng cái chân bàn lên một, để đặt gạch.

Cái bàn đã được cao lên một chút. Trông thực nó cũng khang trang hơn. Và trông nó thực cũng như một anh có bốn chân cùng đi bốn cái cà kheo. Gã cho thế là được. Công việc khó nhọc đến mướt mồ hôi trán, mướt mồ hôi lưng, sao lại không là được, cho nó hả tâm

lòng. Rồi gã đi rửa tay, rửa mặt. Gã cởi cả áo ra, té nước và lau khắp mình mẩy. Gã xắn cao quần lên, dội nước từ bẹn trở xuống. Chỉ suýt nữa thì gã biến cuộc rửa mặt ra một cuộc tắm. Vì mát quá. Vì ngon tay quá.

Chỉnh tề đầu đấy, gã trở vào, ngồi bàn viết. Chưa cầm bút vội, gã hãy thử rung cái bàn xem nó có được chắc chắn không. Thì hồi ôi, nó ngoẹo ngay đi, và nó gieo cả bốn chân xuống, giấy nảy lên như một người đàn bà dỗi hoặc làm nũng chồng. Gã xụ mặt lại. Thôi thế là hỏng. Gã không thêm kê lại nữa. Bởi giá có kê lại rồi nó cũng ngất ngưỡng mà lảo đảo ra như thường. Vất vả bốn hòn gạch ra sau nhà, gã lại đứng khoanh hai tay, buồn rầu mà ngắm cái bàn chẳng được như ý. À, có lẽ gã cần phải chặt bốn cái chân ghế cho chúng thấp bớt xuống, vừa ngữ ngồi của cái bàn. Nhưng gã chỉ lo nghĩ và nghĩ một câu để nghe như vậy, chứ không dám làm. Đâu có phải ghế của nhà gã. Nghĩ rằng đến ở trọ người ta mà lại cầm con dao chặt cụt bốn cái chân của người ta, coi nó bất tiện lắm.

Đường lên, tiếng xe điện chạy, kêu *tun tun* rần rần. Gã nhìn ra. Chao! Kia nắng, nắng đã khuất mặt. Anh vấp chỉ còn bảng lảng phơ phất ở trên mây. Cây lá đã tắt. Gã nhìn lọ mực, hơi hốt hoảng. Nhưng dần dần gã cũng định trí. Vì ở cái ngõ hẻm phương tây có nhiều lầu cao, bao giờ mặt trời cũng lên sớm.

Gã lại ngồi vào bàn. Vẫn cứ cái bàn thấp và cái ghế cao, như cũ. Gã nghĩ rằng có lẽ chịu khó ngồi khổ sở thể một chút, cũng không sao, cũng không hề gì. Người ta chẳng đã dễ dàng mỗi một chốc mà ốm, mà đau ngay được!

Cái quán bút lại được rơi vào lọ mực. Gã nhìn xuống tờ giấy trắng.

Trên tờ giấy trắng, đã có khởi mào mấy hàng chữ. Những dòng chữ gã đã ghi lên đó để đánh dấu câu chuyện và để tránh cái khó, khi bắt đầu đặt bút. Chữ đầu tiên viết chớm lên ở một trang giấy, bao giờ cũng nặng nhọc vô cùng.

Đó là một truyện ngắn, mang cái tên rất đẹp là *Ấp Hồ*. Hai chữ *Ấp Hồ*, gã dùng bút kẻ thành những chữ kiêu in rất xinh xắn. Truyện bắt đầu rằng:

ẤP HỒ

Từ làng Nghĩa-đô đi lên một thoi đường, ngược theo bờ sông Lịch, thì đến ấp Hồ. Cô Nguyệt là con gái ấp Hồ. Năm nay Nguyệt chừng

Chừng bao nhiêu tuổi chi đó. Nhưng hôm qua gã chưa viết nốt. Gã đề dành một nửa dòng đề hôm nay có sẵn chữ mà viết tiếp theo cho được dễ dàng. Nào, gã viết tiếp theo.

Nhưng trước khi viết, gã hãy nghĩ phớt lại, như ôn trọng tường tượng, câu chuyện mình sắp đem viết lên giấy cho thiên hạ bốn phương xem.

Gã ngả người ra thành ghế, lơ đãng nhìn qua cửa sổ. Nói là nhìn, nhưng gã có nhìn gì đâu. Gã đang ngẫm ở trong khoảng không, cái truyện ngắn của gã.

Đấy là một câu chuyện diễm tình thơ và suông hết sức. Đã lâu lắm, gã chưa nói một truyện kiều như vậy. Bởi mỗi khi cầm bút lên mà kể chuyện một dòng nước, một cánh hoa, hoặc một làn mây trắng, thì gã thấy như mình đang làm một việc trào phúng quá. Gã ngượng với bút. Gã ngượng với chính cái mặt gã soi thấy ở trong gương. Mạch sống của cuộc đời tấp nham này còn có gì đáng lồng vào một dòng nước, một nhành hoa, một làn mây trắng! Trước bàn làm việc của gã, có treo một bản đồ năm châu. Bên cạnh gã là cả một xóm lao động rách rưới vang rầm lên những tiếng rên la, găm rít. Những cái gì là trắng, là sao, là vàng mờ mịt ở trong đầu gã. Đầu gã chỉ cô đặc lại bởi những ý rất buồn thảm. Vậy mà câu chuyện diễm tình kia cứ len lỏi, khi ẩn khi hiện trong đầu gã. Gã không xua đi. Gã cười. Bởi gã vẫn cho rằng nếu mình nghĩ đến nó, cũng như là mình uống một cốc nước chanh quả giải khát vậy.

Chuyện chàng và chuyện nàng. Nàng tên là Nguyệt, đẹp như mặt trăng. Cô Nguyệt ở ấp Hồ, nghe phời phời như gió lên. Hai người thường gặp nhau trong những con đường viền cỏ xanh. Ngày tháng bấy giờ là ngày tháng của một mùa thu rất dịu dàng. Người ta giao ước rằng thề nào cũng sẽ lấy nhau. Thế rồi, đột nhiên, chàng ra đi. Nàng ở lại nhà một mình một bóng. Mỗi

chiều chiều đứng trông về một phương trời, lòng rầu rầu, đôi mắt rưng rưng. Ôi, buồn ơi, buồn quá.

Gã ngồi trong cửa sổ, cũng buồn theo câu chuyện vợ vãn, nghĩ trong đầu. Ở đời, còn có cuộc biệt ly nào là biệt ly không buồn. Hôm nay, chiều cũng buồn như là một chiều biệt ly. Đáng lẽ người ta phải nắm tay nhau mà khóc mới phải. Ấy thế là gã lại ngồi nhìn cái này, nhìn cái nọ, đề tự hỏi xem tại làm sao ở đây lại có một buổi chiều âm đạm như thế này.

Ở Sài-gòn, đây thực là một buổi chiều hiếm có. Trời thấp, mờ một thứ mây nhạt như khói. Không gió. Nhưng mà trời đất mát như là không bao giờ biết có mặt trời. Những tiếng ồn ào của một cái thành phố đương lên cơn sốt vang vào đến trong ngõ hẻm, không còn đủ sức làm cho người ta mất bình tĩnh. Buổi chiều như đứng lại. Gã vẫn nghe đâu có tiếng đàn bà nói lao xao bên giếng. Lũ trẻ đi học về đi trên đường đê cao, chuyện léo xéo. Tiếng cánh chim đập trên ruộng lúa. Những người đi chợ xa về muồn đi trong cánh đồng. Này ấp Hồ. Này con đường quanh co lát từng viên gạch nhỏ, lối đi vào xóm nhà cô Nguyệt.

Gã mơ rồi. Gã buồn quá. Gã buồn quá, buồn như là có thể buồn ngủ ngay được. Thế là gã gục đầu xuống bàn, hai tay úp lên mắt, thiu thiu ngủ gà.

Khi gã tỉnh dậy, thì hình như những ngọn đèn ngoài

đường phố cũng đã thức giấc, và chúng đã mở cả mắt ra rồi. Cái ngỗ tối sầm lại. Ánh điện hàng lên một chút trong lối đi.

Tức mình quá, gã thờ dài. Gã mặc quần áo, gã đi giày, gã khép cửa sò, khóa ngõ, rồi gã đi ra đường. Gã lừng khừng đi. Trong thành phố, ít khi người ta nhìn thấy trời. Có lẽ vì người ta còn bận quá với những cảnh tưu tít dưới đất. Lúc này gã cố ý nhìn lên trời. Trời bây giờ, có từng ôm mây trắng phơn phớt màu hồng.

Gã mỉm cười, đề tự an ủi:

— Mai mình viết. Mai.

(1942)

MỘT NGƯỜI
ĐI XA VỀ

BUỔI trưa hôm ấy, có một chiếc xe sắt, chở một người khách lạ, đi vào làng Nghĩa-đô.

Con đường nhỏ, mỏng mảnh, bò ngằn ngor giữa cánh đồng lúa, như một làn khói vương. Thanh vắng quá. Nói là một đám mây bao la. Cánh đồng bát ngát im, đợi. Bấy giờ đương mùa thu. Trong mùa thu thường có những ngày rất êm ả, trời đất dằng dằng mơ hồ, khó lòng mà đoán được giờ giấc.

Chiếc xe đi ngật ngưỡng trên dải đường gồ ghề. Cái chốt bánh ni non lên từng hồi cót két. Đôi vòng sắt nghiêng xuống những rãnh, hõm đất, vỡ ra những tiếng nức nở nhỏ. Người phu xe khom lưng xuống, hai khuỷu tay nhô lên như hai cánh chim, mặt đất trắng lì, những bàn chân vấp xuống bạch bạch.

Người khách ngồi ngất nghều, lắc lư theo từng vòng bánh. Khách lạ thực. Hình như không phải là người làng Nghĩa-đô. Nom không quen mặt. Mà cách ăn mặc lại rất ngộ nghĩnh, khác kiêu. Đó chừng là một người ở phương xa tới. Một người ở trong những cái thành thị ánh sáng nào đó, rời về đây.

Người ấy, đầu đội một chiếc mũ cát-kết bằng vải *mông-ta-nhất*, sọc đen sọc trắng lẫn lộn. Cái lưỡi trai lại lật ngược ra đằng sau gáy, tỏ vẻ một tay ăn chơi nghịch ngợm. Chiếc áo bành tô vàng sọc, có một chuỗi khuy đồng trước ngực. Ở cửa tay, ở hai bên cổ, ở những miệng túi, ở cả hai bên ngực, cũng rải rác những chiếc khuy nhỏ. Làm gì mà lủng củng những khuy. Và đến túi cũng lăm. Túi nhỏ, túi lớn. Túi ở hai bên bẹn, túi ở hai bên ngực, túi ở hai bên trong lườn. Giá mà để đựng tiền thì đựng biết bao nhiêu tiền cho đầy! Chẳng vận một cái quần linh đen bóng nhoáng. Nền linh lăm tăm hoa đầu óng ánh. Chân mang đôi giày tàu bằng nhung. Đôi giày tàu nhung thực là đẹp. Nếu có ở hai bên mũi giày hai cái ngà hoa đỏ, thì đúng hết một đôi giày của một ông tướng võ, một ông Triệu Tử-Long chẳng hạn, trong những phường hát đám tháng giêng.

Đây, người khách ăn mặc lạ kỳ như vậy. Điềm vào bộ quần áo khác người, một khuôn mặt đen nhánh và răn rỏi. Ở Nghĩa-đô, không có ai giống thế. Và lại, trước mặt chàng ta, trên sàn xe, lù lù hai cái bồ cao ngất ngưởng. Hai cái bồ mới, thừng chẳng xung quanh kỹ lưỡng. Đúng là một người ở đâu đến. Một người ở xa đến làng. Một người đi làm ăn xa trở về làng.

Chiếc xe đồ. Con đường dẫn đến một cái cồng gạch. Chiếc xe ngừng ở đấy. Nhưng đường còn tiếp theo, đi dọc mấy ruộng rau muống ven sông Lịch và tựa vào một thành tre dài dằng dặc, rồi lần nghiêng sang cánh đồng khác.

Bên trong cái cồng, là một túp lều lá. Quán hàng nước đầu làng. Người ta, những ông già, những người rồi việc, thường ra ngồi uống nước chè tươi và lấy đó là nơi tụ tập để nói những câu chuyện hay, chuyện dở của mọi nhà. Những câu chuyện hàng nước vớ vẩn.

Người phu vừa hạ hai cái còng xe xuống, đã có mấy đứa trẻ, không biết ở đâu, chạy đến. Lũ trẻ con lắt nhắt, rất tài. Ở đâu cũng có chúng. Việc gì cũng có chúng. Chúng sán ngay lại và vây lấy chiếc xe. Những con mắt e ngại nhìn trừng trừng. Người ta không để ý gì đến bọn trẻ. Chàng bước gần lại phía hàng nước, trong khi người phu khuan hai chiếc bồ xuống đất, rồi đứng định dắt xe ra. Ở hàng nước, chỉ có vài người đàn bà. Chàng nọ lật chiếc mũ cát-kết ra cầm ở tay.

— Thưa các bà ngồi chơi....

Người ta nhao nhao:

— Chúng tôi không dám.

— Các bà không nhớ tôi ư? Tôi là Tại đây mà. Tại, con bà ba Miến mà.

Có người trở mắt nhìn. Bỗng có một người sừng sốt, kêu tru lên:

— Ôi trời ôi, anh Tại đấy ư? Thảo nào, tôi nom cứ ngỡ ngợ. Anh có nhớ tôi không? Tôi là dì anh đấy. Hai Trụy! Hai Trụy!

— À....

Anh Tại chỉ mới «à» được một tiếng, thì bác hai Trụy đã cướp mất lời. Bác nói láu táu, láu táu. Bác

nói như sợ ai nói tranh hết. Bác nói tất cả những điều thân mến với anh Tại. Đề cho những người đàn bà đứng quanh đấy đồng tai ra mà nghe.

— Anh đi về nhà chứ?

— Vâng, cháu có hai cái bồ kia....

— Đề trẻ nó khiêng cho. Chúng mày khiêng cho tao hai cái bồ vào nhà bác ba Miến. Có quà đấy.

Lũ trẻ xúm vào, *đô ta*, khiêng đi nhoay nhoáy. Nghe tiếng quà là hai lỗ mũi nở ra rồi.

Bác hai Trụy tong tã đi vào trong xóm. Những người đàn bà ở hàng nước chuyện với nhau rằng:

— Con mẹ nặc nô chỉ hay làm công làm cán. Bà lão Miến bà ấy khinh ra con chó. Vớ chứ ruột thịt đéch gì!

— Trông thằng Tại bây giờ khác nhỉ?

— Chuyện! Nó đi Sài-gòn đã tám chín năm rồi đấy. Tôi còn nhớ cái năm ấy nước to lắm.

— Chóng nhỉ.

Chóng thực. Chốc là tám chín năm trời. Làng nước bây giờ cũng đổi thay nhiều lắm. Con đường ngõ xóm đã được lát bằng mấy dòng gạch phẳng phiu. Hai bên lối, không còn là những rặng cúc tần, rặng ô rô, những bụi xương rồng. Mà là những bờ rào tre gọn gàng, những nếp tường hậu vững chãi. Những người trai trẻ đứng lấp ló trong các ngõ nhìn ra đường, nom như những đứa bé ngày xưa, vừa mới lớn lên. Cả những

tiếng chó sủa gâu gâu ở bên bờ ao, nghe cũng là lạ. Một mùi đất mốc dâng lên, ngửi quen thuộc như mùi lá vối.

Đồi thay. Đồi thay. Thương ôi! Dưới gót năm tháng, cái gì mà không xê lệch đi. Hai bên má anh Tại đã có mờ mờ hai vết hõm. Khi anh nhếch mép cười, để lộ ra hai chiếc răng vàng chóc.

Ngày trước, đáng lẽ cũng như những người con trai khác trong làng, công việc của anh Tại là tập học cho thạo nghề nhà, nghề dệt lĩnh. Chẳng may — hay là may — Tại lại không giống như họ. Cũng vì một câu chuyện nhỏ mọn. Câu chuyện nhỏ mọn lắm. Khi người ta lớn hơn lên, nghĩ đến câu chuyện cũ kia, có thể người ta bật buồn cười một mình. Hoặc khi người ta đã đề râu rồi, nghĩ lại, có lẽ người ta phải tự sỉ vả người ta ghê lắm. Cái gì thế? Ôi, nó là câu chuyện tình của những người thiếu niên. Anh Tại, ngày ấy cũng có một câu chuyện tình. Câu chuyện đã làm lệch vẹo cuộc đời anh đi.

Ngày ấy, anh yêu một người con gái làng. Cô Pha. Hai người yêu nhau lẫn lóc, mê toí. Cả làng Nghĩa-đô đồn rầm lên rằng thề nào tay đôi ấy cũng lấy nhau. Và chính cả tay đôi ấy cũng tin chắc chắn như thế. Yêu nhau rồi lấy nhau. Những ngày tháng sắp đến, bấm đốt ngón tay mà tính trước được.

Mùa đông năm ấy, đăng nhà anh Tại mượn người đến nhà cô Pha đánh tiếng. Nhà cô Pha bằng lòng. Hai nhà cũng đăng đối như nhau. Trong làng, không đến nỗi lép vế gì. Thầy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: « Phải cái nhà nó khí thanh bạch ». Thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: « Ôi chao, thầy nó chỉ nghĩ lẫn thân sự đời. Nghèo thì càng dễ ăn dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiêm tiêm như mình ». Ông chồng không nói gì thêm. Tức là ông chồng đã ưng. Công việc của đôi trẻ xong được phần thứ nhất, cái phần giáo đầu. Bên nhà Tại, một hôm tốt ngày, xin cho đi lá trầu quả cau trạm gỗ.

Anh cu Tại mừng rơn, không phải thấp thỏm gì nữa. Tiền đồ đã trả sẵn, chẳng còn lo ai ngồi tranh mất chỗ. Anh ta, mẹ anh ta, anh anh ta cùng cố làm đề dành dụm lấy ít tiền. Ngày cưới định vào mùa rét năm sau. Những đứa cháu con nhà anh anh Tại hong hóng đợi ăn cỗ chú.

Nhưng mà hồng. Nếu lũ trẻ đợi, ắt chúng nó mồm mép ra. Bởi đăng nhà cô Pha, thầy mẹ cô đã không ăn ở đúng được như lời nói. Tháng giêng năm sau, có một người khác cũng đến đánh tiếng muốn hỏi Pha. Người này là con một nhà khá giả bên Phú-gia. Người ta có ruộng, có đất bên Nghĩa-đô. Thầy cô Pha không biết nghĩ thế nào cho phải. Song lại chính mẹ cô Pha đã bằng lòng. Mẹ cô lật lười ra mà nói rằng: « Ừ, mà phải. Cha mẹ mong cho con cái được sung sướng, chứ có mong

đâu cho con cái phải khổ sở. Lấy cái thằng kia thì bao giờ mở mắt được bằng ai ». Thầy cô Pha vốn hiền lành và nhu nhược. Ông ta tắc lưỡi. Ừ. Công việc lại xong một lần nữa. Nhưng công việc xong với anh cả Nhiệm bên làng Phú-gia, không phải với anh cu Tại.

Không ai nói gì với Pha. Vì cha mẹ xếp đặt nơi ăn chốn ở cho con gái. Song đến khi Pha biết thì Pha cũng ừ. Thế mới chết người. Chẳng hiểu cô nghĩ ngợi ra thế nào. Ai mà biết được những ý nghĩ tráo trở của người con gái mắt trắng kia. Có lẽ cô ta cũng chẳng nghĩ ngợi gì đâu. Nghĩ quái gì cho phiền phức. Muốn nơi no ấm, chẳng ai muốn nơi bần hàn. Cô ta nghĩ phần lợi cho cô ta.

Ngày tháng giêng năm ấy, cô Pha lấy anh cả Nhiệm. Đám cưới làng nọ đi sang làng kia rất linh đình. Cưới xong, hai vợ chồng đem nhau về bên Nghĩa-đô làm nhà ở bên này, cho được gần gũi cha mẹ.

Anh Tại không khóc. Anh lại cười. Anh cười nhạt. Anh cười gằn. Trước ngày cưới Pha, mấy lần anh hẹn Pha đi nói chuyện mà Pha không đi. Pha nhất định không dính líu rắc rối gì tới Tại nữa. Những người con gái, hay quên quá. Đầu tiên, Tại lấy sự bị quên đó là một điều rất tủi cực và đáng để tâm thù lắm. « *Thù này ắt hẳn thù lâu; trồng tre nên gậy gặt đâu đánh què* ».

Anh không định đánh què. Mà anh định giết chết. Phải, cầm một con dao bầu thực nhọn và thực sắc, đưa thực ngay vào cuống họng nó. Anh nghĩ thế, ra lối hăng

lắm. Nhưng tới khi anh tưởng tượng rằng rồi nó ngã gục xuống, máu ở vết dao đâm tuôn xối ra ướt hết áo quần và bắn lên cả mặt anh.... Một cái gông bằng gỗ to lắm tự đứng lù lù đến, kẹp vào cổ anh.... Anh thoáng rung mình và lạnh gáy. Thế là những cái mâu tư tưởng ghê gớm đó tan mất.

Đến nghĩ tiếp, anh Tại lại nghĩ được thêm rằng: Chỉ vì anh ta thiếu mất một thứ, nên mới bị phụ tình. Anh ta thiếu những đồng bạc tròn tròn, trắng trắng. Gõ xuống gạch, chúng kêu lên reng reng. Anh ta đã hiểu. Nghĩa là anh ta đã giác ngộ rồi, đã giác ngộ lắm. Từ đó anh ta không học hặc gì nữa.

Giữa năm đó, anh bỏ nhà đi vào Nam-kỳ. Ai can cũng chẳng nổi.

Chỉ đến bây giờ.

Anh Tại về làng Nghĩa-đô. Cái gì cũng đổi thay cả. Từ kẻ bỏ làng, bước chân ra đi, cho tới kẻ ở lại nhà. Tại bây giờ đã là một tay buôn bán. Anh buôn bán gì ở đâu đâu thì chẳng ai biết, chỉ rõ rằng anh cũng mang về nhà có được bạc trăm. Còn cô Pha? Cô Pha bây giờ nghèo lắm. Vài năm hàng họ ế ảm, vốn liếng bay lên mây hết cả. Nhà đã nghèo, lại thêm một đàn con riu rít nhai gạo. Ừ, ai mà biết trước được ai sẽ ra sao!

Anh Tại sai các cháu đi chia quà bánh cho khắp xóm. Những quả mãng cụt đen sì. Những quả dưa đỏ — lúc này trái mùa, ở vùng đây không có. Rồi, cuối

tháng, anh Tại làm một bữa rượu, mời tất cả các bà con anh em đến chén. Khắp làng Nghĩa-đô đồn inh lên rằng anh Tại bây giờ giàu sang lắm.

Ngay buổi chiều hôm ấy, vợ chồng anh cả Nhiệm choảng nhau một trận rất kịch liệt. Trước cũng vùng vằng xoàng. Sau hình như chị ta có than một câu rằng: ngày xưa giá ta như thế này,... ta thế nọ,... ta đã chẳng khổ như bây giờ.... Anh cả Nhiệm giận tím mặt lại. Anh vác rồi cồng phang vào lưng vợ. Rồi anh cầm cả một cái rồ bát, quăng ra giữa sân....

(1942)

4

**MỘT ĐÊM
GÁC RỪNG**

TIẾNG keng đồ hồi. Từng tiếng sắc lạnh
lạnh, nức nở lên. Bảy giờ buổi chiều đã
sạm lại. Mây trắng đổi màu vàng hoe. Và, những lớp
cây ở bốn phía rừng xám ngoét một giải bát ngát. Ấy là
bởi vì hơi đêm đã dấy dần, len lỏi từ những khe rừng
tối tăm mà bò ra, khiến ánh sáng không còn thể lực gì nữa.
Theo chiều, vầng mặt trời thắm một màu máu tím lịm
ngã chềch xuống ngọn những lùm cây mênh mông.

Trong các lối đi giữa những hàng cây đều chăm
chăm và xa hút lờm, bọn dân tan điềm, đương đi tãi ra,
lũ lượt về các ngã xóm ở dựa mé bờ sông. Những bóng
đen bước lùi lùi. Không phải tại trời tối, bởi trời chưa
tối hẳn, mà vì chính họ đen thực. Nước da thâm xịt, đen
và xám bùng lại, tưởng như sờ đến thì có sạn cát dính
vào bàn tay. Tóc ngắn, rụng lưa thưa. Những cẳng tay
và cẳng chân gầy tóp. Trái lại, bụng ai cũng to phềnh. Những
cái bụng vượt ngực, phình như những chiếc bụng giun
của trẻ con. Phần nhiều, người ta đi run đây đây. Ai đi
cũng khoanh hai tay, cái cổ rút lại, đầu gối giơ cao, gieo
những bước chân liu riu. Họ rét. Phải, nhưng đây người

ta rét bệnh. Cứ mỗi ngày, khi chiều tối sẫm lại, thì rét cũng trở về trong thân thể mọi người. Rét là bệnh và cả đến bệnh cũng đã thành thói quen, chẳng làm cho ai sợ. Bởi thế, lẫn với những tiếng suốt xoa, những lời rên rỉ lầm rầm, còn tiếng vọng cổ nam kỳ ề ề *văng vẳng tiếng chuông chùa, văng xa đưa....* những câu hành vân bắc kỳ réo rắt *dậm băng ngàn, dậm băng ngàn, nhớ bạn phòng loan*. Cả tiếng huýt gió inh ỏi nữa. Thành thử, cái không khí sốt rét trở nên đầm ấm một cách thiếu nào lạ.

Chẳng mấy chốc, các đoàn người tản hết, sau màu xám cây. Những tiếng lao xao nọ cũng tắt. Rừng chiều vào lúc quá hoàng hôn, im đứng. Riêng có một tiếng ve anh ánh vang lên nhức nhối.

Trong khi mọi người về nghỉ, ở những mái bếp đã bốc khói, thì Muh sửa soạn đi làm. Anh Muh — ở đây người ta kêu: Muúc — là người Cao-miên, làm gác đêm trong sở. Anh đồ dầu vào đèn, đóng lại bắc. Cởi cái *sà sòng* kẻ ô sặc sỡ quấn tùm hum quanh mình, lụng nhụng như cái váy đầm, mặc một cái quần dài vải xám và một cái sơ-mi cũng một màu ấy. Lại khoác thêm ở ngoài một cái bành-tô dạ có hai chiếc tai vênh và một lượt khuy đồng suốt từ bụng lên ngực. Đầu đội một cái mũ vải, vành to và rộng như kiềm mũ của những tay thám tử *Âng-lê*. Chân anh xỏ một đôi guốc, thực lớn và thực cao. Đủ rồi. Tay anh mang cái đèn. Tay anh xách một cái gậy hạng đại, to bằng hai chét tay.

Anh đèn chao đi chao lại. Ngoài rừng đã tối lịm.

Những con tắc-kè kêu *cắc kè cắc kè*, đối đáp nhau. Muh thông đèn xuống thực thấp để soi lối. Bước guốc lê lạch cạch trên nền đất khô lũng cùn, cồng kệnh những rễ cây. Con đường vắng vèo giữa các bụi cỏ. Bỗng một quãng trống giải ra: Muh đã đi đến nơi. Đó là một cái lều tí hon, ghép bằng cây, vừa một người đứng. Căn lều trông thẳng vào một dãy nhà liên tiếp và chặn ngang con đường xuyên rừng. Muh sẽ đứng trong lều đó suốt đêm. Thỉnh thoảng, anh lại đi dạo một lượt quanh khu vườn vòng ôm khu sở và khu nhà.

Bóng tối dày đặc và mịt mù. Tất cả bốn phía, đêm giăng lưới đen kịt. Vòm trời trổ muôn sao lóng lánh như thấp xuống đỉnh đầu người ta. Đệm ở nơi cao, đất rướn lên gần với trời. Nhưng ánh sao cũng không đủ sáng tỏ mặt đất. Bóng rừng thẳm vào da trời hết những vết loang lổ chập chùng. Không trông thấy gì hết, dù đứng cách nhau vài bước. Cũng như là chẳng nhìn được Muh đứng xó nào. Quần áo và mũ lẫn với bóng tối. Cả cái mặt và hai bàn tay của hắn cũng hòa hợp nốt với bóng tối. Bởi da hắn đen không khác bóng tối mấy. Chỉ còn một chấm đèn leo lét.

Nhưng Muh treo đèn lên cọc lều và tắt lửa. Muh khư khư ôm gậy, cúi khom khom, rà rà đi nhẹ nhàng. Hắn làm một vòng gác. Gió trong rừng thổi ra hun hút, lạnh cảm như có thắm hơi đá núi.

Lệ chung cho trong trại là quá chín giờ, khi nghe gõ hai tiếng kiềng, không được nhà nào còn đèn lửa và cấm không ai được lượn phườn ngoài đường. Bởi vậy, công việc canh gác của Muh suốt mỗi đêm cũng được nhẹ. Khi kiềng đã đồ rồi, hẳn chỉ việc ngồi trong lều trông ra con đường bờ ngang trước mặt, con đường nối xóm nọ với xóm kia, qua sở tây. Ai đi là túm lấy hỏi và giữ lại.

Muh đi dạo một vòng rồi về lều mà đứng. Hai chân bắt chéo lên nhau, hai tay chống xuống đầu gậy, lưng tựa vách lều, gãi đứng chăm chăm như một cái thân cây. Và cứ yên lặng như thế, hàng giờ, hàng mấy giờ đã qua.... Cả một nghệ thuật của nghề canh gác lộng ở chỗ này. Ấy là hẳn đứng mà hẳn ngủ. Hai mí mắt từ từ khép hờ lại. Nhưng cái cò không ngoẹo và cái đầu cũng không lúc lắc. Hẳn ngủ nhẹ nhàng như những con gà ngủ.

Đôi mắt hẳn lim dim. Rồi đôi mắt hẳn nhắm lại. Tất nhiên là trời vẫn tối thui. Những tiếng rừng xao động ở bốn bên, xa đi mờ mờ. Tiếng dế nỉ non nghe quen thuộc như là không có. Không chó cắn, không gà gáy. Rừng thăm thăm, chìm xuống. Thoáng một lúc đôi hời, có tiếng con chim gõ mõ rộn lên. Muh càng dễ ngủ. Muh đưa một con vật vờ như một người nốc rượu mới chớm tay. Ấy vậy mà gió thoảng đâu có một tiếng động nhỏ hơn khác, hai mắt hẳn đã giương bạnh thao láo.

Đêm dần dần xé khuya. Lúc này còn có tiếng trẻ con ỷ eo khóc trong xóm và lắng tiếng người ho sù sụ. Bây

giờ sự hoang vắng trở nên mông mông lạ lẫm trong bóng tối câm nín. Cảnh vật chết đứng, im ắng, trừ mấy vì sao lấp láy. Gió hây hây, lạnh thít. Muh nhập định, đứng chống gậy, ngủ yên.

Không biết, những mấy giờ đã qua. Vì lúc Muh mở mắt thì đêm tối vẫn dày đặc như thường. Nhưng Muh mở mắt ra, là vì có một tiếng động lạ lẫm. Không đứng, chẳng bao giờ hẳn lại thức giấc một cách vô lý. Hẳn nghiêng đầu. Tiếng gió lùa hun hút. Nhưng thoảng vào hơi gió, vẫn như đâu có lẫn lộn những tiếng rì rầm nho nhỏ. Hẳn đứng ngay người, quắc mắt nhìn bốn phía. Dù đôi mắt của hẳn thực tỉnh, cũng không có thể lực gì trong lúc này. Đêm xột lại. Hẳn đợi cho đến lúc gió ngon ngọt. Khi một cơn gió qua, rút được những tiếng rào rào của lá, thì những tiếng rì rầm bí mật kia lại dội thêm lên. Nghe rõ hẳn hoi. Muh thấy lạnh gáy. Tưởng như ai đương rình ở đâu, định cộp trộm một gậy vào đầu hẳn. Hẳn lùi lại, nắm chắc cây gậy. Rồi nghi ngại một lúc, hẳn vác gậy, bắt đầu đi vòng quanh khu gác, rất từ từ.

Được vài bước, hẳn chợt trông thấy một ánh lửa nhỏ ở phía sông. Ánh lửa nhỏ quá, chấp chờn như ánh một con sâu đất. Nhưng dù nhỏ, hẳn cũng nhận được rất dễ dàng. Vì ánh lửa bao giờ cũng hoe hoe đỏ, khác những ánh sáng lân tinh kia nhiều. Những tiếng rì rầm nọ, quả là vắng trong gió, từ mé sông, mé có ánh lửa ấy, đưa lại.

Muh đi lần lần đến. Cho tới khi gió sông bốc lên mạnh quá. Cái mũ trên đầu Muh, mấy lần chực rơi, bấy giờ Muh mới nhớ rằng mình đã đi ra ngoài địa phận gác. Nhưng mà còn ánh lửa leo lét kia, những tiếng rì rầm nào đó. Muh chẳng thể lùi lại được, vì sự muốn biết tò mò của hắn. Và lại, bên sông đây cũng là chỗ giáp giới nơi canh phòng của hắn.

Hắn đến. Trời tối quá. Cho tới lúc giáp ven sông, Muh mới lờ mờ nhận thấy lửa từ trong một chiếc thuyền ánh lên.

Bây giờ thì Muh đã đứng giáp bên mạn thuyền, chỗ mô đất trông sang. Hắn ngồi xuống, ghé đầu, để nhìn cho được rõ. Đó là một chiếc thuyền nhỏ một khoang. Trong khoang, có ba người ngồi xung quanh ánh đèn. Cái đèn cây rất nhỏ, thấp bằng mỡ cá, chỉ đủ soi ra một vùng ánh sáng trước mặt ba người. Những tiếng rì rầm bập nẩy mà Muh nghe tiếng, là những tiếng cười hoặc tiếng lau bầu cãi cọ của chúng.

Vì chúng đương đánh bạc. Chúng chơi rất giản dị. Có một tờ giấy bạc năm xu; một anh làm cái, thu tờ giấy vào trong bọc, rồi chốc chốc lại chìa ra, để chặn dưới một cái bát. Cho hai anh kia đoán hoặc sắp, hoặc ngừa mà đánh. Hai anh kia, mỗi anh có được độ một hào giấy và vài xu. Ấy vậy mà họ cũng ăn thua nhau tận tình. Cuộc sát phạt, mặc dầu nhỏ bé, nhưng rất gay go. Cái đèn để ở phía trong, đôi chốc ánh sáng lại bị che lấp đi, bởi chúng giằng co nhau. Nhưng có điều chúng nói

rất nhỏ. Ở đây, trên rừng dưới sông, nói to, tiếng vang lên xa lắm.

Một chốc, Muh chợt thấy một thằng ngồi bên trái, giờ thằng tay túm ngực áo thằng ngồi bên phải. Thằng này ngã nghiêng người xuống, cựa quậy. Tên thứ ba ngồi yên, khoanh tay nhìn hai đứa. Túm ngực áo, rồi một tay nữa, nó thò ra bóp cổ. Lúc bấy giờ, Muh được chứng kiến một cảnh ghê gớm. Một bàn tay rắn chắc, nời gân cuồn cuộn, vòng chặt lấy một chết cổ. Ở cái cổ, gân cũng dồn lên. Hai cái mắt nời lục lạc. Hai mắt của gã bóp cổ cũng lồi ra. Ánh đèn quắc vào, khiếp như một cảnh hành hình ở địa ngục. Đến lúc thực bị đè xuống, và lưỡi đã thè dài ra vì tắc cổ, hắn nọ mới giờ một tay lên. Trong bàn tay có một hào bạc giấy. Tên này giựt vội lấy, và nói lòng bàn tay bóp cổ ra. Gã nọ lồm cồm bò dậy. Bất thành linh, gã đâm cho kẻ địch một quả vào mặt. Nhưng hắn này tránh được. Trong khi ấy, hắn đập cho gã một đập, bắn tọt ngay xuống sông. Một tiếng ùm vang lên. Sóng đánh óp ép vào mạn thuyền, rồi im hẳn. Nhưng nghe có tiếng quào quào vào gỗ, như một người đương níu, trèo lên.

Hai tên còn lại trên thuyền, mỗi tên cầm một cái sào dài. Chúng thực bạt mạng xuống chỗ có tiếng động. Chỉ một lát, có tiếng lồm bồm, rồi im hẳn. Bấy giờ cái đèn cũng đã bị gió thổi tắt. Nhưng Muh vẫn nép xuống mà trông thấy hai gã kia đứng cầm sào, rình nghe tiếng động là thọc gậy liền. Cái cảnh khủng khiếp ấy diễn trong sự im

lặng hoàn toàn trên bến. Muh tưởng như trong giấc mộng. Cho tới khi, hai tên kia rời thuyền, lên bộ đi gần đến chỗ Muh núp, hắn mới nhớ. Hắn nép xuống. Và hắn đoán hai tên này là người làm trong sở, ở đâu trong xóm. Quả nhiên chúng lần theo vệ sông mà đi lên. Bấy giờ Muh mới biết từ trong cái xóm, vẫn có một lối ra sông, không cần phải qua nơi Muh canh.

Muh tức lắm. Và chính hắn lại sợ nữa. Hắn sợ ngày mai, dưới bến sẽ nổi lênh bênh lên một cái xác chết. Hắn định đuổi, túm hai tên kia lại. Ít nhất cũng phang trộm cho một tên què liệt, để bắt cho kỳ được. Nhưng khi Muh chạy theo, thì chúng đã đi biến đâu mất. Bóng tối mịt mù, phủ ra mệnh mang.

Sáng hôm sau, Muh xuống bến rất sớm. Định ý tìm chiếc thuyền nọ. Nhưng bến đã san sát những ghe tới, những đò lụ, đi ngang đi dọc tíu tít. Mặt trời loé lên, bến sông rộn ràng và trắng xóa, trong các xóm, theo tiếng kiêng đồ, tiếng đàn phu nhiều như kiến, bò vào rừng làm việc. Toàn những người mặt phỉ, da vàng bụng, ổng. Muh chẳng thể tìm được hai cái kẻ sức lực đêm qua. Mà cũng không hiểu cái tên xấu số ngã xuống sông, có chết chăng?

Bởi vậy, Muh cho cái cảnh mình thấy trong đêm vừa qua là cái cảnh của một bầy ma rừng. Ma rừng hiện lên đánh bạc. Như hắn vẫn hơi ngờ rằng chẳng lẽ ma lại tranh nhau, đánh nhau vì một đồng hào giấy.

(1942)

MỘT CHUYẾN ĐỊNH ĐI XA

N GAY mai, gã đi Sài-gòn. Gã đã nói với
tất cả mọi người như thế. Ai cũng lấy
làm lạ. Và ít nhất, ai cũng phải hỏi lại gã ba câu hỏi:

— Đi đâu ?

— Có việc gì ?

— Bao giờ về ?

Đó là ba câu hỏi, người ta hằng dùng, để sẵn sốc đến
cái đạo sống thường ngày của gã. Bao giờ gã sống cũng
cho ra cạnh, ra góc. Đi, tất là đi đâu. Mà đi đâu, ắt có
việc gì. Và rồi, lẽ cố nhiên, có sự đi, phải có sự trở về.

Bởi vì gã có một căn nhà, công bằng gỗ, đã tra hai
cái then chốt, lại chắn ngang hai cái gióng tre, lại chống
ghịt thêm một cái chống bằng nửa thân một cây soan lớn,
cho nó chắc chắn. Gã có một cái bàn viết cà khồ kê ở
giữa nhà, ngồi dòm ra một mảnh sân gồm có mấy chậu
hoa cây cảnh và mấy cây hồng bì. Gã có một cái hòm khóa
chuông, mỗi khi khóa, nó reo lên *keng keng*. Gã có một
tấm ảnh của một cổ nhân đã khuất núi, treo ngay bên cạnh
bàn viết. Gã có một con chó vàng, lúc nào cũng nằm cuộn
tròn bên cạnh chân. Sau rốt, gã có cả một xâu người

ngồi bên cạnh gã: này bà, này mẹ, này cha, này em, này dì, này cháu, vân vân.... Tất cả bấy nhiêu thứ, lời thôi và dài dòng, vừa người vừa vật, bắt buộc gã hẹn có sự đi, phải có sự trở lại.

Gã, đôi mắt ra điệu mơ màng trả lời lững thững rằng:

— Tôi vào miền Nam.

— Đi chơi đấy thôi. Chẳng có mục đích gì?

— Cũng chưa biết chừng. Không thể nói trước được.

Ồ, gã không còn là gã nữa. Gã đã nổi loạn với chính cái không khí của gã đương sống. Người ta bèn nghĩ ra trăm nghìn các thứ chuyện rắc rối khác thường để gán cho gã.

Người ta đồn rằng ít lâu nay gã có tiền, đã biết nếm mùi ăn chơi. Nhưng vốn là người "ăn tơ ở tóc" gã chỉ thích tiêu tiền ở túi người khác. Bây giờ mà gã đi, là để tránh một cuộc vỡ nợ bạn.

Người ta đồn rằng gã ra đi, cho một công cuộc bí mật chi đó. Bởi xưa kia, nếu ai đã có giao du với gã, chắc cũng biết gã hung hăng lắm, say sưa lắm. Bây giờ gã hiền lại, gã lừ đừ như một con cá ngao. Biết đâu đấy chẳng là gã sống giả vờ. Và biết đâu bây giờ gã đi, chẳng là một cuộc hoạt động tiếp theo!

Người ta bảo rằng gã đi, để trốn một cái ái tình. Có một người con gái, cứ bắt gã đến mùa đông rét mướt này, phải cho người ta ngủ chung giường.

Người ta lại nói rằng chính gã đi, để mang một cái ái tình đi, thì đúng hơn. Cũng có một cô con gái nào đó rất yêu gã. Gã sợ lấy người ta ở tại đất này thì xấu hổ quá. Vì gã đã trót mặt sát cô ả với nhiều người lắm. Gã phải bỏ cô ả đi xứ khác. Gã đi để lập cuộc đời riêng đấy.

Và thương ôi! Người ta cũng lại nói với nhau rằng gã đi như thế, chẳng có gì là lạ đâu. Gã không có đủ tiền sắm một bộ quần áo tây rét. Gã liền làm con chim én, bay đi tránh cái mùa lạnh gớm ghê của xứ Bắc. Ở lại đây, gã không thể còn quần áo mà mặc nữa. Có mỗi một bộ dạ tím may đã sáu năm nay. Thì nào là xuống gấu, nào là nhuộm, nào là lộn lại, gã cứ đổi mới, đổi mới mãi cho tấm áo thò tả. Giờ nó ồm quá, nó rách xơ mướp ra rồi. Gã ra đi vậy. Vì người ta đồn rằng ở trong xứ Nam chẳng có mùa rét bao giờ.

Không, không. Tất cả những điều "người ta đồn" ấy, điều oan cho gã quá. Gã chẳng ăn chơi, làm việc gì bí mật, chẳng đi trốn ái tình và cũng chẳng đi để tránh phải may một bộ áo ngự hàn.

Làm sao mà người ta lại cứ nghĩ lời thôi cho gã. Chắc bởi xưa nay gã chưa đi đâu bao giờ. Gã chẳng hề ra khỏi cái cổng làng. Có những buổi chiều — giờ đây là những buổi chiều thu vàng úa — cơm nước xong, chiếc tấm ngậm miệng, mảnh giấy nhét trong túi, gã đi lững thững ra ngoài cánh đồng làng. Gã đứng nói chuyện với ruộng lúa có sương đọng từng giọt lấp lánh; gã

đứng nói chuyện với ông sao hôm về sớm, lấp lánh trên đỉnh đầu. Nân thực. Cái cuộc sống tẻ nhạt đã nhai một cách uể oải như thế, mất bao nhiêu là thời giờ rồi.

Cho nên, gã đi. Đi chơi thôi. Gã lấy cuốn sổ tay, biên lên đầu một trang giấy: *Ngày hai mươi tháng mười năm Ngọ, tây lịch 30-10-42, bắt đầu cuộc du lịch vào miền Nam.*

To chuyện quá. Có gì đâu. Chỉ là một cuộc đi chơi nhăng.

Đi Sài-gòn.

Mấy tiếng, lăm văng lên trong đầu gã, hình ảnh của những năm kém đời mà những người nghèo khó trong làng phải kéo nhau đi xa làm ăn. Và mấy tiếng đơn sơ kia cũng gọi lại cho gã một kỷ niệm cũ. Một kỷ niệm của tuổi trẻ.

Ngày trước, đã có một lần, gã định đi Sài-gòn. Ừ, gã định đi Sài-gòn thực. Hồi đó, gã chưa tới hai mươi tuổi. Đôi mắt của gã lơ lảo như mắt vịt. Những cái gì là ngây dại biểu lộ ra từng mỗi cử chỉ của gã con trai đương lớn.

Đó là hồi gã đương yêu một người con gái. Cái tình của hai trẻ nhỏ mới thăm thiết làm sao! Chúng biết nhau từ khi hai mái đầu còn gọt ngắn. Họ yêu nhau tưởng có thể chết ngay vì nhau. Thương ôi! Ai yêu nhau mà chẳng nghĩ ra những điều như vậy. Họ cũng tưởng rằng nếu không có nhau, có lẽ họ không biết sống ở trên

đời làm gì! Một đứa nói rằng:

— Nếu chẳng may anh phải cái gió độc, chết ngay bây giờ, thì em nghĩ sao?

Không cần nghĩ ngợi, đứa kia tiếp luôn:

— Anh ơi! Em sẽ cầm con dao mà cắt đứt ngay mạch máu ở cổ tay em.

Như thế, người ta yên chí rằng người ta đã yêu nhau lắm lắm.

Cho đến một ngày kia, vì một cơ gia đình mà hai người trẻ tuổi đều biết họ không thể lấy được nhau. Nàng khóc. Đàn bà là chúa hay khóc, bao giờ cũng lấy cái khóc làm đầu tiên. Chàng cũng khóc. Hai đứa ôm nhau nức nở rầm rĩ. Chúng khóc với trời mưa. Chúng khóc cho trời đất phải âu sầu úa héo vì nước mắt của chúng. Thực chúng đương là những kẻ đau khổ nhất đời.

Một hôm, gã con trai chợt nghĩ ra một diệu kế. Gã măm môi, lặc một bên mắt đi, nghỉ ngơi. Lung lăm. Rồi gã hối hả đi tìm người yêu. Gã mím một nụ cười nhỏ:

— Em ơi! chúng ta cũng không đến nỗi tuyệt vọng đâu.

Nàng ngược mắt lên, rầu rĩ:

— Anh ơi! Em lại có thể sống lại được ư?

— Được, được. Chẳng việc gì mà anh em mình phải lo. Ở đây người ta không hài lòng cuộc tình duyên của chúng ta bởi họ ích kỷ, họ không muốn cho ai sung sướng. Sao chúng ta lại chịu! Hạnh phúc ở đâu? Hạnh phúc ở trong đầu chúng ta đó. Chúng ta có thể mang nó

đi được, rất dễ dàng. Em ôi! Chúng ta hãy khá bỏ xứ này mà đi.

Nàng hỏi:

— Anh định đi đâu?

Chàng trả lời:

— Nghe nói ở trong Sài-gòn dễ làm ăn lắm. Chúng ta vào đấy. Em nghĩ sao? Anh không dám ép, xin tùy em.

Nàng thưa:

— Cũng xin tùy anh.

Chàng trẻ tuổi nghe người yêu mình nói một câu thân ái nhất đời như thế, cảm động quá, không biết nói thế nào, chỉ kêu lên rằng: «Em ôi!...», rồi buông hai tay xuống, ngồi dờ dẩn.

Đôi tình nhân lo liệu cho nhau, để cuối tháng có thể cùng đi được. Nàng muốn đi lúc nào thì đi, chắc cũng chẳng ai biết. Vì nàng giả cách như là nàng đi chợ, tay nàng cắp cái rổ, đầu nàng đội chiếc nón kinh. Ông bố không hiểu. Và chắc lũ em thì ngồi châu hấu ở đầu ngõ, chực chị đem quà về.

Còn gã con trai? Việc đi của gã lại càng dễ nữa. Gã đương là một người tự do. Nếu gã đi, gã chỉ xê ra mười ngón tay. Không có gì cả. Ôi, vậy ai còn giữ gã ở lại làm chi. Gã muốn đi đâu thì đi. Nhà gã nghèo. Cha mẹ vốn đã chẳng có của cho gã ăn học được đến đâu, thêm một miệng ăn chắc cũng là tốn kém lắm.

Nhất định, cuối tháng tám năm ấy, đôi bên rủ nhau đi Sài-gòn. Chà, buồn. Ngày ra đi sẽ là một ngày mùa

thu, mây nào tan ra đây trời, gió lán phát phơ mai tóc.

Nhưng ngày ấy là ngày không bao giờ có. Cho đến phút cuối cùng, người con gái sợ. Gã không biết người con gái sợ ra làm sao. Bởi vì, hẹn, cô ả không ra ga. Gã ôm bọc quần áo, đứng chờ vợ, nhìn con tàu hục hặc đến, hục hặc chạy, rồi gã lại đi về một mình. Gã hẹn gặp, người con gái cũng không tới. Thành thử, gã cũng không thể hiểu được nguyên do của sự thay lòng đổi dạ kia. Thế là hai người không bao giờ gặp nhau nữa. Gã tức mình ghê lắm. Từ đấy, gã trở nên một người chán đời và gã mang một ý tưởng xấu về đàn bà.

Sang mùa xuân năm sau, người con gái nọ về nhà chồng. Cũng tựa tất cả mọi người con gái khác, nghĩa là cô ta như thường, như thường. Gã trai kia không thêm buồn nữa. Gã cười. Vì khi ấy, đầu óc gã, đã được soi sáng bởi những tư tưởng khác, đẹp để cho người thanh niên hơn. À, gã đã giấc ngộ vậy.

Bây giờ thì nàng không còn ở cõi đời này với chúng ta nữa. Thực tình, gã cũng chẳng còn nhớ gì đến ai nữa. Hay là cũng nhờ đến một cách dừng dừng. Gã gắng sống cho đáng sống. Mây trắng của mùa thu cũ đã bay đi và đã tan xuống dòng sông mùa hạ cũ rồi.

Thành phố Sài-gòn đắm trong ánh sáng. Nó rực lên, chói lên, dưới sức điện chói ngời. Nó không thể chịu được sức điện quyến rũ và gay gắt. Nó giẫy giụa, nó rên la: này này từng dòng người, dòng xe biến chuyển phẳng phàng, như không bao giờ biết ngừng, biết đứng, lúc

nào cũng hối hả, tất tưởi, tới tấp, kèn cựa, sát cánh nhau mà ngược, mà xuôi. Các thứ tiếng động hỗn lại của đủ các thứ vô danh, không biết được là của ai, ở đâu phát ra. Ô-tô *tôe toe*. Xe điện *tun tun*. Ôi thôi, biết thế nào mà kè! Phải nói rằng cái thành phố đó bị chìm vào một bề ánh sáng, chói quá, nó đương kêu rầm lên.

Đêm nay, gã trẻ tuổi đứng trong cửa sổ ở thượng tầng một quán rượu xẽ ngang chợ Bến-thành. Gã cúi nhìn xuống. Từng làn sóng người tràn lấn ào ạt, trên các ngã đường, trong các thứ ánh sáng. Tựa như những làn sóng lấn tăn ở một hồ nước đầy trắng. Phải, đấy là những đợt sóng rất nhỏ, rất nhỏ, trộn lộn vào nhau. Gã trẻ tuổi kia chạnh nhớ câu chuyện ngày trước, liền nghĩ rằng :

— Em ơi! Ở đây người nhiều như bụi cát. Cuộc sống ồn lắm, vất vả lắm. Người ta gieo neo mà thờ hít cái không khí đấu tranh hết sức gay go. Lúc nào cuộc sống cũng biểu dương một sự kèn cựa gớm ghê. Ngày xưa thơ dại đó, chúng ta là những đứa trẻ chưa được tới hai mươi tuổi đầu. Giá bấy giờ em nghe anh, chúng ta cứ đi, thì không biết bây giờ đương vất vưởng ra sao. Nghe nói ở trong Sài-gòn dễ làm ăn lắm. À, sự đời có bao giờ tin được hai chữ nghe nói. Em ơi! chính là em đã khôn ngoan đấy. Những người khôn ngoan lắm thường hay chết non. Bây giờ, ờ, bây giờ anh mới nghiệm được câu đó là đúng quá.

Sài-gòn, ngày 10 - 10 - 1942

NGƯỜI ĐÀN BÀ
CÓ MANG

CÁU chuyện tôi sắp kể cho các anh nghe đây
nó xảy ra từ 1930 hay 1931 tôi cũng
không nhớ rõ.

Hè năm ấy, tôi về quê một người cô lấy chồng ở
huyện T. O. Nơi tôi ở gọi là phố chợ, liền ngay cửa
huyện, có đường ô-tô chạy qua.

Phong cảnh huyện T. O. cũng buồn, vì huyện ở giữa
cánh đồng, đi khỏi hai dãy phố, chỉ thấy những ruộng là
ruộng, thỉnh thoảng mới gặp chợ và một cái quán hay
một cây đa. Buồn hơn nữa là năm — theo tiếng của mấy
nhà chính trị — lại nhằm là năm đấm những máu, năm lòng
người sôi nổi ở khắp trời Nam. Cứ chập tối, khi mấy
chiếc ô-tô hàng về muộn ì-òp dồn nhau vào một chỗ là
nhà nào nhà ấy cửa đóng im ỉm. Những lều chợ lênh khênh
bằng bốn cây nứa và một cái mái tranh, trông lạnh những
màu hoang tịch, ghê như đang đợi một sự gì khủng khiếp.

Ngoài đường vắng tanh. Ai lỡ có việc cần đi, phải
mang đèn mà còn luôn luôn gặp những người tuần phiên
đòm vào tận mặt.

Đêm ấy tôi định đi ngủ sớm để mai lên Hà-nội vì

ngày kia đã khai trường nhưng trời oi bức quá, quạt phành phạch luôn tay mà vẫn không chớp mắt được.

Tôi bắc ghế ra ngồi hóng mát trên sân gác mà bói đầu cũng chẳng ra tý gió nào. Cây cối đứng im. Những bụi tre cũng thôi rít. Trời bức là thế mà ngoài đường, trên hè chẳng thấy bóng một ai. Các cửa ngõ vẫn kín mít. Người ta sợ, người ta lo. Nóng mấy cũng chịu, không dám ra đón lấy gió, chẳng biết người ta sợ cái gì? Lo cái gì?

Trên đường vơ vẩn bóng mấy người tuần. Ngoài điểm canh le lói một ngọn đèn. Chốc chốc ở xa rền rĩ lên từng hồi tù-và kéo dài mãi trong đêm tối.

Trời vẫn chưa khuya mà đã đen mờ mờ, vắng ngắt, giá bình thường mới là lúc lên đèn.

Bỗng đằng đầu phố có tiếng người quát tháo, rồi tiếng tù-và rúc, rồi tiếng chân người chạy rậm rịch, sau đến tiếng chó sủa ầm, vang khắp phố. Những ánh đèn «bin» xiên thành từng lằn sáng trong bóng tối loang loáng chạy chỗ này qua chỗ khác. Tôi thấy lạnh đến tận gáy. Ở những cánh cửa, vài cái đầu thập thò. Có chỗ vừa hé lại đóng ập ngay lại.

Chủ lý Khôi, tên chồng cô tôi, hồi ấy đang làm lý trưởng, đêm nào cũng phải đi mò mẫm, canh phòng đến suốt sáng. Bây giờ ông ta đang ở đằng cuối xóm, nghe tiếng tù-và vội lật đật chạy lên và khi qua nhà, tạt vào dắt thêm con dao quăm cán dài gần bằng cái câu liêm. Tôi cũng thu thu bên sườn cái gậy tre rồi chạy theo.

Đường lạnh vắng. Trừ những người có trách nhiệm còn chẳng kẻ nào ra khỏi cửa. Đã lở nhớ mấy ánh đèn ngoài điểm.

Người ta lao xào. Người ta thối tù-và.

Từ cửa nhà này hỏi qua cửa nhà khác:

— «Cái gì thế hử ông?»

— «Sao vậy hả bác?»

— «Động việc gì thế, anh Cu?»

— «Nào tôi biết được.»

Mà giả biết người ta cũng chẳng nói, vì người ta sợ cái vạ miệng.

Mãi về sau, mọi người mới hay tin này: bắt được thằng ăn trộm. Thế là họ kéo đi ầm ầm. Đàn ông thì đến tận nơi, còn đàn bà, con trẻ, ông giả đứng trước nhà nghe ngóng, hỏi thăm kẻ qua lại. Cả phố nhốn nháo.

Trước cửa điểm lẻ nhớ mấy người tuần.

Họ răn cả ra khi chú tôi tới. Ông ta hách dịch đi vào.

— «Gi thế, các chú?»

— «Dạ, bắt được một con mẹ mìn.»

Tôi ghé đầu vào dòm: dưới chân một cái cột, bên ngọn đèn hoa kỳ tù mù, một người đàn bà ngồi ủ rũ. Ngoài cửa điểm đã đóng ních. Người ta dong thêm một bó đuốc. Ánh sáng chập chờn. Bác Trương - tuần lôi người đàn bà đứng dậy. Người ấy co rúm người xuống và van lạy rồi rít. Bác Trương gắt:

— «Thì cứ đứng dậy nào!»

Rồi bác ta kể lè như phân vua cùng mọi người:

— «Con mẹ này nó gan lắm. Nó làm mình tý nữa phải tội vạ vì cái bụng kia. Ai lại trời tối mà đèn không có, nó dám lù lù dẫn xác vào làng người ta. Tôi quát mãi lên hỏi, mà nó gan không nói. Mãi đến lúc ra chiếu đèn vào mặt nó mới van lạy. Tôi, chứ phải tay khác hôm nay như xã Mậu thì con mẹ này chết ngay đứ đừ rồi (xách cánh tay người đàn bà). Nào, thế có đứng dậy hay không thì bảo?»

Người đàn bà đứng dậy. Đó là một người nà giòong mà có chữa; đầu tóc rối bù và cứ nhăn như khi. Người ta đề ý nhất đến cái bụng của chị. Cái bụng to quá, sắp đến tháng đẻ làm cho chị ý ạch mãi mới nhấc nổi thân lên. Chị có ý dấu diếm, thắt chặt thắt lưng và khép nép hai cái vạt áo tứ thân mà nó vẫn căng phình ra như thường. Trông chị nhẹo nhẹo đứng khúm núm tựa vào cột diêm mà chỉ rình gã tụt xuống hình như không còn sức mang nổi cái bụng ấy nữa.

Chú tôi quát:

— «Mày ở đâu mà đêm hôm đi khuya khoắt thế này, không sợ lệnh quan à!»

Chị ta vừa nói vừa mếu:

— «Bẩm các quan, con đi làm ăn ở ngoài tỉnh, gần đến tháng chủ mới cho phép về quê. Con đi bộ từ tỉnh đến đây, mệt quá không lẹ lên được nữa. Các quan thương cho con ngủ đỗ ở cầu một đêm, sáng mai con xin đi sớm. Quê con ở Phù-lỗ, còn nửa ngày đường nữa (chị thở dài). Mà con bụng mang, dạ chứa thế này!»

Chị khóc rưng rức.

— «Mày không biết nhà nước có lệnh cấm đi đêm hử?»

Bác Trương nói thêm:

— «Cái bụng vượt mặt thế kia vác về nhà làm gì cho nó ồm xác. Ở quách ngoài tỉnh có phải xong không?»

— «Bẩm các quan, con là đàn bà ngu dốt thật quá không biết. Con muốn gì phải khờ sở, lặn lội thế này nhưng về quê cha đất tổ bao giờ chẳng hơn, lỡ ở chỗ lạ nước lạ cái mình có làm sao ai nuôi? Các quan đề còn nhờ một đêm trong cầu này. Tối tám, sương gió mà con phải ngủ ngoài cánh đồng kia thì chắc con chết mất. Các quan làm phúc thương đũa tiêu nhi trong bụng.»

Úp mặt vào cánh tay, chị ta ngồi rũ rượi như cái cây héo nắng.

Bàn ra, tán vào mãi, mỗi người một câu, rút cục người đàn bà được phép ngủ ở xó cầu ấy.

Hàng phố lục tục kéo nhau về.

Trời nặng trịch trịch bỗng đổ một trận mưa lớn làm vội hẳn oi bức.

Sáng hôm sau, tôi trở dậy sớm, ra diêm xem người đàn bà còn ở đó không? Chị ta đi mất rồi....

Hỏi thì chú tôi bảo rằng: vì chị ta giờ dạ đẻ, rên la ầm ĩ làm ai nấy đều khó chịu, và lại sợ bản thiêu cả chỗ canh phòng nên phải cho đi sang nhà hộ sinh làng bên từ lúc 5 giờ sáng.

Đáng lẽ câu chuyện đến đây kết thì nó vừa nhạt vừa vắn vớ hết sức nhưng hãy còn một ít nữa và ở đoạn này nó xảy ra một sự lạ là tôi lại gặp người đàn bà ấy, gặp ngay buổi sáng hôm ấy trên một chuyến xe lửa Hà-nội — Hải-phòng. Mà quái! Cái bụng chứa của mụ đã trốn đi đằng nào mất! Ô hay! Thế là nghĩa lý gì hả trời?

Nguyên khi ngồi đợi tàu chạy, tôi thấy một người đàn bà xách một ấm nước và bưng một coi trầu đến bán. Thoạt nhìn tôi đã hơi ngờ là người đàn bà có mang đem qua nhưng nhìn đến cái bụng lép và dáng điệu lạnh lẽn của một người đàn bà khỏe mạnh không thai nghén thì tôi lại không dám nghi ngờ và cho là thiên hạ thiếu gì người giống nhau. Nhưng một cái này lại làm óc tôi rối lên và tin đích xác là phải người đàn bà ấy, vì tôi nhận thấy người đàn bà đem qua cụt một ngón út bên chân trái mà người đàn bà này ở ngón ấy lại buộc một cái giẻ to xù.

Tôi ngẫm nghĩa, tôi suy nghĩ mãi đến lúc tàu đỗ ở ga Gia-lâm, chị bán nước đi xuống, tôi càng tin chắc trăm phần trăm là đúng.

Mấy tháng sau, tôi có dịp về huyện T. O. bèn đem chuyện nói với chú tôi thì chú tôi cười ngặt nghẽo và bảo tôi rằng:

— «Làm gì có sự lạ thế! Rõ ràng lúc nó giờ dạ tôi thấy nó rên siết ghê cả mình. Chẳng lẽ nó lại đau đớn và độn bụng hay sao? Anh trông nhầm đấy.

Tôi vẫn không tin là tôi trông nhầm và tôi lại nhớ mãi câu chuyện vắn vớ này với những sự thay hình đổi dạng kỳ khôi của những người làm việc kín.

(1942)

ÔNG DỒI

BỮ A cơm chiều vừa ăn xong. Nhưng lão Múi vẫn chưa đứng dậy. Trong khi ấy, vợ lão lục đục dọn dẹp mâm bát, bỏ vào rổ, đem ra ngoài ao để rửa. Rửa bát xong, bà lão vẫn thấy ông chồng ngồi thì lì ở một góc phản. À, lại muốn có sự gì đây. Bà lão vừa úp bát vào chạn, vừa ngấm trộm ông lão. Lão ngồi cái điệu khác thường lắm. Hai tay chống xuống phản. Cái mặt đầy ngòm những râu ria rậm rạp thì thười ra. Đôi mắt cá ngáo, giương bạnh, tròn xoe. Y như lối ngồi của một chú ếch-trong bụng ông và lối mắt. Nhìn chán, xong bà lão không nói, không hỏi gì. Bà lặng lẽ đi ra ngoài đầu hè.

Bấy giờ chiếc mặt thười ấy mới động dậy. Chòm râu hơi rung rung. Thực cho đến lúc cái chòm vừa râu vừa ria ghê gớm ấy chuyển động, người ta mới kịp nhớ để biết rằng trong đó, còn có cái miệng ông lão. Miệng ông lão mấp máy. Đầu tiên, nảy ra mấy tiếng tốp tếp, tốp tếp. Rồi ông lão thở khà. Và chợt cười nức lên một hồi *khó khó*. Những tiếng *khó khó* quái quỷ như nứt vỡ ở trong cổ họng và đưa ra ngoài từng miếng, từng

miếng. Bà lão không lạ gì cái lối cười ấy của ông lão. Lão làm như ông thái sư mồm đóm trên rạp chèo, vuốt râu mà cười khềnh. Ngoài là lão Múi cười khầy đầy. Bà lão biết. Và bà lão lấy thế làm sốt ruột lắm. Bà ta cũng cười, nhưng cười nhạt:

— Mát mẻ gì thế?

— Hừm, ông lại thêm mát mẻ đũa nào à? Nay ông bảo thực... Nay ông bảo thực cho mà biết....

— Biết cái gì?

— Ông không phải là con chó, biết chưa? *Cu-soong*, *bá đê* cái nhà quê nhà mày!

— À a... Ông có là chó đâu mà cho ông ăn hai bát cơm ngũ!

Ra từ nãy, ông lão Múi đã tức bà lão Múi, vì bà ấy chỉ cho ông ta ăn có hai bát cơm. Thế thì đáng giận thực. Bụng ông to ngằn nầy. Miệng ông rộng ngằn nầy. Ông có thể ăn được bốn bát đầy. Làm sao chỉ cho ông ăn có hai bát cơm? Có làm sao, hỡ con mẹ chột một mắt kia?

Rất bình tĩnh, vợ ông đáp thùng thảng:

— Hết gạo... Còn có từng ấy gạo. Phải ăn nốt chứ. Mai đông thì mới có mà ăn đủ.

Rồi bà lão ung dung đứng xía răng, nhìn lên trời. Trên trời có gì mà nhìn. Có mỗi một ông sao hôm lóng lánh. Nhưng, không phải bà lão chú ý nhìn ông sao hôm. Bởi vì, có tiếng bà lầm bầm:

— Ngồi giữ vua bếp ở nhà, thì nốc làm gì lắm, cho hại gạo nhà nước!

Chao ôi! Ông lão Múi đã nghe, nghe rõ tất cả cái câu xỏ xiên của vợ nói ra. Nói như ai lấy cái sào nửa dài mà chọc vào bụng ông. Nó bảo ông giữ vua bếp. Nó bảo ông ăn hại gạo nhà nước. Nó nói một câu ngu hết sức. Chính ông đã từng là người nhà nước rồi đấy.

Ngày xưa, ông đi lính. Ông đi lính thời kèn. Ông cũng được đi giầy sáng đá, đeo thắt lưng da, đội mũ chào mào như những ai. Ngày ấy, mỗi tháng ông gửi từng đồng bạc, từng năm tiền về cho vợ. Vợ ông đã tiêu hết tất cả tiền bạc của ông rồi. Cho đến khi mãn khóa trở về, hai bàn tay ông vẫn trắng bạch. Ông không có một đồng xu nhỏ dính túi.

Lão cũ kỹ. Lão là đồ bỏ ra ngoài đồng rồi. Vợ lão đã khinh lão ra mặt. Nó cậy thế rằng bây giờ nó phải làm đê nuôi lão. Lão cần cóc gì. Lão có cần một tý gì đâu. Chẳng qua là nó không ra gì, nó thiếu âm đức, nên nó cụt cuối cụt ngọn, con cái không có. Lão cũng vô phúc mà lấy phải nó.

Lão Múi đã nghĩ chuyện lấy nhau như một người con trai mười tám. Lão nghĩ như là ở những ngày mà đôi vợ chồng còn son rỗi.

Thế là, nhất định lão không thêm ăn cơm của vợ nữa. Bắt đầu từ ngày mai trở đi.

Bắt đầu từ ngày hôm sau, lão Múi không ăn cơm thực.

Bà lão già kia, thấy chồng giờ chừng như vậy, cũng không nói năng gì. Bà lão không sợ; và chính bà lão cũng không bức mình. Sự chịu đựng đã đến với bao nhiêu nỗi quen thuộc. Và, vốn tính bà lão không thích nói, không thích nghĩ xa nghĩ gần. Bà lão chỉ nghĩ độc có mỗi một câu rất khôn ngoan và thiết thực: « Ông lão dối cơm hay? Mặc! Ta không đưa chìa khóa hòm gạo cho ông lão nữa. »

Cả ngày bà Múi bán hàng ngoài chợ. Hàng của bà là một cái thùng, trong đựng kim chỉ, lờ, nến và vài thứ linh tinh, lật vặt. Vậy, cũng sống. Người ta vốn dễ dàng. Ở cảnh nào cũng xong. Kiếm được ít, thì ăn ít. Trong cuộc đời tần tảo rất đời khó khăn, chẳng có gì là khó khăn.

Hôm ấy, bà lão ăn quả ngoài chợ. Bà yên chí rằng: chiều về, thế nào lão Múi cũng phải làm lành với mình. Nhưng không. Chiều đến, bà lão về, vẫn thấy chồng ngồi tây ngáy trên phản. Hai mắt — và cả một lưỡi rêu — trắng trắng như bà. Vẫn ung dung, bình tĩnh như thường và lại có ý thách thức nữa. Ra điều ta tin lắm đây. Ta chẳng cần phải lụy đưa nào.

Bà lão đoán:

— Chắc lão còn có một hào trong túi.

* *

Chiều hôm sau, bà Múi ở chợ về nhà. Ông lão đi vắng. Lão vẫn dối cơm. Một lát, lão đi đâu sừng sực

về, một bên tay xách lưng lẳng cái vò. Chiếc khố đơn dính sát vào người, ướt xúng. Những đầu ngón chân, ngón tay nhả lại và tím bệch. Dáng lão vừa ở dưới ao lên.

Lão đứng sững giữa sân. Một tay lão thò vào trong vò. Bỗng trong cái miệng vò tối om om, rộn lên những tiếng ngổ ngổ thăm thiết. Như có rắn bắt nhái. Mà bắt nhái thực. Không là rắn bắt, nhưng là một bàn tay lão Múi thò vào vò, lôi ra từng con nhái lớn chỉ xanh, quật đét xuống mặt đất. Những chú nhái khốn nạn run rẩy, nhuội hai tay, hai chân ra, chết cứng. Cả thấy chừng mười lăm nhách. Rồi lão lặn cái vò xuống đất: độ từng nẩy con ốc nhồi đen nháy đồ ra.

Bỏ cả ốc và nhái vào rổ, lão cặp xuống cầu ao. Một lúc sau, lão đã đem lên một xâu nhái lột da, chặt đầu, chặt chân cẩn thận. Những con nhái trắng phếch, thịt gọn tia gân đỏ và tanh nhưc mũi.

Ốc thì bỏ vào nồi, luộc. Nhái, hơ lên ngọn lửa, nướng như nướng chả. Vặt chóc, một mùi thơm gây gây dâng lên ngạt ngào. Lão tít tít loay hoay vừa nướng vừa đun.

Chẳng bao lâu, lão Múi đã làm xong cả các công việc. Lão khệ nệ bưng nồi ốc lên đặt ngoài đầu hè. Lão ngồi xuống, xếp bằng tròn hai gối, chỉnh chện như ngồi ăn cỗ. Lão cũng tưởng như lão đương ngồi ăn cỗ thực. Những con ốc nhồi béo lẫm. Nhai sừn sứt tựa nhai thịt gà mái ghe. Lại chấm thêm một chút muối. Tuyệt!

Điêm vào món ấy, còn món chả nhái. Chả nhái tức cũng như chả lợn. Có phần ngon hơn chả lợn. Lại thơm vô cùng. Thơm điếc cả mũi hàng xóm. Thơm điếc cả hai lỗ mũi bà lão chốt mắt kia. Cho con mụ biết rằng lão đây không cần gì con mụ. Trời sinh voi thì trời sinh cỏ. Con mụ không cho lão ăn, lão cũng chẳng chết đói nào. Cửa trời, khối ra đấy. Ốc dưới ao. Nhái ngoài vườn. Tha hồ mà ăn suốt năm, cũng không thể hết được ốc, được nhái. Con mụ cậy con mụ làm ra tiền. Ngày xưa, lão cũng làm ra bao nhiêu tiền. Cái thúng kim chỉ nát của con mụ? Ra chó gì. Lão chỉ đá phốc cho một cái thì bồng cả thúng lẫn người lên nóc nhà! Nhưng khinh cái giống đàn bà bạc bẽo lắm, lão không thèm đá. Lão chỉ khinh vào mặt. Lão nhai thực rõ to. Tóp tép.... Tóp tép....

Bấy giờ, trời sầm tối. Ông sao hôm quen thuộc, lấp lánh trên ngọn tre, đương hơ hầy nhìn xuống. Ngồi xa, bà lão Múi không trông thấy chồng. Nhưng bà lão cũng nghe rõ ràng những tiếng rau ráu, tiếng tóp tép. Bà không có những ý nghĩ khinh người và bướng bỉnh như ông chồng. Bà chỉ đoán thầm:

— Nóc lắm ốc, lắm nhái vào. Tối hôm nay, miệng nôn chôn tháo sớm!

Quả nhiên. Suốt đêm đó, lão Múi không chợp mắt được một phút. Những quân vô danh vô thức nổi loạn

ở trong bụng lão, kéo binh đi rầm rầm, ục ục. Lão nằm một tý, lại chạy ra đầu nhà. Lão nằm một một tý. Lão lại chạy ra đầu nhà. Cứ thế! Cứ thế! Đến tận sáng bạch.

Sáng ngày ra, ông mặt trời ló xuống, ngắm nghía cái mặt tái ngoét của lão già. Những chòm râu vô tri, dường như cũng phờ phạc, ngơ ngác. Lão nhọc quá. Lão mệt quá.

Đến lúc vợ lão sắp bùng thúng hàng ra chợ, lão khẽ gọi:

— Này...

—

— Đưa cái chìa khóa hòm gạo cho tôi....

Lẳng lẳng, bà lão cời hầu bao, lấy cái chìa khóa, đặt xuống đầu phản. Bà lão định nói một câu rằng: « Ăn thêm nhái nữa vào! Sao chẳng nhất định đổi nữa đi? »

Song, bà lão Múi không nói ra như thế. Hình như bà ta thờ dài. Từ ngày xưa ngày xưa nào mà đôi bên lấy nhau, đã có đến mấy mươi nghìn lần, lão Múi « nhất định » như thế rồi.

(1942)

4

BÓNG ĐÈ

VỢ chồng ông Trương Lũy đã thì thầm với nhau gì từ lúc sớm, có vẻ bí mật lắm. Mà ông bà lại dậy từ lúc ngoài đường mới lách cách chuyển xe bò chở gạch thứ nhất mới lẹ chứ! Khác hẳn với mọi buổi, sáng nay, sau khi bàn xong câu truyện gì đó, hai ông bà có vẻ hấp tấp, nhộn nhịp nào gọi con sen đun nước, thằng nhỏ thay ống phóng, thằng xe đi mua cháo, ầm ỹ cả lên. Nhưng cứ nhìn kỹ cả hai thì thấy trên nét mặt người nào cũng có vẻ lo lắng và thính thoảng hay lảng qua cửa phòng mợ Phán Hoảng hầy còn ngủ chưa dậy.

Mợ Phán Hoảng là con dâu ông bà Trương, cậu Phán phải dời vào Nam làm việc đã hai năm nay chưa về nhà lần nào. Đáng lẽ mợ Phán cũng đi theo chồng nhưng thấy cậu Phán đánh giầy ra nói hết năm tây này được dời về Bắc, lại thôi. Mợ ở nhà phụng dưỡng ông bà Trương.

Cái trò đàn bà con gái hay nghi nghi, hoặc hoặc mà chắc mợ có tật gì đây nên thấy bố mẹ chồng khác ý, mợ hiểu ngay. Mợ cũng ra kể của mợ, nghĩa là mợ hầy

nằm ngời đầy chưa dậy vội. Mãi đến lúc đồng hồ điểm tám tiếng mợ mới oản oại rồi mới uể oải ngồi lên, uể oải vắt màn và cứ để tóc bù xù thế, kéo lê đôi dép ra đứng nhìn đờ đẫn súc miệng.

Trong nhà, ông bà Trường theo mợ từng cử chỉ, chốc chốc lại nháy nháy nhau như chớp bóng cam. Mợ Phán súc miệng xong vào trườn ra giường một tý nữa rồi mới mở cửa sổ đứng gỡ tóc.

Bên phòng ăn bà Trường gọi:

— Mợ Phán sang ăn cháo.

— Vâng, mẹ đẻ mặc con.

— Để từ này, ra ăn ngay đi, chả nguội mất cả.

Một lúc nữa, mợ Phán mới thướt tha sang phòng ăn. Ông Trường, bà Trường hấy còn ngồi đấy. Mợ húp có mấy thìa cháo rồi gọi thằng nhỏ dọn. Bà Trường lo lắng hỏi:

— Mợ hôm nay ăn ít thế?

— Thừa mẹ, con hơi khó chịu.

Bà Trường ngẫm nghĩ:

— Trông mợ dạo này xanh xanh là....

Mợ Phán nhớn nhác:

— Dạ không sao. Nước da con thế đấy ạ.

— Thế thì phải ăn nhiều vào mới được. Mợ không trông chị ký Phiến da đỏ hồng hồng... À, mợ xem thư của cậu ấy gửi về chưa?

— Thừa đã ạ!

— Cậu ấy cũng mệt nhỉ?

— Nhà con, người vốn yếu lại phải làm nhiều nên sinh ra thế. Nhưng cũng xoàng ạ.

Bà Trường pha trò:

— Hay là chúng mày tương tư nhau đấy.

Mợ Phán đỏ mặt không nói gì. Mợ xin phép đi chợ. Khi mợ đi rồi, bà hỏi ông:

— Hay ông nghe lầm.

Ông gật gù không nói.

Nhưng sáng hôm sau thì ông dậy sớm nữa và kéo bà ra chỗ góc cửa sổ xa buồng con dâu, thì thào:

— Phải đấy bà ạ!

— Thế ông thấy vào lúc nào?

— Quảng 12 giờ.

— Rõ chứ?

Ông cau mặt:

— Chứ lý! Cách cách hân hoi.

Rồi ông bà yên lặng. Về lo, về tức hiện ra nét mặt. Giá lúc bấy giờ ông hay bà cẩn thận ra ngó cửa sẽ thấy bóng mợ Phán lúi húi áp tai vào lỗ khóa. Nhưng ai tưởng đến thế. Ông bà còn mãi suy nghĩ dừ lằm.

Nghe chán không thấy gì nữa, mợ Phán lui về phòng, nằm thừ ra đợi sáng. Đến lúc rõ mặt người, mợ cứ đầu tóc rối bù đi sang phòng ông bà Trường.

Bà ngạc nhiên hỏi:

— Gì thế, mợ?

Mợ nói không ra hơi:

— Thừa mẹ. Con không biết sao tức ngực không

thờ được từ nửa đêm.

Ông bà cùng hỏi dồn:

— Làm sao thể hử con?

Mợ Phán kể lể:

— Đã mấy đêm nay, vào quăng 12 giờ là con thấy ngực nặng trịch trịch như đeo đá, chân tay nhuôi ra, muốn cựa cũng không cựa được, mồm cứng quai hàm không kêu được. Cứ như vậy hàng mấy tiếng đồng hồ. Con tưởng như chết rồi. Mà hễ đến khi tỉnh con sợ và mệt không còn hồn vía nào nữa.

— Thế thì mợ bị bóng đè đấy! Đã mấy đêm rồi?

— Dạ, ba đêm liền rồi ạ

Ông cũng biểu đồng tình:

— Ủ, bóng đè đấy.

Bà cho một phương thuốc:

— Đêm nay hễ lúc nào mợ bị thì hãy cố đưa bàn tay phải lên đè vào trán là khỏi ngay. Ngày xưa thỉnh thoảng phải bóng đè tôi vẫn làm thế. Phải cái này hại người lắm đấy! Thảo nào da mợ mai mái mà mợ giầu tôi.

— Thưa me, trước con tưởng không can chi.

Bà trề môi:

— Không can chi? Có ngày thì oan gia đấy. Tối nay nghe tôi, làm ngay thế đi.

Tối nay rồi tối mai, tối ngày kia mợ « làm ngay thế » mà cũng không khỏi. Cứ đến nửa đêm là ông Trường lại nghe tiếng ừ ừ, tiếng lạch cạch, tiếng thở bên phòng nàng dâu. Bà chép miệng bảo ông:

— Ông nhầm đấy. Nó có bệnh thực chứ đũa nào lại dám bậy bạ thế kia. Tôi biết xưa nay nó là đũa ngoan và đứng đắn mà.

— Dễ thường không phải thật.

Thế là ông bà Trường cứ phải nghi ngại về bệnh của nàng dâu ngoan. Còn mợ Phán càng ngày càng rũ rượi thêm.

Ông bà đâm lo. Sáng nào bà cũng hỏi:

— Thế nào, mợ?

Mợ rầu rầu:

— Thưa me, nó vẫn thế ạ.

Bà thở dài đánh thượt một cái. Bà đã toan cân cho mợ mấy chén thuốc, nhưng hỏi ông lang nào cũng không biết căn bệnh. Có ông đoán mò lại định cân thử cho mấy chén thuốc bồi.

Phòng ngủ của mợ, bà sai thằng nhỏ, con sen quét, cọ sạch bóng; cửa sổ ra vào mở phanh suốt cả ngày cho thông thoáng.

Nhưng mợ phán vẫn bị bóng đè như thường. Bà nhần nhó nhìn ông, ông nào nuốt nhìn bà, hình như muốn hỏi lẫn nhau:

— Biết làm thế nào bây giờ?

Bà bảo con dâu làm đã vô thiên số thuật. Nào thuật Mừng, thuật Mán, thuật Tầu lại cả thuật Nhật-bản trừ bóng đè, mà vẫn không khỏi.

Đã hơn nửa tháng nay, gia đình ấy không vui. Ông bà Trường đâm chiều về nàng dâu, còn nàng dâu.

thì ít nói, ra chiều tư lự.

Một buổi, như vừa nghĩ được điều gì hay, bà hốt hoảng đi tìm ông.

— Thôi chết rồi ông ơi! hay là tại thế này....

— Hừ?

— Hay là tại động trệ về đâu. Chẳng thế nó lại cứ ồm lừng lờ như ma làm.

Rồi bà kết luận chặt chẽ:

— Thôi đích rồi.

Lập tức bà đi xem bói, không biết ông thầy bói nào đoán trúng ý quá làm bà phồng cả mũi, về nhà khen lấy khen để lời thánh dạy.

Thánh dạy rằng: mợ Phán cao số, năm nay là năm tuổi phải thận trọng lắm mới được. Hiện nay cũng nhiều kẻ muốn hãm hại mợ, cả âm lẫn dương. Thấy vach mắt những người chết muốn làm hại mợ Phán: ông thần đất không được no, cầu: ông thổ ông chẳng ai cúng, tức: một bà cô ba đời quên mất giỗ, oán. Nếu muốn khỏi phải lập tức cúng, cúng, cúng và muốn dứt hậu hoạn phải làm lễ trình đồng mới mong yên ổn được. Bà Trương hoảng lên vì bao nhiêu thần, bao nhiêu hồn oán thần nhà bà, chiều hôm ấy bà tức tốc đi sắm sửa đồ vàng mã, mua chuối, mua hoa, đóng oán, thổi xôi, giết gà rồi thiết lập đàn tràng giữa sân cúng cheng cheng suốt đêm.

Đêm trước cúng thần đất.

Đêm sau cúng thổ công và bà cô mất giỗ.

Đêm sau nữa trình đồng.

Ông bà bận tít tít về việc lễ bái. Mợ Phán cũng sẵn sóc lắm. Mợ vái la, vái liệt, kêu cầu, van xin đủ lời khéo léo.

Nhưng chỉ yên được một dạo rồi bệnh mợ cứ đến đêm, thỉnh thoảng lại kéo về rầm rầm.

Ông Trương, bà Trương nước mắt vòng quanh thương con dâu quá mà không biết chạy vào cửa đền, cửa phủ nào nữa. Chẳng lẽ khoanh tay để nàng dâu quý ốm đau thế hay sao?

Một đêm không biết ông Trương dò dẫm, nghe ngóng thế nào mà thừa lúc mợ Phán đi vắng, ông vào buồng mợ ngấm nghĩa mãi.

Phòng mợ Phán ở giáp hiên, có cửa sổ. Cửa ra vào nhìn xuống lối đi nhỏ, giáp ngay chân bức tường hoa thấp, chạy dọc theo đường phố.

Xem xét chán rồi, ông gật gù ra về khoan khoái. Đêm ấy ông kêu khan kêu vãn rằng nóng với bức. Ông cứ đi ra lại đi vào, cái quạt phe phẩy mãi. Đứng chỗ hiên cạnh cửa phòng mợ Phán một lúc, ông bỗng nói to:

— À chỗ này mát đáo để.

Rồi ông sai thẳng xe hầy nh huych khiêng cái chõng lớn lên chỗ đậu hẹ ấy để ông nằm, chỗ ấy mát thực, gió hây hây vào luôn. Ông thích chí:

— Ngự đây thế mà tốt hơn cả.

Luôn mấy đêm liền ông ngủ ở đấy, ngủ ngay cạnh

cửa phòng mợ Phán, chặn ngang lối đi ở dưới sân lên mà cái lối đi lại ở cạnh ngay cái tường hoa có thể ở ngoài trời hay ngó vào trong nhà một cách dễ dàng.

Mợ Phán hình như bớt bệnh bóng đèn rồi thì phải, vì đêm đến không thấy mợ rên rĩ lắm nữa. Và được độ mấy hôm thì mợ khỏi hẳn.

Hạnh phúc cho ông bà Trương quá !

Thôi thế là từ nay mợ Phán thoát được cái bệnh bóng đèn nguy hiểm.

Nhưng dạo này, ở phố ấy, ai hay đi chơi khuya về cũng thấy phòng mợ Phán đèn hé cửa sò. Đèn điện đã tắt nhưng có ánh một ngọn đèn hoa kỳ tù mù. Một cái bóng người — chừng nhưng bóng mợ Phán thì phải — ngồi yên lặng trông ra đường. Và, nếu anh hay tôi có tính tò mò núp mình vào cái tường hoa gần đấy, chúng ta sẽ chốc chốc lại được nghe một tiếng thở dài náo nức đá cũng phải chảy mồ hôi.

Mợ Phán buồn gì thế ? Mợ khỏi bóng đèn rồi kia mà !...

(1943)

4

NHÀ CÓ MA

Đó là một nếp nhà tây nhỏ, một tầng, ẩn giữa một khu vườn cây cối rậm rạp ở một phố vắng gần vùng ngoại ô. Nhà quay lưng xuống Hồ Tây chia ra làm đôi, một nửa chủ ở và một nửa cho thuê. Đứng trước mặt và hai bên đầu nhà là một bãi cỏ rộng đề hoang. Đã ở chúi vào vườn cây um tùm, lại thêm địa thế hẻo lánh, cả ngày không một người qua cửa thành ra nhà ấy luôn luôn có một vẻ bí mật. Hàng phố thì ở xa mà cũng không một ai quen biết vợ chồng ông chủ, nhà ấy lại càng khả nghi hơn nữa.

Người ta đồn ở đây có ma cứ đêm đến lại hiện về chồng ghẹo người trong nhà. Nó thường dựng giường, dựng phản, đánh đập chủ nhà. Có người nói quả quyết đã được trông thấy những con ma ấy: họ bảo là ma khách vì nó to lớn, mặc áo đen rộng thùng thình. Nó thường hiện lên từng lũ, có con cụt đầu, có con cụt tay, rì rả, rì rầm, đi đi, lại lại trên bãi cỏ hoang.

Ông già bà cả truyền lại cho con cháu rằng, đất ấy là chỗ xưa kia chôn giặc khách bị quân ta giết, nên ngày nay oan hồn nó mới hiện lên như vậy.

Trước sân, một cây hương nguy nga, đẹp đẽ, chiều nào cũng văng vẳng tiếng chuông, thoang thoang mùi hương thơm ngát. Thành tâm là thế mà gia đình ở nhà ấy trông chẳng ai ra hồn người. Ông chủ thì mặt xám xịt, gầy leo khoeo như cây nửa tếp, thỉnh thoảng lại ho sù sụ. Bà chủ ốm rề rề, quanh năm da búng vàng như nghệ. Đứa con nhỏ sài, đen, lom nhom như chiếc giải khoai.

Trước kia nhà ấy không cho thuê nhưng có lẽ ít lâu nay ông chủ túng bần ngăn đôi nhà ra, cho thuê một nửa, còn để ở một nửa. Cũng có vài người thuê nhưng không ai ở được đến nửa tháng, chỉ độ dăm ba hôm là lại lục tục dọn đồ đi. Không ai hiểu vì lẽ gì? Họ chắc lười, nhìn nhau:

— Ở thế nào được chỗ đất ma ấy!

Một người bạn bảo tôi rằng cái nhà ấy từ ngày cho thuê đến giờ đã có ba người thuê mà không ai ở được.

Người thứ nhất là một nhà báo, được năm hôm.

Người thứ hai là một giáo sư, được tám hôm.

Sau rốt, một đôi vợ chồng trẻ ở được có ba hôm.

Rồi trước cửa lại lủng lẳng cái biển: nhà cho thuê một nửa. Nhưng đã một tháng, chẳng có ma nào thuê cả.

Tôi nhất định thuê nhà ấy để làm việc vì tôi xem không ở đâu tỉnh mạch bằng ở đây nữa.

Một buổi chiều, tôi lại thăm nhà. Bà chủ niềm nở tiếp

tôi. Rồi ngay ngày hôm sau tôi dọn đồ đến. Chỗ tôi ở là một gian phòng nhỏ có hai cửa sổ: một trông ra hồ, một trông ra bãi cỏ xanh rờn bên cạnh.

Ồ! phong cảnh mới nên thơ làm sao! Một màu trời xanh lẫn với nước hồ Trúc-Bạch cũng xanh; một góc vườn cỏ âm thầm; ngằn ấy thứ cũng thừa giúp cây bút tôi khi cao hứng.

Gian phòng tuy trống rỗng nhưng cũng không có gì là buồn. Ông chủ nhà thấy tôi ở một mình đã chiều ý đem treo một lồng họa-mi bên cửa sổ. Thỉnh thoảng con chim lại hót ríu rít lên một hồi khiến cho cảnh vật đỡ tẻ.

Ông chủ, bà chủ đều là người ít nói (đó là một điều hay) và lại đi làm cả ngày, ít khi ở nhà, đến đêm mới về. Bà chủ chịu quen cái tĩnh yên lặng ấy nên dù có tôi mà bà ta cũng chẳng vui lên được tý nào. Luôn luôn bà ta giữ một vẻ mặt thiểu não quá, lúc nào cũng như người sắp khóc. Cả ngày, trừ tiếng trê hờn, tiếng chim họa-mi hót và tiếng nước hồ bì bõm đập vệ hồ, tiếng gió vút trên ngọn bàng, còn không có một thứ tiếng nào khác.

Chiều tối hôm đầu tiên là một buổi chiều xám mờ, buồn thảm về cuối tháng chín. Ngoài kia lá bàng lao xào trong gió may chốc chốc lại rụng từng chiếc như bóng những con dơi ngựa bay đi kiếm ăn. Trong hồ thấp thoáng mấy ánh lửa. Lúc bấy giờ tôi mới cảm thấy hết cả cái buồn thấm thía ở một nơi vắng vẻ. Trong ý nghĩ tôi lần lần những chuyện ma quỷ, mặc dầu tôi hết sức không tin. Trời tối hẳn. Tôi đi đóng hết các cửa và cần

thận, tôi hỏi mượn bà chủ con dao phay để gọt đầu giường!

Tôi châm đèn rồi ngồi viết. Đêm lần lần về khuya, tôi chăm chú viết đến mười hai giờ thì nghỉ. Đứng dậy toan mở cửa đi ra ngoài, bỗng tôi giật mình lùi hẳn người lại: một cái bóng đen đứng lù lù ngoài hiên. Trời ơi! Ma! Tôi mất hết cả tinh thần phải bám chặt lấy cái bậc cửa. Trong đêm tối, cái bóng như lắc lư, lảo đảo mà tôi trông lờ lờ như cụt đầu. Ma khách! Tôi lại hoảng lên một bức nữa.

Bỗng có tiếng trẻ khóc thét trong buồng bên, cái bóng vội vàng chạy vào. Tôi hơi hoàn hồn và nhớ ra: Đây là bà chủ đứng ngóng ông chủ đi làm về vì từ tối tôi chưa thấy tiếng xe đạp lạch cạch. Nhưng tôi cũng cần thận ra dòm sang phòng bên: Phải, đây là bà chủ. Bà ta đang ru con. Dưới ánh đèn mờ mờ tôi còn trông rõ mâm cơm đầy lồng bàn xum xụp.

Lúc bấy giờ tôi mới yên trí về đi ngủ nhưng cả đêm không tài nào nhắm mắt được vì tiếng thở dài thườn thượt buồn não vô cùng, tiếng trẻ khóc nức lên từng hồi. Lại thêm ngoài kia gió gào trên sóng, trên lá nghe rờn rợn như tiếng oán than của muôn ngàn oan hồn. Cái ý nghĩ ma khách, những câu chuyện lạ lùng về cái nhà này mọi người đã kể cho tôi nghe lại vằn vơ trong óc. Cứ thế cho đến khi đồng hồ đánh sáu tiếng, tôi choàng dậy, ra hiên hít gió, sung sướng như trút được cả những tư tưởng hắc ám, nặng trĩu trong đầu.

Mãi đến tận trưa ông chủ mới dắt cái xe đạp lò dò về... Có lẽ hai ông bà có một cuộc cãi nhau dữ dội vì lúc tôi đi lên phố về thấy bà còn ngấn nước mắt ngồi ẵm con mà ông thì hăm hăm dắt xe đi làm.

Đêm hôm ấy là một đêm cuối cùng, đêm linh lương của những người đi « làm việc tây ». Lúc chiều đi qua cửa sổ máy gạch đã thấy lơ nhố một đám đông vừa đàn ông, đàn bà lẫn lộn: họ là những hàng cháo, hàng phở, hàng cơm đến rình tóm khách nợ. Họ hau háu chờ tiếng còi tầm.... Mà có lẽ trong kia cũng nhiều ông lo sốt vó về cái đám « đầu trâu mặt ngựa » này.

Bà chủ nhà tôi đi từ chập tối nhưng đến hơn chín giờ thì về. Dáng chừng đi đón lương ông nhưng tuyệt vọng thì phải vì tôi thấy bà khóc rưng rức. Tôi vốn là người thích yên lặng, không ưa tò mò và nhất là ghét thóc mách, tí mĩ chuyện gia đình nên dù khó chịu đến cực điểm vì tiếng tỉ tê, nức nở kia, tôi cũng chớ trây, không hỏi han lời thôi chi cả. Sau cùng vì cái tiếng xụt xịt, thút thít ấy nó quái ác quá làm tôi không tài nào viết được, tức mình tôi tắt đèn đi ngủ.

Nhưng nào có ngủ được, tôi lắng nghe những tiếng bí mật xung quanh. Tiếng ồm ộp của một con ếch bên vệ hồ làm tôi chợt nhớ là nhà có ma. Tôi thấy lạnh lạnh gáy vội sờ lấy con dao phay. Nhưng rồi tiếng ồm ộp không đủ sức át nổi tiếng thồn thức đều đều của bà chủ nhà nên tôi quên dần cái ý nghĩ ma quái ấy đi mà cố nghe tiếng khóc của bà chủ dù tôi rất sợ. Nếu ngải nào nóng

tính mà ở vào trường hợp như tôi lúc bấy giờ thì đến mở toang cửa ra mà chạy đi đâu cho rảnh nợ. Được cái may, là tôi rất kiên tâm. Các ngài đây đã khi nào đi chơi khuya về mà bị bà vợ có nói dai cứ ngồi tra tra, hỏi hỏi, kể lẽ con cà, con kê bên cạnh sườn mà lúc bấy giờ đầu buồn ngủ đến híp mắt lại cũng không ngủ được chưa? Ấy cái cảnh tôi lúc này nó cũng na ná như vậy. Ông Trời hay nghịch ranh, cái gì mình ác cảm lại buộc chặt vào mình, bởi thế nó thành một cái ách. Tôi cố nhắm mắt, bịt tai nằm xoay bên nọ xoay bên kia, làm trăm phương nghìn kế mà cũng không thoát khỏi cái tiếng nước nở của bà chủ nhà phòng bên.

Đã khuya lắm, đồng hồ đánh 1 giờ từ lâu mà tôi vẫn chưa ngủ được. Tôi đang triết lý về cái tiếng khóc ấy và tưởng tượng ra một ông chồng cờ bạc, trai gái nghiêng trời đang cầm thanh củi phá hăm dọa vợ.

Bỗng tiếng ầm ầm, tiếng léo nhéo đập tan cơn mơ màng, tôi choàng dậy.

« Ôi trời ôi! ôi các ông, các bà hàng phố ôi!

« Này kêu! Này trời! Huych! Huych! bốp!... Thì ra cái mộng của tôi thành sự thực rồi: Ông chủ đã về từ lúc nào và đang thẳng tay trị vợ như một chính phủ trị lũ dân bướng bỉnh.

— « Ôi cha mẹ trời đất ơi! nó giết tôi rồi.

— « Này giết. Hự! (tiếng người ngã) ông cho chết.

Đứa bé vừa thức dậy, khóc the thé. Tôi chạy sang định can ngăn nhưng cửa đóng. Mà tiếng bà chủ kêu,

tiếng dấm, đá, tát càng già. Tôi gõ cửa. Rồi tôi dấm. Tiếng thình thình làm dừng tay ông chủ. Một giọng câu kinh hát ra:

— « Ai?

— « Tôi....

— « Thăng nào thế? Việc nhà ông bận gì đến mày?

Tôi tức lên tận cổ, đứng yên. Rồi tấn bi kịch diễn nốt cho đến nửa giờ nửa tuyến bằng dấm, đá, tát, tiếng rên, tiếng quát, tiếng kêu và đến màn cuối cùng chỉ còn tiếng rên văng vẳng đến tận sáng.

Mới tờ mờ chưa rõ mặt người tôi đã thấy ông chủ nhà sang phòng tôi. Ông ta năn nỉ xin lỗi mãi tôi sự nóng nảy hồi đêm. Vốn không hay lỗi thời, chấp trách, tôi cười chấm hết câu chuyện:

— « Thưa ngài, cái đó không hề gì? Có lẽ vì ngài quá nóng.

— « Vâng, vâng, thưa ngài quả thế. Nóng quá tôi quên đứt ngay đi mất. Ngài đánh chữ đại xá cho. Nhưng thưa ngài, đối với một con dân bà như vợ tôi, không thể không được.

Rồi ngả đầu chào tôi, ông đi ra.

Câu nói ấy khiến tôi ngẫm nghĩ mãi.

Cả ngày yên lặng. Bà chủ nhà vẫn thổi nấu, dọn dẹp làm những công việc thường của địa vị vợ một ông ký kết.

Đến đêm lại bắt đầu từ chap tối, một bản đàn nào nuốt: tiếng trẻ khóc, tiếng thở dài. Thành ra tôi cứ ngồi mà nghe những thứ âm nhạc dấm vào tai ấy cũng đủ sợ rồi, không còn lòng nào mà nghĩ đến ma được nữa. Chẳng mười một giờ ông chủ về. Từ bấy giờ lại

thêm tiếng lè nhè của một giọng ngái ngủ khê nằng nặc và thoang thoảng trong gió lượn qua khe cửa mùi rượu sặc sụa. Tiếng khê khà ấy lại làm tôi khó chịu hơn nữa. Chỉ những câu lẳng nhăng chấp nỏi, không mạch lạc, căn cứ gì cả, đặc giọng rượu. Nó dai dẳng, lẳng nhăng đến sáng.

Đề ý xem xét và hỏi bà chủ tôi mới biết ông ta làm thư ký công nhật cho một sở buôn. Cờ bạc, thuốc sái, nhất là cái thú rượu thịt chó, tất cả những mảnh khoe, những bí hiểm trong nghề chơi, không cái gì ông ta không thạo.

Từ đấy, tối nào cũng vậy, hễ không có « chiến tranh » với vợ thì phải có giọng rượu mè nheo. Mà tai tôi, óc tôi không thể nào nghĩ việc được trước những tấn kịch lạ lùng ấy.

Rồi một buổi sáng tôi giật nảy mình khi mở đến chiếc gương soi thấy má tôi hóp thêm lại mắt quầng đen và sâu hoắm.

Thưa các ngài, đến hôm thứ sáu thì tôi dọn nhà đi. Chắc các ngài cũng đoán được vì lẽ gì? Và về sau, mỗi khi đi qua phố ấy, hễ ai thì thăm, sợ sệt, giờ tay trở ngôi nhà, kể cho tôi nghe những chuyện ma quỷ rùng rợn đã xảy ra ở đấy tôi không khỏi không mỉm cười mà nhớ lại sáu ngày, sáu đêm tôi đã sống trong căn nhà có ma ấy.

(1943)

BỨC VẼ TRUYỀN THẦN

Ở đây người ta ít cho trẻ con mang sách đến nhà trường. Không cần mấy. Bởi vì đất này là đất công nghệ. Từ những trẻ lên năm cũng đã tập tành giúp đỡ được công việc trong nhà. Làm là tiền, và đi học không phải là học ra tiền. Nghĩa rằng, người ta để trẻ con ở nhà, cũng là có cái lý rất cứng của người ta. Nhưng đó mới chỉ là một lý vật chất, mà người ta đã phê bình hộ cho cái làng Văn-đô này. Các cụ trong làng thì nghĩ khác. Có phải tại người ta hà tiện sợ tốn kém mà chẳng muốn cho con đi học đâu! Không, không. Người ta sợ là sợ cái khác kia. Sợ cái việc phong thủy. Sợ cái sự của trời đất sinh ra thế.

Bởi vì làng Văn - đô không có đất làm quan, không có đất đi học. Ngoài đồng, có hình cái mũ đồng cân, thì mũ lại chau quay hướng về làng Nghĩa-gia. Thành thử thiên hạ người ta tranh đi học, tranh biết chữ mất cả. Cái lẽ tạo hóa đã bày ra như vậy, không thể cưỡng. Người ta được đốt nát mà người ta bằng lòng quá?

Như nhà ông nhang Chính. Nhà ông thuộc vào hạng khá trong hàng thôn. Ông có hai người con trai. Chúng

nó chỉ biết làm cho khỏe. Lệnh vai đi vì làm. Ngoẻo cổ đi vì làm. Trông thấy cái bút chì thì chúng nó tằm tắc khen rằng: «Gớm nhỉ! Cái đầu màu nhọn nhọn thế kia mà viết được ra chữ thì tài thực».

Tuy không lấy thế làm sung sướng, nhưng ông nhang Chỉnh cũng không lấy thế làm buồn bao giờ. Chúng nó đã làm giàu cho ông. Ông mà được trở nên khá giả như ngày nay cũng là nhờ có hai thằng con hay làm ấy.

Nhà ông nhang Chỉnh bây giờ khá lắm. Trong năm sáu năm trời, ông trình bày với làng nước, rất khéo léo, sự giàu có của nhà ông như sau này:

Bắt đầu có tiền, ông xây một cái cổng gạch có hai tấm cánh cửa gỗ. Trên nóc, đắp bốn chữ số ngòe: 1940, vờn vào nhau. Rồi một con đường gạch nhỏ lát từ cửa nối liền vào đến thềm hè. Ấy là cái năm ông dỡ tất cả bốn bức vách xung quanh để xây con kiến hai cái đầu hồi và lớp tường hậu. Ông còn thừa gạch, ông ta lại cho lát vỉa xung quanh thềm ra đến gần giữa sân. Như thế, là ông yên chí lắm đấy. Vì, rất có thể, một vài năm nữa, ông dỡ cái mái lá đi, lợp ngói lên, là đã có một nếp nhà gạch tươm tất rồi.

Bây giờ ông nghĩ cách bày biện ở trong nhà. Gian giữa, lù lù một cái tủ chè. Cái tủ chè bằng gỗ mộc, trắng lớp. Tuy trông nó không được đẹp lắm, nhưng thiếu nó là thiếu tất cả, là cái nhà không có hồn. Trong khi chờ dịp có tiền để tậu một cái tủ chè bằng gỗ gụ, đánh bóng

đen sẫm, thì ông nhang Chỉnh hãy cứ mua tạm cái này để ước lấy chỗ kê. Hai gian bên, treo la liệt những ảnh và tranh tàu lờ loẹt trên bàn thờ, bộ đỉnh bóng nhoáng làm tít cả những chiếc mâm đồng đỏ và hai chiếc đèn ba dây đen xìn. Gian bên phải, một cái sập bằng ba tấm gỗ mít. Bên trái, nơi tiếp khách. Song song nằm hai chiếc tràng kỷ. Thế là nhà ông nhang Chỉnh sang ra phết rồi. Trong làng, chẳng mấy nhà được đẹp lịch sự như vậy.

Ông thích khoe cho bà con biết mọi vẻ sang trọng của nhà ông. Nhưng ông biết cách khoe. Ông khoe khéo lắm. Ông không nói trắng rằng: «Nhà tôi có cái này.... Nhà tôi có cái nọ.... Đẹp lắm.... Quý lắm». Không, ông không có nói thế. Ông đứng chơi lơ phơ ngoài đầu ngõ. Hễ ai quen mà đi qua, là ông đơn dả:

— Ông đi đâu thế?

— Tôi lên kia có chút việc.

— Thông thả chứ?

— Thông thả ạ.

— Máy khi, mời ông hãy vào chơi tôi xơi nước cái đã.

Cứ mời người ta vào chơi xơi nước, thế là nhà mình có cái gì người ta cũng biết. Người này đi nói lại với người khác. Những cái miệng là những cái cống chảy ra chuyện. Ai ai cũng biết rằng nhà ông nhang Chỉnh bây giờ tươm lắm, tươm lắm.

Một hôm, bác Vực được nghỉ phép, về làng chơi. Ông nhang đương đứng thờ thần quạt mát ở đầu sân, nghe tiếng giày kệt kệt đi ngoài đầu ngõ, vội chạy ra.

— Kia bác Vực!

— Bông-xua ông. Xà-và chứ?

— Hề... hề..., tôi ăn cơm rồi, bác về phép đấy chứ?

— Vâng.

— Mời bác vào chơi xơi nước. Máy khi. Đường từ đây về xóm nhà còn lâu, hãy vào tạm đây làm chén nước giải khát cái đã.

— Bỗng!

Rồi bác ngã cái mũ vàng, tha đôi giày không lỏ vào trong sân. Lũ chó thất kinh, sủa lạc cả tiếng. Bác Vực vào ngồi chính chệ trên ghế tràng kỷ nhà ông nhang. Bác uống luôn mấy chén nước chè mạn. Rồi bác nhìn quanh quất:

— Ai chà! Nhà ông nhang bộp phạm thôi? Bộp thực? Không kém gì nhà ngoài tỉnh mấy.

— Bác cứ khen quá thể chứ?

— Thực đấy. Bỗng lắm.

— Bác bảo bỗng là thế nào?

— Bỗng, tiếng tây là đủ tất cả các lẽ. Sang trọng, danh giá, lịch sự. Đủ hết cả. Tuốt mo.

— Gớm nhỉ!

— Nhưng mà này....

— Thừa, gì ạ?

Bác Vực trở tay lên phía đầu hồi bên trái:

— Chỗ khoảng tường trắng kia mà được treo một bức truyền thần thì ăn phom lắm.

— Truyền thần là thế nào?

— Là cái ảnh chụp ông ấy. Ảnh chụp rồi vẽ, to bằng cái mâm xếp vuông kia kia.

— Làng ta không ai có nhỉ.

— Xi, gớm. Ngoài tỉnh người ta mới biết mà chơi chứ. Ở đây, đã ai vạch mắt ra cho. Ông cũng nên chơi một cái cho khác kiêu.

— Độ chừng bao nhiêu tiền ạ?

— Bốn năm đồng thôi.

— Ồ....

— Rẻ lắm.

— Đề hôm nào thông thả tôi ra tỉnh nhờ bác.

— Được. Bỗng lắm.

Từ hôm ấy, ông nhang Chính cứ luôn luôn tơ tưởng đến cái ảnh truyền thần. Giá đem treo nó ở cái đầu hồi kia thì bỗng lắm, cừ lắm. Bác Vực bảo thế, ở làng này chưa ai biết chơi cái ấy. Đến nay chính ông cũng lơ mờ chưa thề rõ được cái truyền thần nó là cái gì. Nhưng mà kẻ chơi như vậy thì rẻ lắm. Chơi một thứ mà cả làng chưa ai biết. Chỉ tốn có vài đồng bạc. Thế ra, ở đời này, cứ tinh thạo là được chơi sang mà chẳng mất mấy nổi tiền.

Mấy bữa sau, một hôm, ông ăn vận áo the, quần trắng tề chỉnh. Ông lại cầm ô, móc cái khăn gói đồ vào cán, vác lên trên vai. Thằng con ông hỏi:

— Bố đi đâu?

— Tao lên tỉnh.

Mười hôm, ông nhang Chính về. Ông không mang gì ở ngoài tỉnh về. Cả ngày, ông kỳ cục cựa một cái ống

vầu lớn. Cái ống vừa dài, lại vừa to. Ông cắt thùng một đầu mẩu, lấy giấy bịt kín lại.

Ở nhà được mấy hôm, ông lễ mễ ôm cái ống vầu kỳ quái kia ra tỉnh. Chiều hôm đó, người ta thấy ông nhang Chỉnh đi thùng thỉnh ở trên đường cái tây xuống. Mặt và tai ông đỏ gay. Có lẽ ông vừa uống rượu ngoài chợ. Cái khăn lượt trông lộng quanh cổ. Cả cái áo the cũng quần nốt vào đấy. Một vai ông vác ngược cái ống vầu. Một tay ông cắp cái gì to lắm, như cái mâm xếp, bọc kín hai mặt những giấy nhật trình.

Ông đi khuệnh khoáng, với cái điệu vung vỉnh ghè. Mặt ông vênh lên. Hai cánh ria mũi mác đen nhánh cũng vênh ra. Hai cái ria, nom thú vị lạ. Nó tựa như là ai viết một chữ *bát* vào giữa mặt ông nhang Chỉnh. Cái chữ *bát* hơi mấp máy, động đậy. Ấy là lúc ông sung sướng hề hả lắm. Miệng ông đương sửa soạn một nụ cười tùm đấy.

Mà ông đương sung sướng, hề hả thực. Bởi vì, về đến nhà, ông coi các thứ kia ra, thì đó chính là những thứ mà bấy lâu nay ông hằng ao ước — do bác quyền Vực khơi mào.

Này, những tờ nhật trình được bóc ra. Một cái khung gỗ, rất bóng, có lắp mặt kính nhấp nhánh. Màu gỗ vàng xọng, tươi như nghệ. Chiếc mặt kính thì sáng loáng. Soi vào thấy rõ cả mặt người.

Đến khi ông nhang Chỉnh trịnh trọng gỡ nút ở đầu cái ống vầu, rơi ra một tờ giấy trắng phốp. Ôi chao!

Đúng là cái hình ông nhang Chỉnh. Đúng lắm. Đúng quá đi mất.

Ông *chít* khăn đen nhánh. Cái mặt ông, thực hết là... Cái mặt ông. Đủ cả hai tai, hai mắt, một mũi. Mũi có lỗ và mắt có lông mày cần thận. Trên mồm, chỉnh chệ hai cái mác ria đen và nhọn hoắt. Sao mà khéo thế, tài thế. Ông mặc áo đen dài, ngồi trên một bộ ghế rất sang. Một cánh tay ông khuỳnh ra, tựa vào mép cái bàn; một tay ông cầm chiếc quạt. Rõ ra điệu bộ của một người chứng chạc, đứng bực và phong lưu.

Được mấy hôm, người trong khắp xóm và khắp cả làng kéo rầm rập đến xem cái ảnh truyền thần của ông nhang Chỉnh. Ai cũng khen nức nở:

— Tài thực. Giống ông nhang như đúc.

Một buổi trưa, đương nắng to, ông nhiều Phận, người bên làng Phú - gia, đội nón đi sang chơi với ông nhang Chỉnh. Ông ta vừa lau mồ hôi, vừa hờn hèn nói:

— Nghe thấy người ta đồn rằng bên bác mới có cái hình gì tài lắm.

Ông nhang cười, trở lên tường:

— Đây này....

Ông kia tròn mắt lại:

— Ôi trời ơi kia, hết quá nhì! Chết chưa, sao mà lại giống như lột ấy. Mà gớm sao bác ăn mặc chứng như thế?

Ông nhang Chỉnh cắt nghĩa:

— Tôi chỉ chụp có một cái ảnh con con ba hào thôi. Tôi đưa cho người ta, thế là người ta vẽ luôn ngay ra như thế đấy. Bác tính có lười, mà có tài không? Bỗng lắm!

Ông nhiều Phận tặc lười:

— Cháu! Thiên hạ người ta có lắm người tài thực!

(1942)

4

THƯ HÀ-NỘI

Phượng K.,

TÔI vừa ở ngoài thành phố về, thì nhận được thư của Phượng. Lá thư đương nằm trên bàn tôi đây, với những dấu tròn nhem nhờ nơi trạm dây thép, chẳng chịt hai mặt phong bì. Dấu vết của những sự ghé bờ trong độ đường dài. Tôi vụt nghĩ đến nơi Phượng ở.

Xa lắm. Giữa một miền rừng rú mệnh mông. Riêng cách kinh đô của cõi Nam cũng ra hàng trăm cây số ngàn. Một phố nhỏ, gồm mười nóc nhà khắp khềnh. Phố bóm vòng quanh mấy nếp chợ ụp xụp, dựa ven một con sông. Sự hoạt động, lèo tèo hắng ngày như uể oải, tẻ nhạt, dưới ánh nắng gay gắt. Riêng những hôm kỳ tiền còn khác lạ đôi chút. Người ta kéo ra mua bán nhộn nhịp. Vẻ tấp nập và nhộn nhịp riêng của cảnh ấy và người ấy. Những người nghèo khó, từ phương Bắc đổ đến bán mình vào rừng rậm. Những người tha hương. Còn đau khổ bằng bao nhiêu những kẻ lìa cửa lìa nhà đến cầu thực trong những thành phố ánh sáng. Và nhất định chẳng thể mộng thơ như những chú *bồ hê miêng* không nhà, trong đầu mấy gã viết truyện, khéo góp một chút tưởng tượng hão. Đây, có những cái mặt xím ngoét như

chì, chảy phệ xuống, tưởng bám mà chảy ra nước. Những con mắt quầng, ngằn ngơ, ngơ ngác. Rặt những thân tàn ma dại mà bao nhiêu cơn sốt rét khủng khiếp bóc hết thịt máu.

Phượng ở đây. Xa quá.

Phượng hỏi Hà-nội ra sao? Hà-nội có những gì? Thưa anh, Hà-nội hẳn nhiều hoa lắm lắm!

Tôi vừa ở ngoài phố về. Còn nhiều bóng dáng ngựa xe thấp thoáng trong ý tưởng hỗn độn của tôi. Yên, yên tôi cố nhớ. Tôi nhớ. A! Một vòng hồ Hoàn Kiếm. Vào thành phố, có đi quanh bờ hồ, mới biết được Hà-nội cả bốn bề. Hôm nay đẹp trời. Nắng xuân tưng bừng. Thành phố của chúng ta có những hàng hoa bày bán cho mọi người ở một góc hồ. Còn những hoa thực, hoa để điểm trang màu sắc đường phố, ở đây thì không thiếu. Con gái nhiều ngẹn lên. Họ đi lũ năm, lũ bảy, sắc áo nghiêng xuống ánh nước hồ, thấp thoáng như ở trong nước có những rừng hoa đào, hoa mai. Những đàn con gái non dại. Vừa nhan sắc lại vừa dân dòn. Ai đâu mà dám ăn mặc như cung tần nghìn xưa trong thời buổi này!

Ngồi bút tôi muốn dẫn, tả tỉ mỉ nhiều nữa. Nhưng tôi không thể nhớ. Chẳng phải là vì tại ở đây lâu nhìn cái gì cũng quen thuộc, quen thuộc đến không để ý và quên đi. Với những sự vật hằng ngày quá, người ta thường bị thế. Mà bởi tôi đang bận nghĩ một chuyện khác. Câu

chuyện đã khiến tôi thất vọng đến nhột của muôn hồng nghìn tía của kinh thành. Nói ít câu với Phượng, cũng chả sao.

Vì chắc Phượng vẫn còn nhớ cái anh bạn đồng hành của tôi, dạo ấy? Cái anh chàng mặt mũi lăm lăm, thoạt trông tưởng như cạy miệng cũng chẳng nói được một tiếng, mà trái lại, rất vui tính và có duyên pha trò... À, Phượng nhớ ra rồi. Khi đó, hai tôi đeo đẳng mang nhau đi. Bạn có một tâm sự buồn. Nỗi buồn dịu dàng nhưng thấm thía. Ai đã nói rằng người đẹp thì ngồi bên song cửa. Chàng như mây bay chơi vơi ở bốn phương trời. Mây tước chung tình, cũng có ngày về qua đất cũ. Nhưng chẳng hay người đẹp có còn ngồi bên song cửa như thuở trước không? Điều ấy, bạn chưa cần nghĩ. Bạn tin tưởng. Hai tôi dọn chương trình cho một cuộc phiêu du rất lớn. Hy vọng lắm. Đã từng là một gã lang bạt, bạn muốn đưa tôi đi đây đó. Này, ai mà biết được. Nhưng ai cũng hiểu rằng sự đời không thể bao giờ dễ như chúng ta nghĩ. Cuộc sống ít ràng buộc của hai tôi, chẳng khó mấy, song cũng chưa hẳn là không khó. Nếu không... Ờ, nếu không, sao tôi lại chẳng nghe lời một gã bạn mà trở về đây — nơi khi ho cò gáy của gã. Trước kia, chúng tôi dự tính những gì. Bây giờ, chúng tôi sửa soạn ly biệt thực. Cũng một buổi chiều, như buổi chiều chày nắng của nơi Phượng, chúng tôi chia tay trong một ga nhỏ. Ráng trời xuống như máu đỏ trên mặt sông. Bạn ở lại, ngằn ngơ. Tôi trở về.

Từ ngày ấy cho tới bây giờ. Hôm qua, một lá thư

của bạn bay về tôi. Thư nói rằng mấy anh cùng ốm liệt giường cả. Mỗi ngày, bạn lên một con sốt rét. Bệnh ấy như có một con quỷ hút bớt máu trong người ta. Hai má hõm xuống. Đôi mắt lờ ra như đôi mắt cua. Mùa xuân mới thông thả về. Tết Nguyên-đán vừa đi. Người ta ốm trong mùa xuân, và vào giữa tết.

Phượng ơi! Tôi nghĩ rằng mùa xuân đẹp lắm. Tết thì vui vô cùng. Cái thành phố thủ đô của cội Nam xuân xao như một đêm hoa đăng bất tuyệt. Hà-nội thướt tha trong dáng liễu của những người đẹp nồn nà. Nhưng tôi lại nghĩ. Trong túi người ta cạn tiền. Buồn khôn xiết tả vạy. Nguyên-đán vừa qua, bạn tôi đã nằm nhia một cái tết chạy qua trước cửa và nghe đàn chuột cãi nhau dưới gầm giường.

Tôi nói chuyện bạn cho Phượng rõ, đề làm gì? Tôi hiểu Phượng vẫn ao ước tới Hà-nội. Không bút nào vẽ được muôn mặt của nó. Nhưng ở đâu nghèo, mà người ta chẳng khổ. Cửa địa ngục mở ra ở khắp mọi đầu đường. Những người ở quê nhà tôi, quanh năm đầu tắt mặt tối, dù ở rất gần Hà-nội, nhưng cũng chẳng mấy ai có thì giờ đâu mà đến đấy làm gì. Ngay như bà tôi vài năm, khéo lắm được đôi ba lần đi kẻ chợ. Với người, kẻ chợ nghe mang máng như một chốn tiền rừng bạc bể. Người ta sướng như tiên. Nhưng bà cụ cũng biết rằng tất cũng có nhiều người khổn khổ. Bà cụ lần lần thân lẫn thân mà nghĩ khéo quá.

Phượng chưa tới Hà-nội bao giờ. Phượng hãy thử

nghĩ kỹ câu chuyện bạn tôi và so một ý tương tự như của bà cụ già, mà tưởng tượng trước về cái thành phố ánh sáng đó của chúng ta.

Tôi không có ý e ngại trước câu hỏi tò mò của Phượng, như Phượng tưởng. Trái lại. Tôi gửi đây lời cảm ơn thành thực. Cái đời sống tinh thần giữa lúc này, Phượng cũng đã tỉnh ý, hiểu rõ lắm. Nhiệm vụ? Phải những sự cố gắng, những nỗi đợi chờ, những điều nhận chân lấy chỗ của mình đứng. Sao nữa? Nhưng mà nói đề làm gì, Phượng nhỉ? Còn, chào ôi! bấy lâu nay tôi đã sống ra làm sao? Thực vì có người hỏi, mà tôi mới nhớ ra. Nhưng tôi cũng không thể hiểu rằng tôi đã khổ, hoặc tôi đã sướng quá. Một là tôi chẳng nghĩ ngợi xa gần gì. Hai là tôi đã quen với khổ ải quá, quen đến nỗi không thể nhận thấy. Vậy tôi biết trả lời làm sao cho Phượng? Rằng tôi khổ, sướng, giàu, nghèo, thế nào, trong cái đời vật chất eo sèo của người ta?

Ờ, tôi kể Phượng nghe một mảnh truyện nhỏ này. Không hiểu nó có làm cho Phượng nghĩ ngợi một chút gì, nhưng chắc Phượng phải buồn cười.

Đã hơn hai năm nay, cả một gã trẻ tuổi đau khổ vì một đôi giày. Gã bị đau đớn, khổ sở đến ngay bản thân, chứ không phải cái đau khổ tưởng tượng như đau khổ vì tình, gã chỉ có một đôi giày ấy. Để nó bằng da dưới có đóng đinh trống. Mỗi khi vui thích một chuyện,

gi, gã nện gót giày kệt kệt rầm rộ. Da nó xù xì như da cóc, và cứng đung bằng da trâu. Đôi giày nọ về với gã do một lẽ rất dễ dàng. Là gã nhờ một người ướm chân, mua hộ gã xỏ hai chân vào. Tức cả bên ngang, lẫn bề dọc. Nhưng nghĩ cả cửa nhà có mỗi một đôi giày, mình cũng nên thương yêu lấy nó, gã tặc lưỡi: « Rời, nó sẽ rộng ». Ngày một ngày hai, đôi giày không rộng được ra như gã ước. Da như da bằng thép. Đi, nó nghiêng kệt và muốn cứa các khía chân. Gã bắt đầu đau khổ. Bởi vì, đi đâu, gã chỉ mạnh bạo cộp cộp được độ một quãng. Rồi gã cong hai đầu gối. Gã cố co mười đầu ngón chân lại. Gã bước những bước thật rón rén, nhẹ nhàng. Đau quá. Đôi giày đương bóp, đương cứa đương cắn hai bàn chân tội nghiệp của gã. Gã muốn rên lên. Nhưng can đảm, gã chỉ nheo một bên mắt. Một lần đi rừng, gã phải xách giày, chống ba-toong. Một bữa chơi tỉnh xa, gã phải bước đất, hai tay ôm giày, đi bên mặt trong phố. Gã buồn quá. Mỗi lần đi đâu, gã nghĩ đến nó trước nhất, để lo sẵn. Nó không thể khỏi chật, nghĩa là chẳng giãn thêm được chút nào. Gã lo quá. Chợt gã thấy mình dở hơi quá. Ai lại đi lo mất ăn mất ngủ, chỉ vì một đôi giày da trâu rất chặt ! Gã liền tự hỏi: « Sao ta lại chưa vác nó lên cầu Bồ-Đề mà quăng nó xuống sông Hồng-Hà ? » Vụt một ý được giải thoát, gã khoan khoái. Nhưng gã lại ngay mặt lại. Bởi gã thấy mình đã dở hơi hơn và cũng vô lý hơn. Để làm đom cho hai chân, chỉ có mỗi hai anh em nhà nó. Gã

không dám có ý tưởng đem vứt đôi giày xuống sông nữa. Gã đành cố nhịn nhục mà đi. Và từ đấy, gã âm thầm đau khổ. Nhưng gã dốt nát một cách nên thơ, vì gã chưa thể nghĩ ra rằng tại sao cái tâm sự đôi giày của mình lại ai oán đến nỗi thế. Cho mãi đến một hôm. Hôm ấy, cũng là một ngày đầu xuân. Gã đi lơ phơ trên hè phố, rún rầy thiếu não với đôi giày chặt. Gã bước những bước êm ái như thương xót chúng lắm. Chợt gã nhìn lên cửa sổ một nhà hàng phố. Trên cửa sổ, đề phoi đều ba đôi giày liền nhau. Nom ngon mắt quá. Gã kêu lên rằng: « Ô trời ơi ! Bấy lâu tôi bị méo mặt, bởi vì tôi chỉ có mỗi một đôi giày. » Chỉ lý, nói xong câu ấy, gã phục gã quá. Gã mơ đôi giày khác, rộng rãi hơn. Gã muốn đề dành tiền. Để dành, nghe chừng lâu quá, gã muốn bán đôi cà khố này lấy ít đồng, phụ thêm, mua đôi mới. Nhưng nếu bán nó đi, bây giờ, thì đào đâu ra giày mà đi đến nhà một bác thợ giày, để mua một đôi mới ? Rắc rối quá. Về sau, chẳng biết ra thế nào. Và chẳng hiểu đến bao giờ gã tuổi trẻ nọ mới khỏi đau khổ vì đôi giày chặt ?

Phượng ạ, đôi khi, tôi cũng chớm nghĩ đến sự lập gia đình. Nếu có được một người đàn bà thuộc vào những người đàn bà « *quanh năm buôn bán ở ven sông !!!* » Không phải tôi ước sẽ có được những ba đôi giày tây phoi trên cửa sổ đâu. Tôi chỉ muốn rằng: giá có mua phải một đôi giày chặt như của gã kia, mình cũng gom

đủ mấy đồng bạc, để tậu một đôi mới. Rồi hãy bán đôi cũ đi sau. Như thế, tiện và hay hơn, Phượng nhỉ?

Phượng thường trách tôi hay viết những chuyện thực thà đến sống sượng. Tôi còn biết làm thế nào, khi cuộc đời chỉ thật là những truyện rất tầm tã, sống sượng và đau xót ấy?

(1942)

GIỮA THÀNH PHỐ

Ở trên tàu bước xuống, Lắm đã trông thấy chú Tư đứng nghênh cò trong đám người lớn nhỏ trước mặt. Lắm vừa reo, vừa nhảy, vừa kêu lên:

— A chú Tư! Ôi ời kìa chú Tư!

Hắn xô cả mọi người để chạy lại với chú Tư. Hắn nói vội ngay một câu đầu tiên rằng:

— Hết cái cầu sắt thì đến ngay ga, chú này? Đúng quá.

Lắm như cái sự đúng ấy là một việc gì kỳ dị lắm.

Hai chú cháu, kẻ trước người sau, vòng theo cái cầu đá, đi xuống vệ đường. Vừa đi, bác Tư vừa nói:

— Đem làm gì khoai với củ ra thế này. Ở nhà đã chả có.

Lắm cúi nhìn xâu khoai đeo lưng lẳng ở dưới cái tay nải. Lắm nhìn chú. Và Lắm ngơ ngác nhìn xung quanh. Hắn hếch mép để hãnh ra hai hàm răng mãi hiện màu tro nhờ nhờ. Không hiểu Lắm cười hay là Lắm mếu!

* * *

Hôm xưa, về quê ăn giỗ ông nội, bác Tư dặn cháu Lắm đến mười tư thì sang Hà - nội chơi. Bác đưa sẵn

cả cho Lắm một xuất tiền tàu và thêm mấy xu cho Lắm uống nước.

Bác hơi huếch một tý. Bởi bác nghĩ tội nghiệp thằng cháu ngốc nghếch đã hai mươi một tuổi đầu mà vẫn chưa được trông thấy cái đèn điện nó sáng ra thế nào. Hôm về làng, ngoài mấy phong bánh khảo nhân đậu, bác Tư còn bọc được vào đây bị một cân nước đá. Đề làm cái quà lạ mắt. Và cả nhà đều lấy làm lạ mắt quá. Bác Tư chặt một mẩu đá nhỏ, đem đặt vào lòng bàn tay Lắm. Thấy lạnh, Lắm cười khi khi. Đến lúc buốt, Lắm giẫy nảy và kêu rầm lên. Lắm bảo với chú: « Cái thứ đá tây quái nhẩy? Nó buốt tê thìn thít. Ai có tội, đem bỏ vào mồm thì đến rụng ráo cả răng!»

Sáng nay, Lắm trở dậy từ lúc gà mới gáy tan canh. Mẹ Lắm, thầy Lắm và cả cái Hoe, em gái Lắm, cũng trở dậy sớm như thế. Cả nhà rộn rịch sửa soạn cho Lắm sang tỉnh. Thầy Lắm soi đèn vào buồng, chọn đống củ khoai nghệ mầm, đem xâu lạt tre. Mẹ Lắm và cái Hoe xuống bếp thổi cơm. Cơm chín, Hoe lấy vuông khăn vải, bóp nhien lại thành một nắm lớn rồi bọc kẹp vào hai mảnh mo cau non để anh Lắm mang đi làm lương thực ăn đường. Mẹ Lắm cứ nhắc đi nhắc lại rằng: Lên tàu thì phải ngồi vào giữa ghế, không được trông nghênh, trông ngáo mà thò cò ra ngoài. Nhớ để cái tay nải kẹp vào hai đầu gối, kẻ cắp tàu hỏa là chúa ranh dấy. Mà ngồi thì phải chọn chỗ ngồi với những ông già, bà cả ấy. Mỗi bận tàu đổ, phải hỏi người ta

xem đã đến nơi chưa. Ga gì nào? Ga Đầu-cầu Hà-nội. Tàu nó đi hết cái cầu sắt kêu soành soành là đến nơi. Nghe kỹ chứ đừng nhầm lẫn ra cười mà có khi trắng mắt ra đấy, nỡm ă!»

Lắm cúi đầu, ngoan ngoãn nghe. Nhưng mà ra lỗi thế thôi, chứ từ hôm chú Tư cho tiền để đi Hà-nội, Lắm được nghe những lời đó đã có tới tám mươi năm bận rồi. Lắm rồi rít đi rửa mặt và vuốt nước lên chòm tóc đỏ hung hung. Lắm cầm lược đem gương vào tận trong bếp, kê bên ánh lửa rơm cháy bập bùng để chải đầu. Cái Hoe tinh nghịch chế mãi anh có cái đầu hộp. Lắm chỉ nheo mắt, mím một nụ cười túm. Hai cái răng vầu của hắn như càng chìa dài thêm ra. Lắm mặc cái áo tấc chồi vàng chóa, còn nguyên cả đầu mẩu. Cái quần vải ta của Lắm, hai ống rộng huếch và cứng cành cành. Lắm định mượn cả đôi giày của anh Diễm để diện, nhưng thầy Lắm mắng: « Chớ có mó đuôi ngựa. Một ngày lại không biết tính cái thằng Diễm keo cú! Đi lên chỗ kinh kỳ đô hội, kẻ cắp như rươi, mà mất của nó thì gọi là mầy cứ đèn mượn. Đi đất thì làm sao? Càng thanh mảnh, càng mát mẻ cái chân. Tao, tao cứ đi đất hàng đời.» Cho nên, Lắm lại thôi không dám mượn. Và quả tình anh ta, với sự quen, cũng thấy đi đất là nhẹ nhàng, chả có hại gì cả.

Chỉnh tề rồi, Lắm đeo lên vai cái tay nải nhỏ, trong có đựng nắm cơm. Xâu khoai thì buộc vào núm đầu tay nải.

Trời chưa tan sương. Từ làng Lắm đi ra cái ga xếp gần nhất, cũng phải qua mắt hai cánh đồng lớn. Lắm ra đi. Mẹ và cái Hòe đi với Lắm ra tận cổng làng. Và bây giờ Lắm đã đề chân được tới tỉnh Hà-nội.

— Vào đây, cháu.

Từ lúc vào đến trong thành phố, đôi mắt, đôi tai, hai lỗ mũi và cả cái mồm đầu của Lắm cứ trông, cứ nghe, cứ ngửi rồi rít tang bồng. Bởi vì, người ta, và các thứ xe cộ luôn luôn đi, lại leng beng cả lên. Bao nhiêu tiếng động rầm rầm, to bằng mấy hộp việc làng, như sắp vỡ chợ, như là trong xóm có đám cháy. Lắm đề tất cả tinh thần vào tất cả những cử động, những thanh âm kỳ dị đó. Thành thử anh ta quên hẳn ngay mình. Đến nỗi chú gọi mà cũng chẳng nghe thấy tiếng gì.

Bác Tư tóm cánh tay Lắm:

— Vào đây chứ, Lắm.

Lắm đã hốt hoảng chìa răng ra cười:

— Hòe. Đã đến nhà rồi *nhảy*? Chỗ nào, chú?

Chú dẫn cháu vào một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu. Cái cửa hàng đó ở giữa một phố cụt, lúc nhúc những nhà hẹp và tối chỉ rộng bằng bề ngang cửa những bao diêm.

Chẳng biết đây có phải là một cái nhà không, hay là một cái đình con con. Nếu cứ trông lên nóc những

nhà cửa các phố buôn bán của chúng ta thì không thể nào nhìn cười được. Những mái, nó hẹp, nó ngắn, nó méo, nó dài và nó cồ lổ tự đời kiếp nghiệp lai nào! Chúng nó chen chúc nhau, kèn cựa nhau để chiếm lấy một chỗ ló mặt. Chúng nó úp trên những mảnh tường cao khỗ đến nỗi người ta tưởng như nếu chúng, không được tựa vào nhau thì chỉ một ngón tay cái cũng có thể dí bẹp sập cả tường, cả mái xuống. Những cái mái nhà Hà-nội trong những phố đông đúc đó, khỗ sở, khỗ nạn và bần mắt biết bao nhiêu!

Đến ngay anh cu Lắm, ngẩng nghĩa mãi, mà cũng phải lấy làm không hài lòng.

Lắm bước chân vào trong nhà thì đứng phải vô khối người lạ. Nào đàn bà, nào đàn ông, nào con trẻ. Nhưng không một ai chú ý đến chú cháu nhà Lắm. Bác Tư cũng không đề Lắm đứng ở đấy. Bác đưa Lắm vào một góc nhà tối om. Mặt Lắm bỗng sầm lại. Bác bảo Lắm: « Trèo lên ». Lắm ngàng đầu, để xem là mình sẽ trèo lên cái gì.

Ồ! Lắm sẽ trèo lên một cái thang. Ừ, cái thang. Có gì là đáng nói. Nhưng có làm sao, trông thấy cái thang đề trèo lên, Lắm lại ngần ngừ và quay lại nhìn chú?

Ấy là những cái bậc gỗ, lắp vào hai cái giống gỗ và gán dựng đứng vào cái tường xám. Nó thẳng như một thân cây cau. Nó thẳng rất nghiêm chỉnh không nghiêng, không vẹo về phía nào hết. Nó dựng liền vào mặt tường, rất vô tư và trơ tráo, mặc ai muốn trèo leo thế

nào thì trèo leo, muốn ngã thế nào thì ngã. Bộ dạng nó như thế. Và tên nó rõ ràng là *cái thang gác* vậy. Những bậc gỗ, vì lên xuống nhiều, đã lên nước bóng nhoáng.

Thấy thằng cháu nhìn mình thì bác Tư đã hiểu ra cơ sự làm sao rồi. Không muốn nói, bác bèn thực hành luôn ngay để cho nó trông thấy. Vít cái bậc gỗ, bác cong người lại. Tay bác lên một bậc thì chân bác lên một bậc, y như cái thang người leo cột mỡ. Trên đầu bác Tư là một cái lỗ vuông. Bác chui lọt vào cái lỗ đó, đưa tay xuống với lấy cái tay nải và râu khoai. Bác ra hiệu:

— *Oách... oán... Oong... Đơ.* Trèo lên dễ như bỡn. Cứ như trèo sấu ở nhà ấy.

Lắm nghe lời chú, bám cái bậc gỗ, khom lưng lại mà trèo. Thì quả dễ y như rằng. Lên khỏi thang, Lắm luôn được người vào trong một cái bụi gỗ. Cái bụi này ba phía giáp với mái nhà, một phía có cửa nhìn ra đường chẳng một lượt dây thép mắt cáo, để cho ai vô ý khỏi ngã thõm xuống thềm hè. Người ta không thể đứng được ở chỗ đó. Hay nếu có gọi được là đứng thì người ta chỉ đứng khom người mà không không cái lưng.

Hai người ngồi trong cái gác thì vừa vặn. Những tiếng lách rắc chuyển động ở xung quanh các mộng ván nghe cũng đều đều vui tai, chưa đến nỗi dữ dội lắm. Nhưng thêm vào một mạng nữa, có thể nó sập ngay xuống như một cái cạm chuột.

Tuyệt diệu thay cái gác của chú thằng Lắm! Cái thang gác dựng đứng, chỉ những người đi chân đất bình dân mới dám trèo lên mà thôi.

Ở trong cái gác đó được đến sáng hôm sau thì Lắm đã thông thuộc cả nhà dưới, nhà trên, nhà ngoài — nói là hai gian nhà ngoài thì đúng hơn — nhà ngoài là một cửa hàng bán tương cà, mắm muối, kim chỉ của hai vợ chồng một người thư ký nhà buôn mà chú Lắm bảo rằng: « Ông ấy đi làm việc tây ». Gia đình ấy có một đàn bốn đứa con.

Nhà trong là một chiếc giường rộng, kê vừa khít vào cái ô buồng, lối lên thang gác nhà Lắm. Ban ngày, ở giường ấy chẳng có ai. Nhưng tối đến thì có năm người đàn ông nằm song song. Tính ra, kể tất cả lớn bé, có tới xấp xỉ mười lăm mười sáu người nhét trong cái bao diêm này. Gác của bác Tư ở lơ lửng vào quãng giữa. Trong kia là bếp. Chui vào gác tối om như thể chui vào cái vỏ chai bia đen.

Thế mà Lắm cũng thấy thích đáo để. Cả ngày chú Tư đi làm. Chú Tư làm sở lục lộ. Chẳng hiểu chú làm việc gì. Chỉ biết rằng sở lục lộ là sở nhà nước.

Chú Tư mặc quần áo nâu và đeo ở bên cánh tay trái một cái biển đồng bóng nhoáng to bằng cái lá mít đại. Chú thổi cơm buổi sáng. Ăn rồi còn bao nhiêu đem nằm lại làm hai năm. Một đêm đi làm bữa ăn trưa,

một đề lại cho Lắm. Như thế tiện và đỡ diệu vợi bếp nước. Bởi vì đỡ phải khó chịu về sự thối cơm nhờ bếp lại thêm việc bùng nôi lên cái thang gác kỳ quái ấy còn là một điều khó nhọc hơn.

Lắm cũng ăn cơm như chú. Lắm ngồi nhòm nhòm ở trên gác, nhìn qua cái lưới mắt cáo, xem những người ta đi lại ở dưới đường. Cũng vui mắt. Đệm đến, nhà không phải thấp đèn. Cái đèn điện của thành phố mắc ở luồng dây thép giữa đường sáng cả vào chỗ chú cháu Lắm nằm.

Đêm hôm qua, chợt thức giấc, thấy ánh sáng vắng vặc, Lắm giật mình, quên không biết nằm ở đâu. Mãi mới nhớ ra. Tàn màn Lắm nằm nhìn xem những con muỗi đất bay lăng quăng xung quanh cái chao đèn trắng bong.

Lắm mới ngủ được một đêm ở Hà-nội. Lắm định ở kinh thành vài ngày; còn đề đợi chú dẫn đi xem đó đây, cho về làng có chuyện đề mà nói. Lắm bảo chú:

— Chú cho tôi đi xem bà đầm xòe.

— Ừ, tối hôm nay. Tối nay tao cho mày đi xem Quảng-lạc.

Cả ngày hôm đó, Lắm ngồi ôm gối hy vọng.

.

(1942)

**DẤY BINH
LẤY LAU LÀM CỜ!**

MÁY tối nay dạy hát. Việc dạy hát là một việc khó khăn. Vì không một đứa học trò nào chịu hát. Chúng ngượng. Ai lại dám đứng lên, hát lí la lí lờ mấy câu cho những người xung quanh cùng nghe, mà ngoài cửa lại có mấy đứa lấp ló, thò đầu, lé một mắt, nhòm. Thẹn chết!

Lớp có hơn năm chục học trò nhỏ. Một nửa hơn hai chục con gái ngồi bên trong. Một nửa độ ba chục con trai ngồi giầy bàn ngoài. Thầy giáo Cang đứng giữa, cầm cái thước kẻ to.

— Các anh, các chị hát đi. Tôi gõ thước một hai ba thì hát này. Một hai ba. Hát *trăng kia* ...

— *Trăng ... kia ...*

— Ô hay! Sao lại cúi mặt cả xuống thế kia? Nhó, cười cái gì thế? Hát không phải là chuyện cười. Hát vui lắm. Anh chị nào hát giỏi, hát hay, sẽ chóng thuộc bài — là tôi nói bài học đó. Đúng đấy. Các anh, các chị thử hát xem. Nào, lần này hãy hát cho thực đứng đắn. Gõ một tiếng thước, khoanh tay lại, chăm chú nghe tôi hát, một câu. Tôi gõ tiếng thước thứ hai, cả

lớp hát cho thực đều cái câu tôi vừa hát. Tôi gõ nhẹ. Cách. Khoảnh tay lại. Anh Bồi, sao lại nhìn lên tường thế kia? Phải nhìn lên tôi, hết sức chú ý nghe chứ. Cách. Tiếng thước thứ hai đó. Nghe tôi đây.

Ông Cang lăm lăm dừ gặt gù đầu thước, vươn cổ nhìn đàn học trò nhòm nhếch. Hai con mắt ngó dữ quá. Bồi thấy hết sức muốn thôi miên cho lũ trẻ con nhìn lên mình. Cho mình hát làm mẫu. Thầy đang hân lấy giọng, hai tay giơ lên giơ xuống như ông đội cầm que làm điệu cho các bác lính thời kèn bư rích.

— Nghe tôi đây. Hề hề... *Trăng kia trăng...* Hát đi!

— *Trăng...*

Thầy nhắc:

— *Kia trăng...*

— *Kia...* hích hích...

A á, đùa cái gì? Đùa cái gì? Chị Lan, chị muốn tôi đuổi chị ra đứng cửa hay sao? Cách, cách. Hát. *Trăng kia trăng...*

— *Trăng...* hư hứ...

— Chắc! chắc! Không chị nào há miệng ra hát được một câu à? Tôi sẽ đuổi tất cả lớp ra cửa. Không phải là chuyện đùa.

Ông Cang đã nổi giận. Dưới ánh đèn, mà cũng thấy mặt ông đỏ rừ. Hai cái tai thì đỏ tím lại. Một chiếc gân đũa nổi cộm ở trán bên phải. Đó là lúc ông tức lắm. Cả lớp im lặng, con muỗi bay o o cũng nghe rõ mồm mọt. Lũ học trò sợ xanh mặt. Chúng sợ ông giáo.

Chúng lại sợ hát. Đứng cuối lớp một ông học trò lớn nhất, mạnh dạn đứng dậy:

— Thưa thầy, chúng con không thể hát được.

— Sao?

— Hát khó quá ạ.

Ông Cang thở dài. Miệng ông thông chữ o. Cái cằm như muốn rời chỗ mà ngã xuống đất.

Nguy quá. Nguy lắm. Làm thế nào cho từ giờ đến đầu tháng tư, có được một lũ học trò lên sân khấu để hát. Trong khu ngoại ô này anh em đương tổ chức diễn một tối kịch để lấy tiền mở thư viện cho những học trò đã học qua lớp cao đẳng của hội «Truyền Bá học chữ Quốc-ngữ». À, nghĩ thì dễ lắm. Nhưng đào đâu ra người làm việc bây giờ? Xem ra ai cũng bận cả. Ngay đến dạy học cũng lắm khi còn thiếu giáo viên. Bởi vì dạy trẻ nghèo biết chữ, thì chẳng ăn thua lợi lộc gì cho người ta cả. Mấy anh vợ vằn, dạy đến hai khóa, đã thấy bỏ chối hơi tai. Cái gì mà tối nào cũng lựt cụt đóng bộ đi gào thét vào tai một lũ trẻ. Chao ôi! sao mỗi miệng quá, sao đau nhói trong ngực, sao đôi mắt lại díp lại thế này? Mệt và buồn ngủ lắm. Nhưng may, ở đây ít người nghĩ lại ra như thế. Người ta đều chịu khó cả, nếu người ta không bận việc của người ta. Hãy còn rắc rối cái chữ nữa ở đây. Người ta tuyên bố: «Tôi nay, tôi dạy học, nếu tôi thông thả». Biết bao giờ tôi

thong thả! Bởi tôi có lười biếng đến nỗi không mớ tay vào làm việc gì bao giờ đâu! Anh X, khi nào người ta tìm đến, thì thấy anh ta vẫn đạp xe đạp nhao nhao ngoài đường với một công việc buôn bán. Anh Y, tôi nào cũng mắc trông hàng. Anh Z, thương ôi! tôi nào cũng bận đi chơi lơ mơ trên đường vòng thành. Đêm trăng sáng trên trời, gió đầu mùa hè thổi hây hây. Trong lối đi có những người con gái thướt tha dạo mát. Hây, bước đi chơi thong thả, chẳng mệt một chút nào. Dạy học khó lắm. Giam mình vào một cái buồng. Chịu làm sao nổi. Lỡ ho lao thì rồi đời. Ôi, chẳng nên, chẳng nên.

Lại cũng may mà trong khu này người ta ít nghỉ vậy. Nói không sợ, sai. Vậy nói là ít, cho được thực đúng. Bởi chính cũng có anh vẫn đi chơi và lúc nào cũng kêu mình ốm. Song phần nhiều các anh cũng ưa làm hữu ích. Bởi thế, một hôm, người ta họp một buổi hội đồng. Hoài bàn. Cái gã này phiền quá. Gã vừa đi vắng xa mấy tháng, không dạy việc chi hết, bây giờ về, về chuyện, muốn tỏ rằng gã cũng tham hoạt động lắm đấy. Gã bàn:

— Diễn kịch, mở thư viện. Năm ngoái, anh Khôi đã nói thế, không diễn kịch, người ta cười cho.

Khôi liền tán:

— Phải, diễn kịch.

Oánh cũng cúi xuống, thêm:

— Ừ, diễn kịch.

Thế là việc xong. Người ta nghĩ đến việc lập một ban kịch trong anh em. Và anh Cang phải cái trách nhiệm dạy lũ học trò mấy bài hát, cho lên sân khấu hát, trước khi diễn kịch. Diễn kịch! Diễn kịch! Kịch kịch! Kịch liệt thực. Anh nào cũng hăng hái tưởng như nói chiều hôm nay, thì tối mai đã diễn kịch đến nơi. Thực ra, chưa ai cắt cử tập tành gì hết. Hãy còn leng beng lắm. Mới có việc dạy hát tây, mà cũng còn chưa đâu vào đâu. Học trò rất như cây, ngưng, không chịu há miệng hát. Hôm qua đã tuyên đến anh Tập là cái anh dạy hát khá, mà cũng không dạy được. Chúng vẫn tiện. Cang thở xì ra, bảo Khôi:

— Hồng. Thôi, xúp cái việc hát hồng này đi!

Khôi xua tay. Gã này thường có nhiều ý kiến mới trong những lúc bí. Khôi nói:

— Không. Tôi đã có kế. Đề tối mai họp.

Ừ, tối mai. Tối mai thì các ông giáo định họp nhau lại đề làm gì bọn học trò. Đánh chúng nó chẳng? Chúng nó sẽ bỏ học. Các nhà giáo hết khách.

* * *

Tối hôm sau, các ông họp nhau lại thực. Lớp học ở trong. Các thầy giáo đứng ngoài cửa, bên ánh đèn. Người ta thấy đủ mặt toàn ban tài tử. Ông Thịnh mập như cái chum đại. Ông Oánh cao bằng cây cau. Ông Can ngay đơ như cái đòn gánh uốn lưng. Ông Khôi mặt đỏ như mặt gà chọi. Gã Hoài cái đầu bù như cái

loa gà. Còn mấy ông nữa, ngồi xếp hàng trên tường hoa, xẽ trông bóng tối. Ông Cang vẫn lăm lăm cầm cái thước như lối hôm nọ. Ông ra, mời:

— Các bạn vào cả trong này.

Các ông giáo li lăm lư lư lần lượt đi vào. Ồ, được hơn mười ông. Đứng ngộn cả lớp. Học trò đứng dậy chào, đều rầm rập. Khi hơn năm mươi học trò đã ngồi xuống, Cang gõ thước, lấy điệu, nói:

— Các anh, các chị học hát tồi quá. Mấy hôm mà không hát nổi một câu. Tôi lấy làm buồn lắm. Các anh các chị ngưng hay sao? Ồ, vô lý. Hãy trông đây. Trông lên đây. Các thầy đây nhé. Các thầy thực là những người lớn nhé. Vậy mà các thầy cũng hát rất đáng hoàng, nghe. Cách, cách, cách. Một, hai, ba. Hát *trắng*...

— ... Kia trắng ...

Dưới trời là trời trắng sáng ...

Sáng soi chúng ta một đoàn,

Dưới này là này đua hát...

Hơn mười ông giáo, rất đứng đắn, người đeo kính, kẻ thắt cà-vạt, gân cổ lên hát. Tiếng âm âm vang động. Lũ học trò ơ mặt, nhìn các thầy, ngơ ngác. Chúng không kịp ngạc nhiên. Các thầy mà cũng dám hát li lô. Nhớ ơi! hãy hát lên!

Một buổi tối. Đã tan học, nhưng học trò còn ở lại. Tối nay người ta họp cả ba lớp làm một, cho hát thử.

Sắp đến ngày phải lên sân khấu. Hơn trăm học trò đứng khoanh tay một loạt. Thầy Cang vẫn đứng giữa, tay vẫn lăm lăm cầm cái thước kẻ to và dài như chiếc đòn gánh.

Thầy gõ:

— Cách!

Bỗng vang lên:

— *Anh hùng xưa...*

Nhớ hồi là hồi...

Bao nhiêu miệng cùng hòa một tiếng. Tiếng trầm, kéo dài ra, náo nức. Tiếng ồn lên, đập vào tường, thoát ra bốn phía cửa sổ. Nhà giáo bỗng bần thần, vẻ nghi ngại. Học trò vẫn đương hát. Nhưng tiếng hát đồng thanh kia dường như cứ cao mãi, lờn mãi, vang mãi và lầy mãi ra ngoài sân rộng. Cái lớp học bé nhỏ tưởng như phải lung lay đi. Những bức tranh vẽ treo trên tường hơi dụng dẩy. Cả cái bàn cũng muốn nhảy cách cách theo nhịp hát, nhịp gõ thước của ông giáo. Quái nhỉ? Nhà giáo mở một cánh cửa chớp. Hai mắt nhà giáo tròn lại:

— Ồ, thảo nào...

Ngoài sân, ngoài sân rộng rãi, có đồng bao nhiêu là người. Người nhiều như kiến, đứng đen nghịt trong bóng tối đen kịt. Trẻ con trèo, hếch mũi lên cửa sổ. Người ta đến nghe hát, và hát theo. Cang gõ thước. Thì cả trong lẫn ngoài cùng hát. Lũ học trò ở trong, nhỏ bé và kín đáo nơi bốn góc tường. Nhưng cái đám người đứng ngoài, mênh mông và ồn ào như sóng trào lên, nhiều gấp mấy lần học trò. Cang tưởng như họ vây đặc

cả bóng tối. Càng rạo rức trong người. Như chàng người
được thấy cả cái không khí của một khối người đang
kèn cựa hục hặc ghê gớm...

— Anh hùng xưa...

Nhớ hồi là hồi niên thiếu,

Dấy binh lấy lau làm cờ...

Càng cảm động lạ thường. Chàng sờ hai tay lên
má xạm như nổi gai ốc. Và chàng say sưa, cũng hát
theo với mọi người.

Dấy binh lấy lau làm cờ...

Dấy binh lấy lau làm cờ...

Tiếng láy ồn ã, náo động, như xoáy vào trong đám
đông.

(1942)



Xuân Thu

Cơ Sở Ấn Loát và Phát Hành Đa Loại Sách, Tiểu Thuyết, Tự Điển Thông Dụng
Phục Vụ Cộng Đồng Người Việt Tại Hoa Kỳ và Hải Ngoại từ Năm 1976
P.O. Box 720065, Houston, Texas 77272 U.S.A. (713) 498-1474